

NGUYỄN - XUÂN - HIẾU và TRẦN - MỘNG - CHU
GIÁO - SƯ CỬ - NHÂN

VIỆT-VĂN DIỄN-GIẢNG

KIM - VĂN và CỎ - VĂN

lớp đệ lục

SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI BAN HÀNH

IN LẦN THỨ MƯỜI HAI

NHÀ XUẤT-BẢN BÔNG-LAU

NGUYỄN - XUÂN - HIẾU và TRẦN - MỘNG - CHU
GIÁO - SƯ CỬ - NHÂN

KINH-BIỂU

VIỆT-VĂN DIỄN-GIẢNG

lớp đệ lục

thuongmaitruongxua.vn

SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI BAN HÀNH

IN LẦN THỨ MƯỜI HAI

Nhà xuất bản **BÔNG - LAU**

34, đường Cô Bắc - Saigon

Mấy lời nói đầu

Hai cuốn Việt văn diễn-giảng đệ thất và đệ lục của chúng tôi ra đời đã được mười ba năm. Trong thời gian đó, qua nhiều lần tái bản, gần 50.000 cuốn đã được lưu hành tại các trường Trung-Học từ Nam chí Bắc. Sự hoan nghênh của các bạn giáo sư và học sinh đối với hai cuốn đó làm cho chúng tôi phấn khởi và nhận thấy có bốn phận phải luôn luôn cố gắng để cho cuốn sách mỗi lần in lại được hoàn-hảo hơn. Để phù hợp với chương trình Trung-Học ban hành do nghị định số 1286 GD/ND ngày 12-8-1958 và để thuận lợi cho học sinh hơn, trong kỳ tái bản lần thứ 12 này chúng tôi trình bày lại quyển giảng văn được sửa đổi như sau :

1) Trước đây Kim văn và Cổ-văn đã được in làm hai cuốn riêng biệt chung cho hai lớp đệ thất và đệ lục. Sự kiện này, nếu có cái lợi là làm cho hai phần Kim văn và Cổ văn ở hai lớp đầu tiên ban Trung Học có tính cách liên-tục hơn, thì trái lại cũng có một điểm bất tiện là học sinh ở hai lớp ấy phải tốn tiền vì mua cả hai cuốn Kim văn và Cổ văn cùng một lúc. Để tránh sự bất tiện đó lần này chúng tôi cho in hai cuốn giảng văn riêng biệt, một cho Đệ Thất, một cho Đệ Lục. Mỗi quyển đều gồm có phần Kim văn và Cổ văn.

2) Vì hai quyển giảng văn của chúng tôi trước kia được ấn hành tại Bắc Phần, trong khi tại Miền Nam chưa đem áp dụng chương trình Việt tại các bậc học, nên phần lớn các bài Kim văn cũng như các câu ca dao đều trích ở các tác giả Miền Bắc, Miền Trung. Hiện nay chương trình Việt đã được chính thức áp dụng ở các bậc học. Lại thêm có nhiều nhà văn Miền Nam có tiếng tăm, đáng làm khuôn vàng thước ngọc cho học sinh học hỏi nên để bổ khuyết điều thiếu sót trên, lần này chúng tôi cho in thêm một số ca dao và một số bài của các tác giả Miền Nam như Bình-nguyên-Lộc, Lê-vĩnh-Hòa, Ngọc-Sơn, v.v... Những bài này được lựa chọn với mục đích cho học sinh một ý-niệm về Miền Nam yêu dấu của nước Việt với những

sắc thái đặc biệt về cảnh về người. Với sự bỏ khuyết ấy, chúng tôi hy vọng rằng quyển sách này sẽ giúp cho học-sinh hiểu rõ về đầy đủ mọi miền của đất nước để mến yêu hơn.

Mục đích của hai cuốn sách đã được trình bày nhiều lần trong các kỳ in trước. Ở đây chúng tôi chỉ xin nhắc lại một cách sơ lược : mục đích chính của chúng tôi là biên các giáo sư một tài liệu để giảng văn, tránh cho các vị công việc chọn bài và soạn bài. Vì vậy chúng tôi đã lựa chọn một số bài in thành sách và dưới mỗi bài đều có đặt những câu hỏi trong phần bình giảng để các vị có thể dựa vào đó mà giảng bài một cách dễ dàng hơn. Về phần các học sinh, họ sẽ không phải chép bài và các học sinh chăm chỉ, thông minh có thể xem và sửa soạn bài giảng bằng cách trả lời những câu hỏi trước khi đến lớp nghe giáo sư giảng dạy.

Để cụ thể hóa phương pháp giảng văn đề ra trong sách, chúng tôi sẽ trình bày hai bài văn bình giảng, một bài thuộc loại Kim văn và một bài ca dao. Ngoài ra chúng tôi cũng lược khảo về hai thể Lục bát và Thơ Đường hầu giúp học sinh hiểu rõ về hai thể văn này mà họ sẽ gặp trong chương trình Việt văn của hai năm Đề Thất và Đề Lục.

Lời nói cuối cùng của chúng tôi là lời cảm ơn các vị giáo sư đã có nhã ý cho chúng tôi biết những kinh nghiệm và những nhận xét quý báu sau khi đã dùng hai cuốn sách này để giảng dạy. Chúng tôi cũng xin cảm ơn tất cả các tác giả có bài trích in trong sách Sự góp phần của các vị sẽ giúp ích rất nhiều cho các học sinh trong việc tìm hiểu để mến yêu văn học hiện đại của đất nước chúng ta.

Saigon, ngày 15 tháng 4 năm 1963

Nguyễn-xuân-Hiếu và Trần-mộng-Chu

I

PHẦN KIM VĂN



CHƯƠNG TRÌNH QUỐC VĂN

ĐỀ - LỤC

- I. Văn xuôi hiện kim : Mỗi tuần 2 giờ cũng như ở năm Đệ Thất nhưng chọn nhiều bài về loại thuật sự, loại hỗn hợp (vừa miêu tả vừa thuật sự). Lẽ tất nhiên bài dài hơn năm Đệ Thất.
- II. Văn vần và truyện cổ : mỗi tuần 1 giờ.
Trích giảng :
a/ Văn vần : Gia-huấn-ca (Nguyễn-Trãi) ; Bích-câu Kỳ-ngộ, Bà huyện Thanh-Quan.
b/ Truyện cổ : Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh-tịnh-Cửu.
- III. — Văn thể : Lục bát và biến thể.

KHÁI NIỆM VỀ CÁC LỐI HÀNH VĂN

Theo các quan-niệm đã trình bày ở trên về sự quan-trọng của các bài giảng văn, chúng tôi thiết nghĩ, ngay từ lớp Đệ-thất Trung-học, các-vị giáo-sư đã có thể hướng dẫn học-sinh trong việc phê-bình các bài giảng về phương-diện ý tưởng cũng như về lối hành văn của tác-giả. Mới đầu thế nào học-sinh cũng còn bỡ ngỡ, nhưng dưới sự chỉ dẫn có phương pháp của giáo-sư, họ sẽ quen dần dần. Cố nhiên là chúng ta sẽ không dùng mấy giờ hay mấy bài đầu tiên để cho họ học tất cả các khái niệm cần thiết về các lối hành văn thông thường. Giảng như thế, học sinh sẽ chán nản, không tìm thấy thú vị ở trong bài học, do đó sẽ không được kết-quả theo ý muốn. Nhưng chúng ta có thể giảng dần dần cho họ biết trong khi giảng các bài văn có các lối hành văn khác nhau.

Chúng tôi sẽ trình bày dưới đây những khái niệm cần thiết về các lối hành văn thông thường không những là để cho các bạn giáo sư và học sinh có thể tra cứu được rõ ràng mỗi khi gặp một vài danh từ không rõ nghĩa, mà còn là để đồng ý với nhau về các danh từ đem dùng, nhất là khi các danh từ đó chưa được thống nhất. Muốn cho gọn hơn, trong các bài bình giảng, chúng tôi đã dùng cả hai chữ : lối hành văn và lời văn để ngụ cùng một nghĩa.

Lời văn của tác giả có thể :

1. — **Đúng và chính xác** khi tác giả đã dùng để diễn tả ý của mình, những chữ đúng và giản dị đến nỗi chúng ta không thể thay vào đó một chữ khác mà không đổi mất ý của tác giả. Ví dụ : chữ « ngộp » trong bài *Nắng mới* của Bùi-Hiền, các tiếng nhà nghề trong miệng một người lái xe ô-tô : bù-loong, rỗng-đền v . v các tiếng địa-phương theo thời gian và không gian : như trong bài « Một vụ kiện ly-dị » của Bùi-Hiền, hay bài « Phát giải chim thi » của Kim-Lân.

2. — **Gợi hình** khi tác giả đã dùng những chữ có thể gợi ra trước mắt chúng ta hay trong lòng chúng ta những hình ảnh, những cảm giác, những cảm tình mà các nhân vật đã trông thấy. Thí dụ có rất nhiều trong các bài trong quyển này.

3. — **Nhiều màu sắc** khi trong bài ta thấy có nhiều đoạn tả màu. Ví dụ : Bài *Nắng mới* của Bùi-Hiền.

4. — **Dồi dào** khi tác giả dùng nhiều chữ để phân biệt những ý khác nhau rất nhỏ của một ý hay một vật.

5. — **Súc tích** khi tác giả dùng ít chữ mà diễn tả được nhiều ý : Ví dụ : bài *Nắng mới* của Bùi-Hiền.

6. — *Nhanh nhẹn, linh động* khi bằng cách đặt câu hay cách dùng hình ảnh, tác giả cho ta cái cảm tưởng hoạt động trong bài.

7. — *Nhịp nhàng*, khi đọc lên, bài văn nghe rất êm tai.

8. — *Giản dị* khi tác giả dùng những câu hay những chữ rất dễ hiểu, không cầu kỳ.

9. — *Thân mật* khi tác-giả nói với độc-giả như một người thân yêu mà không cần dùng những lời khách sáo.

10. — *Hùng hồn* khi giọng văn đọc lên nghe rất mạnh mẽ.

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHÍNH DÙNG ĐỂ GIẢNG VĂN

Mục đích của cuốn sách này là giúp học-sinh mở rộng kiến-thức chung và làm quen với các lối hành-văn của các tác giả để có thể trình bày ý tưởng của mình một cách có mạch lạc và rõ ràng. Muốn đạt mục-đích đó, các bài giảng-văn trong lớp học phải theo một phương pháp nào đó, hợp lý và dễ hiểu. Như trên chúng tôi đã trình bày, chúng ta có thể mạnh bạo áp dụng phương pháp giảng-văn văn dùng tại các trường học Âu-tây. Nhưng theo lời một vị giáo sư có tiếng người Pháp, có bao nhiêu giáo sư có thể có bấy nhiêu phương pháp giảng văn. Nhưng dù theo phương pháp nào chăng nữa thì cũng có những nguyên-tắc chính cần thiết mà ai cũng phải theo. Những nguyên tắc đó gồm có những nhận xét về nội dung và về hình thức.

1. — Về nội dung thì có các sự nhận xét về các ý tưởng chính và ý tưởng phụ trong bài: chúng ta thấy rằng sự hiểu biết của học sinh khi mới bước vào ban Trung học thường thường là rất ít. Những sự hiểu biết này càng ngày sẽ càng rộng rãi hơn một khi học sinh đã học lại được những kinh nghiệm mới của các tác giả qua các bài giảng văn: ý tưởng về đời sống chung quanh, về tính-tình các người chung quanh, về sự vật chung quanh. Có nhiều khi học sinh tự đặt những câu hỏi trước vấn đề đặt ra: ví dụ sau khi đọc bài «Đứa bé mồ côi» của Vũ-trọng-Phụng, học sinh sẽ tự hỏi: Những đứa bé đó khổ về cái gì? Về phương diện nào? tinh thần hay vật chất? Chúng ta đã biết khi chúng ta nhìn họ ở ngoài đường một cách tò mò, vô tình ta đã làm cho họ đau khổ: Những người tàn tật khác có cảm thấy giống như thế không? Vậy từ nay thái độ của ta đối với họ phải như thế nào v.v... Cứ như thế học sinh sẽ hiểu biết dần dần. Trong lúc bình giảng, giáo sư sẽ đặt ra các câu hỏi như thế cho học sinh trả lời, và trong các bài bình giảng trong cuốn sách này chúng tôi đã cố gắng đặt các câu hỏi đó.

2. — Các ý tưởng đó, tác giả đã trình bày như thế nào? Đó là điều cần biết khi xét đến cách bố cục, đại ý.

3. — Rồi sẽ xét đến lối hành văn đến từ ngữ và văn phạm. Cách dùng chữ có đúng không? hay ở chỗ nào? Cách ghép chữ, đặt câu có gì đặc biệt?

4. — Sau cùng là hỏi giá trị bài văn ở chỗ nào? có cho ta biết thêm gì không?

Các bài bình giảng gồm các câu hỏi trong bài là chỉ có mục đích giúp học sinh trong khi sửa soạn bài. Còn khi giảng bài ở lớp, giáo sư và học-sinh sẽ phải theo một cách bố cục khác có mạch lạc hơn. Chúng tôi trình bày dưới đây phương pháp mà chúng tôi cho là hợp lý và có hiệu quả.

A. — **Nói về tác giả.** Cho học sinh biết những điều cần thiết về tác giả; về đời sống, về ý tưởng, về các cuốn sách đã viết, về lối hành văn để giúp cho học sinh có một ý-niệm đại cương về bài sắp đem giảng. Ví dụ: họ sẽ hiểu các bài «Tôi đi học» và «Buổi học đầu tiên» của Thanh-Tĩnh hơn nếu họ biết rằng tác giả Thanh-Tĩnh chuyên viết về những tình cảm thường thường nhẹ nhàng nhưng rất cảm động. Để giúp ích cho các bạn giáo-sư và học sinh, chúng tôi đã làm một bản kê các tác giả ở cuối sách. Không phải là lúc nào cũng phải nói đến tác-giả. Nhiều khi ta có thể bỏ qua các tác-giả được, nhưng thường thường là phải nói.

B. — **Xuất xứ:** Tức là tìm xem bài giảng trích ở cuốn sách nào. Địa vị cuốn sách đó trong các tác phẩm là thế nào? Ví dụ: Học sinh sẽ hiểu bài nói trên hơn nếu họ biết là bài đó trích ở quyển «Quê mẹ» và tác giả viết quyển «Quê mẹ» làm gì!

C. — **Đại ý:** Ý chính của bài, chủ đích tác giả khi viết bài đó.

D. — **Bố cục:** Bài chia làm mấy phần.

Sau đó chúng ta giảng từng phần một trong bài. Hoặc là giảng chữ khó trước rồi giảng ý tưởng sau. Hay có thể giảng vừa chữ khó vừa ý-tưởng trong mỗi phần bài.

E. — **Kết luận:** bài văn có giá trị gì, cho ta biết những ý tưởng gì?

Để diễn tả ý của chúng tôi một cách rõ ràng và cụ thể hơn chúng tôi trình bày một bài giảng mẫu:

Bài Nắng Mới của Bùi-Hiển

MỘT BÀI VĂN BÌNH GIẢNG

NẮNG MỚI

Sinh tới vén rèm mở tung cửa sổ. Ánh sáng ủa tràn vào thành luồng lớn khiến chàng ngợp trong sóng vàng chói lói.

Màu nắng vàng tươi, không nồng lắm và trong như lọc. Da trời xanh lơ lơ, thứ màu xanh e lệ của một thời-tiết muốn đẹp nhưng còn ngập ngừng. Những mái tranh, những khóm lá, cho tới những nếp núi lượn ngoài xa tít đều hiện ra, với những hình sắc rõ rệt.

Những thanh-âm rộn rã bay lên thính không. Tiếng người nói, tiếng trẻ con nô đùa đầu ở phía chùa làng, Sinh nghe lạ tai. Một tiếng kêu khô-khan của thân cây nào nứt nở, không biết vì căng nhựa xuân hay vì phơi nắng mới. Tiếng guốc đập lộp cộp ròn rã trong ngõ hẻm khô ráo, tiếng răng cào lê trên sân thóc rào rào.

Sinh hé miệng cười. Chàng vừa nghe tiếng chim hót, một tiếng chim quen. Cứ mỗi mùa xuân trước, lang-thang dưới những lùm cây, chàng thường lắng tai nghe tiếng ca mừng của giống chim gì, giọng trong và nhọn hoắt, điệu kỳ quặc : lúc đầu ba tiếng dài lơ nhịp, rồi bỗng tiếng hót đồ hồi. Chàng yêu chúng lắm, gần như ta yêu bạn đồng tâm bởi mỗi khi xuân về, chúng lại trở lại ca mừng đề hợp điệu với niềm vui sướng của lòng chàng.

BÙI HIỂN (Năm vạ)

BÌNH GIẢNG

■ I. Tác giả.— Bùi-Hiển là một tác-giả đương thời, người miền Trung-Việt. Tập chuyện ngắn đầu tay của ông là quyển Năm Vạ, gồm có các chuyện ngắn chưa in bao giờ, hoặc đã đăng trên các báo Tiểu-thuyết thứ bảy, Ngày nay, v. v. . . vào khoảng từ 1939 đến 1942 - 1943. Đặc điểm của các chuyện ngắn này là ở chỗ cốt chuyện tuy giản-dị nhưng sâu sắc, nhiều ý-nghĩa, lời văn sáng sủa, và mạnh dạn. Những chuyện hay nhất là chuyện Năm Vạ, Mạ đậu và Nắng Mới v. v. . .

■ II. Xuất-xứ và đại-ý.— Bài này trích trong truyện Nắng Mới trong tập Năm Vạ. Sau bao nhiêu ngày bị giam hãm trong một căn phòng u tối nặng nề, hôm nay là lần đầu tiên, Sinh mở cửa sổ cho ánh nắng tràn vào. Ánh nắng của một mùa xuân mới không gay gắt như nắng của ngày hè, không khô khan như ánh nắng của mùa đông gây trong lòng Sinh rất nhiều cảm giác và cả một niềm vui sướng rộn ràng. Trong bài này, tác giả tả những cảm giác và niềm vui sướng rộn ràng đó.

■ III. Nhận xét về toàn thể.— Nhìn vào toàn thể bài văn ta thấy :

1) Đây là một bài vừa tả cảnh vừa tả tình. Tác giả tả những cảm giác từng bừng của Sinh trước cảnh dịu dàng êm đẹp của nắng mới. Nhưng ta cũng phải nhận rằng cảnh nắng mới sở dĩ càng êm đềm hơn cũng là nhờ ở lòng vui của Sinh : thành ra cảnh ảnh hưởng đến cảm giác và cảm giác cũng ảnh hưởng đến cảnh.

2) Cảm giác trong lòng Sinh là cả một niềm vui sướng rộn ràng : Sinh vui vì :

a/ Ánh nắng êm đềm của mùa xuân mới tự nó đủ gây vui trong lòng người rồi.

b/ Sinh là người mới ốm dậy — mà ốm về tinh thần hơn về thể xác — còn đang khao khát ánh sáng và trời rộng nên nắng mới tự nó đã gây vui rồi lại càng làm cho Sinh vui hơn.

c/ Vì ta sẽ biết trong một phần sau là trong lòng Sinh đã có sẵn cả một niềm vui, nên nắng mới hiện đến chỉ làm tăng lòng vui của Sinh thôi.

3) Cảm giác của Sinh rất rối rào và rõ rệt : Điều đó là lẽ tự nhiên vì đối với một người vừa ốm dậy, các giác quan nghỉ làm việc đã lâu ngày nên nhận xét một cách tế nhị và bông bột hơn người thường.

4) Cảm giác về thính quan và xúc quan rối rào hơn về thị quan : đối với một người vừa ốm dậy thì trông nhiều bao giờ cũng mệt mỏi hơn là yên lặng nghe tiếng động chung quanh hay lặng yên cho ánh nắng tràn trên da thịt. Do đó bài này nhiều nhạc điệu hơn là cảnh tả.

Ta sẽ thấy rõ ràng hơn tất cả các điều trên này khi phân tách bài văn tỉ mỉ hơn.

■ IV. Nhận xét về nội dung. Dàn bài.— Ta không cần tìm dàn bài của bài này vì đây chỉ là những cảm giác đã đến trong lòng Sinh theo một trật tự rất tự nhiên. Ta chỉ cần phân tách từng cảm giác

một thời. Nhưng nếu ta muốn, cũng có thể chia bài này làm 4 phần như sau :

a/ Từ đầu đến « ngợp trong sóng vàng chói lói » : Cảm giác đột ngột đầu tiên về xúc quan khi Sinh mới trực tiếp nhận ánh nắng mới.

b/ Từ « Màu nắng vàng tươi » đến « hình sắc rõ rệt », cảm giác về thính quan lẫn lộn với một số ít cảm giác khứu quan.

c/ Từ « Những thanh âm » đến « rào rào » : Cảm giác về thính quan

d/ Cho đến hết : Cảm giác vui sướng bên trong do một tiếng chim quen thuộc gây nên.

★ A). Phần thứ nhất. — Câu đầu tả được hết cái vội vã của Sinh, cái vội vã rất tự nhiên của một người đang khao khát ánh nắng và mặt trời. Gian phòng, bên trong hẳn là tăm tối lắm vì người mẹ trong khi con ốm đã mắc thêm một cái riềng bên trong cửa sổ để ngăn cản ánh sáng một cách hiệu quả hơn. Ánh nắng như đợi sẵn bên ngoài chỉ chờ cửa mở là vào, nên cửa mở càng mạnh bao nhiêu thì ánh sáng lại càng vào nhiều và mạnh mẽ bấy nhiêu. Thanh luồng lớn có lẽ vì luồn qua chân song cửa sổ. Ánh sáng ủa tràn trề trên đầu, trên mặt, trên tay, trên da thịt Sinh, chung quanh Sinh khiến cho Sinh không *ngập* mà *ngợp* trong sóng vàng chói lói. Chữ *ngợp* ở đây dùng hết sức đúng vì nếu ta nói *ngập* thì cả người Sinh sẽ chìm trong ánh sáng, còn nếu ta dùng chữ *ngợp* ta sẽ gợi được một cách rõ ràng hơn cái cảm giác dễ chịu của ánh nắng chung quanh Sinh. Hai chữ sóng vàng gây một cảm giác êm đềm và đẹp đẽ và ánh nắng ở ngoài tự nó đã chói lói rồi, vào trong căn phòng u tối, lại càng chói lói hơn. Chỉ cần hai câu văn ngắn và nhanh nhẹn là đủ tả được một cách hết sức rõ ràng cái cảm giác đột ngột và êm đềm của Sinh. Cảm giác đây là cảm giác về xúc quan hơn là về thị quan. Ngay cả hai chữ chói lói cũng có thể tả một cảm giác về xúc quan vì ánh nắng đập vào mắt Sinh hơn là Sinh trông. Và không còn gì tự nhiên và đúng sự thực hơn như thế nữa : mắt Sinh chưa kịp nhìn.

★ B.) Phần thứ hai. — Các cảm giác về thị quan xen lẫn với một số ít hơn cảm giác về khứu quan.

Sau cái cảm giác đột ngột và êm đềm đầu tiên đó, lẽ tự nhiên là mắt Sinh dần dần quen với ánh sáng hơn và công việc đầu tiên của chàng là nhìn ra trời rộng : Cả một cảnh đẹp đẽ và trong trẻo nhiều màu sắc hiện ra trước mắt.

1) Màu nắng vàng tươi, một màu trong trẻo vàng, màu vàng tươi có lẽ là vì khí giới trong trẻo của mùa xuân không vương một chút bụi, càng vàng tươi hơn vì dưới mắt Sinh, ánh nắng của mùa xuân dịu dàng quá nên Sinh nhìn cái gì cũng tươi và đẹp.

2) Không nồng lắm, có thể là một cảm giác về thị quan : trong không khí không có màu gì gay gắt, không nồng lắm đây chỉ cốt để tỏ rằng màu nắng vàng tuy tươi nhưng là một màu dịu dàng (vì thường thường chữ tươi hay gợi một màu gì mạnh) ; không nồng lắm, đây cũng có thể là một cảm giác về xúc quan ; không nồng lắm nghĩa là không gay gắt, không làm mệt mắt.

Màu nắng vàng tươi không nồng lắm mà lại trong như lọc thực là đầy đủ để tả một cái nắng tuyệt đẹp càng làm cho màu nắng vàng càng tươi hơn và trong sạch hơn không gợn một hạt bụi nhỏ.

3) Da trời xanh lơ lơ, nghĩa là không xanh quá. Ở đây ta mở một đầu ngoặc để nhận xét rằng mỗi khi có hai chữ đồng âm hay gần đồng âm đi liền nhau thì hai chữ đó hợp lại để diễn một ý giảm bớt : ví dụ xanh lơ lơ, là không xanh hẳn, anh hiền hiền là trông anh có vẻ hiền chứ không hiền hẳn, màu phơn phớt, đo đỏ v. v. Xanh lơ lơ để càng làm nổi màu nắng vàng tươi lên; một thứ màu xanh e lệ của một thời tiết muốn đẹp nhưng còn ngập ngừng : tác giả chỉ muốn nói là nếu cái màu đó xanh hẳn thì sẽ đẹp hoàn toàn bởi sự nhịp nhàng của màu nắng vàng và màu xanh da trời. Nhưng trời không xanh hẳn và lơ lơ có thể có nghĩa là trời không toàn một màu xanh mà đôi khi còn vương những vân mây còn sót lại của mùa đông.

4) Bên cạnh màu vàng đó, bên cạnh màu xanh đó, pha thêm màu nâu xám của những mái gianh — lẫn lộn với màu xanh đen hay xanh lá mạ của các khóm lá và xanh biếc của nếp núi lượn ngoài xa tít : thật là đủ hết tất cả các màu khác nhau của một màu xanh, đi từ thứ xanh lơ lơ qua màu xanh đen đến màu xanh biếc. Điều ta

cần nhận xét là các màu ở đây nhịp nhàng với nhau trong sáng quá, làm dịu mắt vô cùng; màu xanh đen của lá, màu xám nhạt của mái gianh chỉ cốt để làm nổi những màu trong sáng kia lên. Tại sao tất cả các thứ sau này đều hiện lên với những hình sắc rõ rệt? Điều thứ nhất là vì cảm giác trong lòng Sinh lúc này có cái gì là lu mờ đâu. Điều thứ hai là vì màu mái gianh và màu núi xanh biếc là hai màu thắm nổi trên các màu vàng tươi và xanh nhạt. Bạn có thấy hiện ra trước mắt một bức tranh vô cùng tươi đẹp, vô cùng trong sáng không, tươi đẹp vì màu, vì sắc, vì sự nhịp nhàng ăn khớp giữa các màu với nhau.

★ C.) Phần thứ ba: Nhìn lâu mỏi mắt và chóng mặt người, Sinh ngồi duỗi dài chân trên thành cửa sổ, ngả người trên ghế mây nghĩ và lúc này lặng yên nghe các tiếng bên ngoài. Ta cần nhận xét rằng cảm giác về thính quan cũng như cảm giác về xúc quan là những cảm giác thụ động, đến với Sinh một cách rất tự nhiên, còn cảm giác về thị quan là cảm giác hoạt động bắt Sinh phải có sự cố gắng để dùng đèn mắt mà trông. Cho nên khi mới ốm dậy, các cảm giác về thính quan và xúc quan rồi rạo và tề nhị hơn cảm giác về thị quan.

1) Những thanh âm rộn rã bay lên thính không. Hai chữ thanh âm có tính cách nói chung, chứ không như chữ «tiếng» phân biệt được rõ ràng từng tiếng một. Sinh vừa nằm hay ngồi xuống, tai chưa kịp nghe rõ ràng mà chỉ nghe thấy lơ mơ có nhiều thứ tiếng đến cùng một lúc thôi. Không có gì đúng sự thực hơn là điều nhận xét này nữa. Rộn rã vì đến cùng một lúc, và có lẽ cũng theo nhịp rộn rã của các cảm giác trong lòng Sinh. Bay lên nghe nhẹ nhàng quá và hai chữ thính không đủ tả được rõ ràng cái bầu không khí yên tĩnh lúc bấy giờ, tuy có những thanh âm rộn rã bay lên nhưng đều là những tiếng nhẹ nhàng, chứ không có tiếng nào mạnh mẽ, ầm ầm, phá tan sự yên tĩnh cả.

2) Tiếng người nói, tiếng trẻ con nô đùa đâu ở phía chùa làng? Tại sao Sinh không biết rõ? Sự nhận định phương hướng của một người mới ốm dậy chưa được rõ ràng lắm, Sinh chỉ nhớ mang máng hình như là về phía chùa. Sinh nghe lạ tai, tại sao? Tuy những tiếng

đó hẳn phải là những tiếng quen thuộc. Nhưng lạ tai là vì đã từ lâu lắm trong lúc ốm đau, Sinh có được nghe thấy những tiếng nói đó đâu.

3) Một tiếng kêu khô khan nghĩa là một tiếng gọn và sắc, thứ tiếng của một cây nứa hay một đoạn tre tròn bị bóp, bị bẻ gãy. Của một thân cây nào nứt vỡ. Sinh không biết rõ hẳn ở cây nào chỉ nghe thấy mà đoán là vỏ cây cùng thân cây bị toác ra.

Thân cây có thể bị toác ra vì nắng mới khô khan sau một mùa đông ẩm ướt làm cho da cây thành ròn hơn và dễ nứt hơn. Nhưng cũng có thể vì nhựa xuân trong lòng cây đầy tràn quá không có chỗ thoát ra và bị đè ép mạnh quá nên phải tách đôi thân cây mà ra ngoài. Hình ảnh này chỉ là một hình ảnh chứng tỏ đời sống rồi rạo mạnh mẽ bỗng bật bên ngoài so với cuộc đời u uất mà Sinh vừa qua trong mấy tháng nay. Cũng như thân cây, lòng Sinh lúc này chẳng đang đầy nhựa sống bỗng bật và tâm hồn Sinh chẳng đương muốn thoát khỏi bầu không khí nặng nề trong phòng trước đây một ít thời gian hay sao.

4) Đời sống bên ngoài không những được biểu hiện bằng nhựa xuân tràn trề trong thân cây cũng như nhựa xuân tràn trề lòng Sinh. Đời sống bên ngoài lại còn được biểu hiện bằng tiếng guộc đập lộp cộp, ròn rã trong ngõ hẻm khô ráo. Lộp cộp và ròn rã chỉ để tả cảm giác về thính quan rất rõ ràng và tề nhị trong tai Sinh. Lộp cộp và ròn rã trong bầu không khí yên tĩnh chung quanh: Ngõ hẻm có khô ráo thì tiếng guộc mới lộp cộp và ròn rã. Cho nên nghe tiếng guộc mà người đọc có thể hình dung được cả con đường hẻm, nhỏ và dài, đất rắn trắng xóa dưới nắng xuân và cả tiếng người đi chậm chạp đều đều. Hai tiếng lộp cộp tách-bạch nhau ra thực rõ ràng hẳn không phải để tả những bước nhanh nhẹn và rồn rập của những người đi nhanh. Nếu cần tả nhanh phải thêm nhiều hay ít nhất phải hai chữ lộp cộp liên tiếp nhau. Thêm vào đó tiếng răng cào lê trên sân thóc rạo rạo cũng gợi luôn cho ta cảnh đời sống bình thường hoạt động bên ngoài.

Ta nhận xét các thanh âm ở đây trước hết lẫn lộn với nhau rồi dần dần mới tách bạch ra từng thanh âm một và đi từ chỗ lơ mơ không rõ rệt đến những chỗ rõ rệt hơn. Ta lại nhận xét thêm rằng

các thanh âm ở đây từ xa đến gần và càng ngày càng gây cái cảm giác càng gần hơn và quen thuộc hơn lên. Điều đó là một điều rất tự nhiên, đúng với sự thực, bởi vì khi mới ngồi xuống, tai Sinh chưa chú ý ngay đến một cái gì nhất định nên lần đầu tiên các thanh âm có tính cách chung, lẫn lộn và bao quát. Dần dần tai Sinh quen đi và tâm hồn yên tĩnh hơn nên mới để ý đến những tiếng động gần mình hơn và rõ ràng hơn. Cảnh tượng đời sống bên ngoài ở đây làm bằng những chi tiết rất thường, rất giản dị nhưng rất đúng để tượng trưng cái đời sống hoạt động bên ngoài đã có tiếng vang vào lòng Sinh.

Một lần nữa ta nhận xét rằng các cảm giác về thính quan của Sinh cũng rõ rệt và rõ ràng như các cảm giác về thị quan ở trên. Cũng như phần trên đã cho ra một bức tranh tuyệt đẹp vì màu vì sắc, ở đây ta cũng có một bức tranh rất linh động của đời sống bên ngoài, một bức tranh vẽ bằng những nét bút rất giản dị, không rườm rà nhưng thừa đủ để cho ta một ý niệm rất rõ ràng về sự hoạt động của đời sống bên ngoài. Ta trông thấy cây xanh rờn dưới ánh nắng xuân, trông thấy người đi trong ngõ hẻm khô ráo, lộ đôi guốc lộp cộp, trông thấy một vài người cào thóc ở sân bên cạnh. Chỉ có khác là ở phần này bức tranh được tạo thành bằng các cảm giác về thính quan nghĩa là bằng các thanh âm.

★ D. Phần thứ tư.

1) Giữa cảnh tượng tung bừng ở ngoài trời và cảnh tượng tung bừng trong lòng Sinh, đột nhiên ta thấy Sinh hé miệng cười. Ta hình dung một nụ cười vui vẻ, nụ cười của những người vừa tìm ra một điều gì thú vị, nụ cười của những người có điều gì sung sướng bên trong. Ta tự hỏi sao Sinh mỉm cười sung sướng.

2) Chỉ câu sau đã trả lời ta. Sinh sung sướng vì Sinh vừa được nghe một tiếng chim quen thuộc, đã gọi ra trong lòng Sinh những kỷ niệm thực êm đềm của một mùa xuân trước. Thề rồi không còn để ý gì đến cảnh vật bên ngoài, Sinh để hoàn toàn tâm trí vào tiếng chim quen. Tiếng chim đã gọi ra cho Sinh cả một kỷ niệm cũ và sâu xa. Cứ mỗi mùa xuân trước, tất nhiên không phải là chỉ có một mùa

xuân mà đã nhiều mùa xuân lắm rồi. Như vậy chứng tỏ rằng cái cảnh tượng đẹp đẽ trong lòng Sinh lúc này, không phải lần này chàng sống lại là lần đầu mà là nhiều lần rồi. Nhiều lần rồi mà lần nào cũng vẫn những cảm giác tươi đẹp như thề, đủ biết kỷ niệm đầu tiên của lòng Sinh là một kỷ niệm đã ghi trong lòng Sinh một dấu vết sâu xa và đẹp đẽ. Những kỷ niệm càng cũ bao nhiêu — nhất là các kỷ niệm vui — càng dễ sống lại trong lòng ta một cách linh động hơn. Một tiếng chim ở đây hết sức quan trọng vì chỉ một tiếng chim nổi lên là đủ cho lòng Sinh vui sướng rộn ràng hơn lên. Nhưng tại sao ta biết những cảm-giác của Sinh là một cảm giác tươi đẹp. Trước hết cái cảnh tượng mà tiếng chim gọi ra là một cảnh-tượng hết sức nên thơ, một bức tranh tuyệt đẹp tuy giản-dị: lang thang dưới những lùm cây, chàng thường lắng nghe tiếng ca mừng của giồng chim gì. Rõ ra cái dáng điệu nhàn nhã và say đắm của một người thanh-niên đang say sưa vì cảnh trời mùa xuân.

3) Tiếng chim gì là một tiếng ca mừng. Lẽ tất nhiên là tiếng chim gì nổi lên trong ánh sáng trong trẻo của mùa xuân thường thường làm vui cho mọi người, nhưng không phải đối với ai nó cũng là những tiếng ca mừng. Tiếng ca mừng gọi một cái gì vui vẻ sung sướng và tung bừng lắm. Tiếng chim biến thành tiếng ca mừng bởi vì chàng thanh-niên đó với niềm vui sướng rộn ràng đã có sẵn trong lòng, tưởng tượng như cảnh vật bên ngoài cũng đẹp đẽ và sung-sướng theo nhịp điệu của lòng chàng. Điều đó là một điều không có gì mới lạ, khi ta vui thì cảnh-vật trước mắt ta như tươi đẹp hơn, cây xanh hơn, tiếng chim hót nghe thanh hơn. Trái lại, khi ta buồn thì cảnh vật, tuy vẫn có thể là cảnh vật ấy, hiện ra trước mắt ta rất buồn tẻ. Thành ra trong lòng Sinh lúc này không phải chỉ có mỗi một mùa xuân, mà có nhiều mùa xuân: một mùa xuân trước (hay nhiều mùa xuân trước giồng nhau) và một mùa xuân này: hình ảnh tung bừng sáng sủa đẹp đẽ của một mùa xuân đầu tiên đã ghi trong lòng Sinh một kỷ niệm không bao giờ quên được. Cái kỷ-niệm đó cứ mỗi năm khi mùa xuân trở lại, thêm thêm tiếng chim gì hót là lại sống lại trong lòng Sinh. Nhất là năm nay mùa xuân lại

càng tung bừng hơn nữa vì chàng vừa mới ốm dậy, yêu đời hơn, khao khát trời rộng và ánh sáng hơn.

4) Kỷ-niệm sống lại sâu xa và mạnh-mẽ như thể và tiếng chim có ảnh hưởng to tát như thế, nên Sinh còn nhớ cả cái điệu kỳ quặc của tiếng chim hót và tác-giả đã tả tiếng chim bằng những thanh âm hết sức trong trẻo và âm vang : giọng trong và nhọn hoắt. Tiếng nhọn hoắt, dùng hơi bạo và mới lạ. Người ta thường nói cái dùi nhọn hoắt, chứ không ai nói tiếng chim nhọn hoắt. Vậy mà có lẽ ở đây chỉ có những hình ảnh mượn của người phương tây này mới tả hết được cái độ cao the thé và trong vắt của tiếng chim. Và đây là âm điệu của tiếng chim : Lúc đầu ba tiếng dài lời nhịp rồi bỗng tiếng hót đồ hồi. Ta nghe thấy ba tiếng ngân dài từ cao xuống thấp dần dần rồi bắt ngang sang tiếng khác lên cao rồi lại xuống thấp, rồi bỗng các tiếng dồn rón rập nhau bằng nhiều thanh âm một lúc liên tiếp theo một điệu nhanh nhẹn hơn nhiều. Nếu có một nhà nhạc sĩ nào muốn ghi những tiếng đó trên một bản đàn thì ta có thể cho rằng lúc đầu có ba « nốt » đen có dấu chấm bên cạnh, từ một độ cao xuống thấp dần dần rồi tiếp đến nhiều nốt móc đơn hay móc kép liên tiếp và rón rập, một thứ nhạc điệu hết sức trong trẻo và rõ ràng. Và đó là phản ảnh một cách rất đúng những cảm-giác trong lòng Sinh. Cho nên ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Sinh yêu giống chim gì như những người bạn đồng tâm bởi vì những tiếng chim đó là biểu hiệu sự vui sướng rộn ràng của lòng chàng.

Nói tóm lại từ đầu bài đến hết, mọi thứ đều tươi đẹp, trong trẻo. Sự vui sướng rộn ràng của lòng Sinh càng ngày càng tăng thêm cường độ. Bắt đầu bằng những cảm giác đột ngột và nhẹ nhàng về xúc quan và thị quan để kết thúc bằng cái vui sướng bỗng bật rộn ràng làm cho cả một mùa xuân như sống lại tung bừng trong lòng Sinh do một tiếng chim quen thuộc. Tác-giả đã thành công vì người đọc tưởng như cũng cảm thấy rất rõ ràng và thâm thía cái sung sướng của lòng Sinh bởi vì màu sắc tươi đẹp dịu dàng quá, âm thanh trong trẻo và nhịp nhàng.

■ V. Lối hành văn.— Để đạt mục đích nói trên, lối hành văn của tác giả :

1) Nhiều nhạc điệu : Mỗi câu là một nhạc điệu và nhạc điệu đó càng gần đoạn kết bao nhiêu càng rón rập bấy nhiêu để phản ảnh được một cách hết sức trung thành cái nhạc điệu trong lòng Sinh. Chỉ cần đọc cả bài một lượt ta sẽ thấy rõ ràng.

2) Gợi ra trước mắt ta những bức tranh rất linh động hoặc bằng các cảm giác về thị quan hoặc bằng cảm giác về thính quan : nhớ lại bức tranh ở phần hai, cảnh tượng đời sống bên ngoài ở phần ba và hình ảnh người thanh niên lang thang dưới những lùm cây ở phần bốn.

3) Rất nhiều màu sắc, nhất là ở phần hai, các thứ màu sắc trong trẻo và nhiều khi chỉ hơi khác nhau nhưng tác giả cũng đã phân biệt được rõ ràng.

4) Rất chính xác ở cách dùng hình ảnh.

5) Súc tích vì dùng rất ít lời để gợi được nhiều ý : Cả một bức tranh tươi đẹp nhịp nhàng ở phần hai trong ba câu. Ở phần ba và phần tư cũng vậy.

■ IV. Kết luận.— Một bài văn tả tình xen lẫn với tả cảnh cần phải làm nổi bật lên những ảnh hưởng của tình cảm đến cảnh vật và ảnh hưởng trái lại của cảnh vật. Tả cảnh phải chính xác và đầy đủ. Tả tình phải làm sao cho tình cảm được tự nhiên, phù hợp với sự thực. Chính xác thì ta đã thấy rõ. Đầy đủ, ta đã chứng tỏ trong các phần trên là những bức tranh của tác-giả tuy giản dị nhưng không thiếu một nét nào cần thiết. Tình cảm tự nhiên và phù hợp với sự thực thì ta đã thấy là cảm giác đến trong lòng Sinh theo một trật-tự rất tự-nhiên và đúng với sự thực, đúng đến nỗi tưởng chừng nếu ta ở trong địa vị của Sinh ta cũng sẽ cảm thấy gần hết những cảm giác ấy.

Cho nên bài văn này có thể thành một bài văn làm mẫu cho loại văn tả tình và tả cảnh, một bài văn có giá trị về nhạc điệu, về chữ dùng cũng như về các hình ảnh gợi nên.

► 1.— NGÀY KHAI TRƯỜNG

Tôi sắp nói cho bạn biết, hàng năm bầu giờ chập chùng của mùa thu, những bữa cơm chiều đầu tiên ăn dưới ngọn đèn, những lá cây vàng úa trên cành cây rung động, đã gọi lại cho tôi những gì ? Tôi sắp nói cho bạn biết, ngày nay, mỗi khi đi qua vườn Lục-xâm-bảo trong những ngày đầu tháng mười, dưới một bầu trời hơi buồn và đẹp hơn bao giờ hết vì là lúc mà các lá cây rơi từ từ từng lá một trên đôi vai mầu trắng của các pho tượng trong vườn, tôi đã trông thấy những gì ? Điều mà tôi lại trông thấy ở vườn đó là một chú bé con lưng đeo cặp sách hai tay đút túi đi đến trường học vừa đi vừa nhảy nhót như một con sè. Chú bé đó, chỉ có sự tưởng tượng của tôi mới trông thấy thôi, bởi vì chú chỉ là một cái bóng, bóng dáng của tôi cách đây 25 năm. Ừa này, chú bé ấy làm tôi chú ý đến lắm ; ngày xưa, tôi có để ý đến chú đâu, nhưng bây giờ chú không còn nữa, thì tôi lại yêu chú. Chú nghịch ngợm nhưng chú không độc ác, vì tôi phải công bình mà nói rằng chú không để lại cho tôi một kỷ-niệm xấu xa nào ; tôi đã mất đi một chú bé ngây thơ lắm, thành ra tôi có nhớ tiếc chú cũng là một lẽ tự nhiên ; tôi có hình dung lại chú, trong tâm trí và tâm trí tôi có vui sướng khi gọi lại kỷ-niệm của chú thì cũng là một lẽ tự nhiên.

Cách đây 25 năm, cũng vào mùa này, vào hồi gần 8 giờ chú đi qua cái vườn đẹp để này để đến trường học. Lòng chú hơi xao xuyến : hôm đó là ngày khai trường.

Vậy mà chú vẫn nhảy nhót, lưng đeo sách, và trong túi có con quay. Ý nghĩ sẽ lại được gặp các bạn khiến lòng chú lại thấy vui vui. Chú có nhiều điều phải nói và phải nghe lắm ! Thề nào, lại không phải xem thằng Lai có săn bắn suốt nghỉ hè trong rừng «Chim ưng» không ư ? Lại không phải kể chuyện cho nghe là mình cũng đã phóng ngựa trên miền núi Ô-véc ư ? Khi nào người ta đã làm được một công trình như thế, tất nhiên là không phải để giàu diễm các bạn rồi. Và lại, lại được gặp các bạn thì thú biết bao ! Gớm, mãi không gặp thằng Phong, cái thằng hay chề riều gớm đi ấy, cái thằng Phong nhỏ bé như một con chuột cống còn tinh ranh thì thượng hạng, vậy mà

bao giờ cũng chiếm chỗ đầu như chơi vậy. Cứ nghĩ đến Phong là chú bé thầy trong lòng thanh thản rồi. Cứ như thế, chú vượt qua vườn Lục-xâm-bảo. Điều gì ngày trước chú trông thấy, thì bây giờ tôi lại thấy rõ ràng dưới mắt. Cũng vẫn bầu trời ấy ; cũng vẫn màu đất ấy ; cảnh vật vẫn còn giữ lại được cái tâm hồn thời xưa, một tâm hồn làm cho tôi vui vẻ, buồn bã, xao xuyến ; chỉ có chú bé là không còn nữa. Cho nên càng về già, tôi càng chú ý đến những ngày khai trường.

dịch theo ANATOLE FRANCE

BÌNH GIẢNG

● I. Từ ngữ : *Cắt nghĩa* : bầu giời chấp chùng, ngây thơ, hình dung (động tự) tâm hồn thời xưa, khai trường.

● II. Ý tưởng. — So sánh bài này với bài «Tôi đi học» của Thanh-Tĩnh (Xem V. V. D. G. Đệ-Thất).

1) Giọng chung của toàn bài có khác nhau không ? Chứng tỏ rằng giọng văn của Thanh-Tĩnh cảm động nhẹ nhàng, còn giọng văn của Anatole France thì cảm động một cách thâm thúy hơn. Tại sao ? Có phải Thanh-Tĩnh lúc viết bài này hãy còn trẻ và Anatole France thì đã già rồi không ? Có gì chứng tỏ rằng Anatole France đã già rồi khi viết bài này.

2) Những cái gì đã gợi cho tác-giả cảnh tượng ngày khai trường ? Ở Thanh-Tĩnh ? Ở Anatole France ? Chứng tỏ rằng những kỷ niệm của Anatole France chính xác hơn những kỷ niệm của Thanh-Tĩnh. Nhưng có phải vì thế mà những kỷ niệm sau này kém phần thú vị đi không ? So sánh hai cái thú vị khác nhau này.

3) Anh có cắt nghĩa được tại sao những kỷ niệm của Anatole France lại chính xác hơn Thanh-Tĩnh không ? Chú ý về phương diện thời gian và không gian. Có phải tại Thanh-Tĩnh nhớ lại cảnh tượng buổi đi học đầu tiên bất cứ ở chỗ nào quý hồ cứ về cuối thu và cứ gặp một vài em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ là đủ không ? Có phải tại Anatole France chỉ thấy những kỷ niệm đó khi tháng mười đến và khi qua vườn Lục-xâm-bảo thôi không ?

4) Hình ảnh hai cậu bé trong hai bài có gì khác nhau : Một cậu mới đi học lần đầu tiên, còn một cậu vẫn đi học xưa nay : tìm những hình ảnh chứng tỏ điều đó ? Phân tích tình cảm trong lòng hai cậu : một bên là một cậu học trò mới rụt rè và lúng túng còn một bên là một cậu học trò nóng muốn gặp các bạn quen để nghe và kể chuyện. Có phải vì thế mà cậu học trò của Anatole France nhanh nhẹn hơn nhiều không ?

5) Anh có thấy là cần phải có bài của Anatole France thì cái kỷ niệm về ngày khai trường mới sống lại trong lòng anh một cách đầy đủ hơn không ?

● III. Lời văn. — Cũng như bài trên, lời văn trong bài này.

a/ giản dị, rồi rào : giản dị ở chỗ nào ? rồi rào ở chỗ nào ? hai tính cách giản dị và rồi rào có phản trái nhau không ?

b/ cảm động : nhưng có khác nhau không ?

c/ gợi hình : hơn bài trên hay không ? Tại sao hơn : Có phải tại các hình ảnh chính xác hơn nhiều không ?

d/ nhịp nhàng : đọc lại cả hai bài một lượt để so sánh cái nhịp nhàng trong 2 bài. Bài của Thanh-Tĩnh thì nhẹ nhàng, chậm chậm, trái lại bài của Anatole France thì rộn rập vui vẻ : công dụng của các hình ảnh trong sự nhịp nhàng này.

● IV. Luận áp dụng —

1) Buổi chiều về, sau ngày khai trường, sau khi đã gặp các bạn, cậu bé của Anatole France kể lại cho cha mẹ nghe cảm tưởng của cậu trong ngày đó.

2) Hai anh em cùng học một trường nhưng ở hai lớp khác nhau, nghĩa là có những người bạn khác nhau và những kỷ niệm khác nhau, kể lại cho nhau nghe những điều mắt thấy tai nghe riêng của mình trong ngày khai trường.

Chú ý. — Cậu anh học lớp trên có thể còn nhiều kỷ niệm ở lớp dưới : thầy giáo, lớp học, các người học lại một năm, bàn, ghế v.v... có thể có những nhận xét làm cho câu chuyện vui hơn.

► 2.— BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN

Một buổi trưa năm 1848 — một ngày mùa xuân, vì tôi còn nhớ là sáng hôm đó tôi đã vất bỏ đôi guốc mùa đông và đi vào đôi giày không có cổ để chạy cho nhanh hơn — bà tôi gọi tôi và bảo : «Cháu có muốn đi đằng này với bà không ?». Tôi bằng lòng và hai bà cháu đi xuống dưới phố rồi rẽ về phía trái. Đi được độ trăm bước thì bà dừng lại trước một căn nhà mà tôi biết rõ lắm nhưng chưa vào bao giờ. Bà nắm chặt tay tôi vì cảm thấy rằng tôi chỉ định dụt ra để chạy. Bà bảo : «Đi qua đây, chúng ta vào chào cô A-den, cháu ạ». Tôi muốn dụt tay ra nhưng bà nắm chặt hơn và dẫn tôi đến trước cửa. Chúng tôi bước vào : cô A-den, một cô giáo đã già mà chưa có chồng, giơ hai tay lên giời và nói rất vui vẻ : «A ! chú bé đây, chú đây rồi». Đó là lần đầu tiên tôi trông thấy cô. Cô chột mắt ; nhìn cái mắt chột tôi thấy hay nên tôi thôi không dơm dớm nước mắt nữa. Cô cầm lấy tay tôi, khẽ mở một cái cửa và đẩy tôi vào : tôi đã ở trong trường học.

Đứng ở trong lớp nhìn lên phía trên, có một cái lò sưởi to, còn ở ba phía hiện thì các học trò ngồi đầy trên các ghế dài, không có dựa mà cũng chẳng có bàn. Anh nào cũng có trên đầu gồi một tấm bảng nhỏ dùng để viết, tấm nào cũng có dùi một lỗ nhỏ ở đằng đầu có luồn một chiếc giây để khi học xong sẽ treo lên tường. Lớp học chỉ có ba cái cửa sổ về phía bắc, trên có vẽ những hình vẽ rất đẹp làm cho căn phòng có vẻ thân mật và ấm cúng. Tường quét vôi trắng, sàn thì bằng đất nện hơi gập gềnh.

Thấy giáo viên đến trước mặt tôi. Thấy cầm lấy tay tôi — sáng hôm đó tất cả mọi người đều cầm lấy tay tôi — và dẫn tôi đến đầu lớp gần chỗ thấy ngồi. Thấy ngồi bên phải lò sưởi trên chiếc ghế độc nhất và trước cái bàn độc nhất.

Trong buổi học đầu tiên này, tôi chẳng phải làm gì cả, chỉ nhìn kẻ khác làm việc thôi. Bọn họ có độ hai mươi người mà cô nhiên là tôi quen biết hết. Chúng tôi vẫn chơi với nhau luôn luôn ở ngoài phố. Chúng tôi đã cùng nhau rón rén trèo lên thềm nhà tu của mấy bà sò, kéo chuông rồi ùa nhau chạy lập tức, chỉ sợ thấy lộ ra cái mũ trắng và cái mũ đen ngòm của các «bà cô» thì nguy to. Nhưng các «bà cô» nghe tiếng chân chạy, biết ngay là tại các «cháu» nghịch đây nên không động dấy. Một trò chơi lạ nữa, là lấy miếng kính vỡ để ở trước cửa để cho các «bà cô» lấy đèn soi từng cửa sổ một, xem kính vỡ ở chỗ nào ; và cô nhiên là không bao giờ tìm thấy cả.

Thế mà bây giờ trong trường học, bọn quý sứ của tôi có vẻ khác hẳn. Mà tôi cũng vậy, tôi cũng thấy khác. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thế nào là kỷ luật do lòng sợ hãi mà ra vì trên bàn thấy giáo, thầy có một cái thước dài mà tôi biết dùng để làm gì rồi.

Đến 4 giờ, tan học, hàng phố ầm ầm những cử chỉ rối loạn và những tiếng reo hò không căn cứ, những tiếng vui thích của học-trò được thả ra sau mấy giờ bị giam giữ.

theo ERNEST LAVISSE

BÌNH GIẢNG

● I. Từ ngữ. — Cắt nghĩa : kỷ luật, không căn cứ, cử chỉ.

● II. Ý tưởng.

1) Bài này chia làm mấy phần ? chia phần thứ hai thành từng phần nhỏ.

2) Trường hợp nào đã làm cho tác giả có thể nhớ rõ ngày nhập trường của mình ? So sánh với bài «Tôi đi học» của Thanh-Tĩnh (1) anh thấy thế nào ? Các trường hợp Thanh-Tĩnh nhớ lại có chính xác như trường hợp của Lavissee không ? Tại sao ?

3. — Bà đã phải dùng cách gì để đánh lừa cháu ? So sánh với Thanh-Tĩnh anh thấy thế nào ? Cậu học trò nào ngoan hơn ? Chính thực ra thì dễ bảo hơn ? Mẹ cậu học trò của Thanh-Tĩnh cố cần phải giấu diếm gì con không ? Tìm chi tiết chứng tỏ ?

4. — «Tôi đã ở trong trường học», so với «hôm nay tôi đi học» anh có thấy gì khác không ? Ý nghĩ của hai chú bé khác nhau ở chỗ nào ?

5. — Chứng tỏ rằng trường học ở đây nhỏ nhưng sạch sẽ ? Tại sao cậu học trò của Lavissee lại nhận xét kỹ về trường hơn cậu học trò của Thanh-Tĩnh. Có phải vì trường học ở đây rất đặc biệt không ? Ở chỗ nào ?

6. — Tại sao hôm mới đến cậu bé Lavissee không phải làm gì cả trong khi các bạn khác phải làm việc ? Con cậu bé Thanh-Tĩnh, tại sao phải làm việc ngay ? Anh nhận xét thấy gì về ngày đi học của hai cậu học trò ? Cậu bé Lavissee có đi học vào dịp khai trường không ?

7. — Trông thấy các bạn trong lớp, cậu bé Lavissee đã nhớ lại những gì ? Cậu bé Thanh-Tĩnh trong bài «Buổi học đầu tiên» có nhớ lại những buổi đi chơi ngoài đồng không ? Nhưng hai kỷ niệm có gì khác nhau ?

8. — Chứng tỏ thái độ trái ngược nhau của bọn học trò lúc ở ngoài phố và lúc ở trong lớp ? Anh có cắt nghĩa được điều đó không ?

9. — Khảo sát lúc tan học : tại sao bọn trẻ lại chạy nhảy reo hò ?

10. — So sánh cảm giác của anh sau khi đọc bài của Lavissee và của Thanh-Tĩnh.

III. Lời văn. — Giản dị, tự nhiên, gợi hình, vui vẻ : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng : Kể lại buổi học đầu tiên của anh (có thể theo dàn bài của bài này : Đi học trong trường hợp nào. Tả cảnh trường và lớp học, cảm tưởng đầu tiên).

(1) Xem Việt-văn diễn-giảng Đệ-thất.

► 3.— Ý THU

Mưa lạnh lẽo và yên lặng, từ trên nền trời xám rơi xuống từ từ, gõ vào cửa sổ từng tiếng động nho nhỏ như để gọi tôi ra : tiếng mưa thực nhẹ nhàng, vậy mà mỗi giọt mưa từ trên rơi xuống cũng âm vang buồn buồn trong lòng tôi. Trong lúc tôi ngồi bên lò sưởi gác chân lên một tấm lưới sắt để sưởi cho khô những vết bùn lạnh của con đường : giọng mưa buồn buồn đã giữ tư tưởng tôi trong một giấc mơ buồn và tôi suy nghĩ : Thề nào cũng phải lên đường. Mùa thu rữ trên ngàn cây những màn sương ẩm ướt. Đêm nay muôn ngàn cây đã rung vang trước gió đầu mùa mỗi khi mùa thu rung đôi cánh dưới bầu trời chập chùng và một nỗi buồn nhẹ nhàng đã đi cùng với mưa và sương từ phương tây lại. Mọi vật đều yên lặng. Lá vàng úa rơi trên đường hoa trong vườn không một tiếng động ; các giống vật yên lặng nhẩn nhục ; chỉ còn nghe thấy tiếng mưa và cái yên lặng to tát này đè nặng trên tư tưởng và trên mọi tôi. Tôi không muốn cái gì cả. Tôi chỉ có một ý nghĩ : phải lên đường thôi. Ô ! không phải đi vì bóng tối, vì mưa hay vì rét, không phải thế đâu. Cánh đồng quê hãy còn gây trong lòng tôi nhiều niềm vui, ngay cả khi cánh đồng quê không mỉm nụ cười tươi đẹp nữa. Có phải tôi chỉ thích đồng quê chỉ vì đồng quê vui vẻ thôi đâu ? Tôi yêu đồng quê bởi vì tôi yêu, thề thôi. Đâu có phải những thứ người ta yêu sẽ thành ra kém vẻ đáng yêu trong khi buồn rầu ! Không, tôi buồn ngủi mà rời bỏ các khu rừng và cánh đồng nhỏ này. Tôi tha hồ tự nhủ rằng lên Ba-lê sẽ lại được sống trong bầu không khí êm đềm của các nhà bạn hữu thân yêu, sẽ được nghe những lời cao điệu của các bậc thầy và được ngắm những hình ảnh đẹp để mỹ thuật làm cho đời đẹp hơn lên, tôi vẫn nhớ tiếc cái giàn hoa trong đó tôi vừa đi bách bộ vừa đọc thơ, căn rừng nhỏ động có gió lên là cất tiếng hát, cây sên to trong cánh đồng có thà bò ăn cỏ, rặng liễu bên bờ suối, con đường đi lẩn trong các vườn nho có vầng trăng ló lên ở đầu đường ; tôi nhớ tiếc cái áo tơi dịu dàng, âu yếm làm bằng các đám lá xanh và bầu giới có đặc tính làm dịu được những nỗi thương đau.

theo ANATOLE FRANCE

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ . — Vết bùn lạnh (tại sao ?). Căn rừng nhỏ động có gió lên là cất tiếng hát (tại sao ?), áo tơi làm bằng. . dịu những nỗi thương đau (cắt nghĩa), cao điệu (cắt nghĩa).

II. Ý tưởng

1. — Tại sao tác giả phải rời bỏ chốn này ? Tác giả có thích đi không ?
2. — Phân biệt hai phần chính trong bài này (mùa thu đến ; ý nghĩ phải lên đường).
3. — Có những chi tiết gì chứng tỏ rằng mùa thu đã đến hẳn.
4. — Tìm những chi tiết chứng tỏ sự thể lượng của mùa thu.
5. — Cái yên lặng to tát này « đè nặng trên môi và trên tư tưởng tôi » tại sao ?
6. — Tác giả buồn ngủi mà rời bỏ đồng quê : tại sao ? Những hình ảnh nào của đồng quê đã sống lại trong lòng tác giả để gây ra sự buồn ngủi đó.
7. — So sánh những sự vui thú ở tỉnh và ở nhà quê trong bài này và làm bật lên những sự khác nhau giữa hai thú vui đó ?
8. — Anh có hiểu được ý nghĩ mà tác giả đã trình bày trong câu cuối cùng không ? Đồng quê làm dịu được thương đau có phải vì ở đó tâm hồn dễ được thư thái không ?
9. — Cảm giác chung của anh khi đọc bài này. Có phải là cảm giác luyến tiếc những thứ mình sắp mất không ? Chứng tỏ rằng những ý nghĩ và tình cảm tác giả trình bày ở đây rất sâu xa và tế nhị (kể các chi tiết).

III. Lời văn. — Giản dị : chứng tỏ rằng tác giả đã dùng toàn những câu và những chữ rất thường không có gì là khó khăn.

Thay đổi luôn luôn : khảo sát cách đặt câu và giọng văn.

Gợi hình : tìm những hình ảnh thực nhiều thú vị.

IV. Luận áp dụng — Hết sắp hết. Anh đang nghỉ mát ở nhà quê, sắp sửa phải ra tỉnh đề tựu trường. Ngồi trước cửa sổ anh nghĩ đến những ngày vừa qua và những ngày sắp tới. Anh thấy có những tình cảm trái ngược gì ? và sẽ quyết định như thế nào ?

► 4.—THU CẨM

Hôm ấy, một buổi sáng cuối thu. Trời vừa bắt đầu lạnh lại thêm mưa phùn gió bắc trông như cảnh tháng chạp về gần Tết vậy.

Chẳng biết làm gì, táy máy tôi lấy củi đốt lò sưởi ngồi nhìn lửa cháy và nghe than hồng nổ rắc rắc cho vui.

Sự sung sướng — cái sung sướng êm đềm lười biếng — như cùng khí nóng tiết ở các thớ củi ra mà theo hơi thở thấm vào trí não tâm hồn tôi. Ngồi gác chân lên bàn giấy, tôi mỉm cười nhìn khói thuốc lá từ từ tản mạn bay lên trần. Và tôi cảm thấy lòng tôi khoan khoái nhẹ nhàng.

Tôi vẫn định hút hết điều thuốc là đi làm việc liền — vì tiểu thuyết của tôi đã mấy hôm rỗng không hơn một chữ — nhưng gần hết điều ấy, thì lơ mơ như không tưởng tới, tôi đã đánh diêm hút điều khác.

Tờ báo hôm trước ai xem xong để mở trên bàn. Tôi uể oải đưa tay ra với lấy. Đọc hết trang đầu tôi vẫn không biết rằng trong đó có những chuyện gì. Hình như tâm trí tôi chứa đầy những sự sung sướng không đâu, nên những tư tưởng ở ngoài không có lối lách vào được nữa...

Đề mắt tới một hàng chữ lớn : Có bão ở vịnh Bắc-Kỳ, thốt nhiên tôi nhìn ra cảnh mưa phùn gió bắc. Lá rơi đập vào cửa kính đóng, tiếng kêu tí-tách. Và tôi tìm hiểu vì đâu trong chuỗi ngày bình tĩnh bỗng xảy ra một ngày mưa gió như kia. Há chẳng phải trận bão rớt đó chăng ?

Rồi tôi nghĩ tới những người bị nạn, khổ sở, những cảnh nhà đổ trước mắt tưởng tượng của tôi, rõ ràng, hoạt động.

Bên ngoài gió thổi vù vù, màn mưa thướt tha che mờ cửa kính. Lá vàng bay tựa như chiếc thuyền trôi giạt trên làn sóng thẳm...

KHÁI-HUNG

(Giọng đường gió bụi—Đời-Nay)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ.— Cắt nghĩa : Táy máy, tản mạn, lơ mơ, cái sung sướng lười biếng ; mấy hôm rỗng.

II. Ý tưởng.— Tác giả phân tích cảm giác của mình trong ngày mưa thu.

1.— Cảm giác này nói chung, có giống cảm giác của Anatole France trong bài Ý thu ở trên không ? Nếu khác, thì khác như thế nào ? Có phải vì sự khác nhau đó mà giọng văn ở hai bài này phải khác nhau không ?

2.— Anh nhận thấy rằng Anatole France chú ý tả cảnh bên ngoài nhiều hơn, chú ý đến mọi vật chung quanh nhiều hơn, còn Khái-Hung trái lại không tả một cách tỉ mỉ và rõ ràng cảnh vật bên ngoài như Anatole France, tại sao ?

3.— Anatole France đã tả nỗi buồn nhẹ nhàng của mình như thế nào ? Khái-Hung trái lại tả nỗi vui của mình ra sao ? Vậy mà cùng một cảnh mưa thu như nhau cả, tại sao cùng một cảnh lại có thể cho ta những cảm tưởng khác nhau như thế ? Anh có nhận xét gì về ảnh hưởng của cảnh đến người và trái lại không ? Tìm vài thí dụ nữa.

4.— Chứng tỏ rằng bài này :

a) Mới đầu tác giả thấy có mùa thu ngoài giờ.

b) Rồi từ đó không nghĩ đến ngoài giờ nữa (tại sao và như thế có tự nhiên không ?)

c) Rồi sao lại nhìn ra và thấy rõ hơn mưa phùn (sự gì đã làm cho tác giả nhớ đến cái cảnh ngoài giờ đó—sự đó có tự nhiên không ?)

d) Tác giả nhớ đến ảnh hưởng kết quả của trận bão — sự liên lạc từ ý nọ đến ý kia có tự nhiên, có gì là ép không ? Chứng tỏ.

5.— Hình ảnh của những người bị nạn thành ra lại làm cho cái cảnh trong bài của Khái-Hung buồn hơn trong Anatole France tại sao ?

6.— Cảm giác cuối cùng của anh khi đọc bài này thế nào ? So sánh với cảm giác của Anatole France kể trên.

III. Lời văn — Giản dị : tại sao ? So sánh với bài Ý thu. Gợi hình : chứng tỏ rằng hình ảnh ở đây không rời rạc bằng ở bài Ý thu, nhưng không phải gì thể mà kém phần thú vị.

Nhịp nhàng so sánh : so sánh với bài Ý thu.

IV. Luận áp dụng :— Một ngày nghỉ, mưa phùn ở ngoài trời. Anh không đi chơi được. Ngồi trước cửa sổ anh đã nghĩ những gì ?

► 5.— TRÊN BÃI BÈ

Một hôm Sinh lang thang ngoài bãi bè. Trời vẫn đắm trong màu trong xanh, sóng biển vẫn ngân điệu nhạc trầm trầm và chàng tự chề nhạo mình hay lo hão. Tồi hôm trước một ngọn gió lạc vào phòng lạnh lạnh khiến chàng bắt giắc rung mình, thề mà lòng Sinh đã xôn-xao trong ám ảnh những ngày xẩm buồn và trong bão tố của mùa thu. Sinh lội xuống nước thấy rõ bàn chân in trắng muốt trên cát. Chàng đá vung lên và nước văng tung tóe thành muôn giọt ngọc sáng ngời. Không, ánh hè còn bền bỉ lắm. Mây âm u chưa thể đền ám vòm trời và hồn người được : bão mùa thu vẫn chưa góp gió, vợ những bác chài vẫn nói cười vui vẻ, lòng chưa se lại trong niềm thấp thỏm.

Yên lòng trong ý nghĩ ấy, chàng vừa bước giọc dèo cát vừa hát vu vơ. Vài bác chài, mình trùng trục để da đen loáng ánh mặt trời chông nạnh yên lặng đứng nhìn mặt nước. Đoạn họ đi xuống nước rồi nhắm thẳng phía bè bơi xa, bằng lối bơi nhẹ nhàng mà hùng cường của họ, tay uyển chuyển đưa xé nước roac roac.

Men theo đường mòn của giải núi, Sinh vừa bước chân lên tảng đá chắn lối đã vội rứt chân. Roac ! tảng đá lớn sụt xuống bụi trắng rơi lả tả. Sinh cúi nhìn : những trận mưa vừa qua đã xói hằn đất bên dưới, thành thử tảng đá chỉ bám rễ vào đất bằng một cái chân nhỏ, còn phía bên kia thì gác chênh vênh lên một tảng đá khác, Sinh trèo lên tảng này, nhưng chàng lùi lại ngay. Xuyên qua bao thế kỷ, nước bè đã gọt đẽo một cách kỳ diệu trên mặt đá những hình nhon hoắt lờm chờm giống những đền chùa tí hon mái cong chổng chắt dính trên non bộ. Sinh vừa xuyết xoa tay rớm máu vừa nhìn địa thế. Phía bên kia tảng đá là chân núi mà nước bè tràn vào đã đào thành một cái hồ sâu : chàng bèn quay trở lại rồi trèo giọc sườn núi. Sườn núi giốc đứng, chân co quắp mào vào những chỗ sù sì, tay bấu chặt những bụi cỏ nước mặn, lá sắc nhọn sượt lên da rớm máu, chàng lần đi. Có lúc đầu chàng là ngửa ra sau, trời đất quay cuồng đảo lộn, mũ xuyết băng ra. Giòng nước xói dưới chân núi như vệt xuống, tường chừng sâu thăm thăm ngợp hớn.

BÙI-HIẾN (Năm vạ)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — Cát nghĩa : lang thang, sóng biển, ngân điệu nhạc trầm trầm xôn xao, ám ảnh, sáng ngời, góp gió, thấp thỏm, uyển chuyển, xói ngợp hớn.

II. Ý tưởng. — Một bài văn tả cảnh tả tình, một bức tranh phong cảnh êm đềm của một buổi sáng mùa thu ngoài bãi bè.

1. — Êm đềm và trong sáng ở chỗ nào ?

2. — Khảo sát các cảm giác về thị quan : chứng tỏ rằng các cảm giác đều êm đềm và có công dụng gây cho ta cái cảm giác trong sáng mát mẻ : trời vẫn đắm trong màu xanh, chân trắng muốt, bụi trắng rơi loả toả v.v...

3. — Chứng tỏ rằng ngay cả các cảm giác lúc thường có thể gây cho ta cái cảm giác mạnh mẽ, ở đây cũng êm đềm (khảo sát các tảng đá đứng chênh vênh, bám rễ vào đất hình đá nhon hoắt v.v...

4. — Khảo sát cảm giác thính quan, và cảm giác bên trong : cũng vẫn những cảm giác êm đềm đó : sóng biển ngân điệu nhạc trầm trầm v.v...

5. — Đọc đoạn đầu qua câu văn của tác giả, anh có cảm thấy được nỗi xao xuyến trong lòng Sinh không ?

6. — Tình cảm của Sinh có ảnh hưởng gì đến cảnh này không ? Đọc truyện « Nắng mới » để biết rõ hơn, nếu có thể.

III. Lời văn : Êm đềm, nhẹ nhàng và gợi hình. Chứng tỏ rằng lời văn nhịp nhàng đã giúp rất nhiều cho cảnh tả. Đọc cả bài để làm bật cái nhịp nhàng đó lên.

IV. Luận áp dụng

1.—Trên bãi bè Sầm-sơn, Đồ-sơn hay Vũng-Tàu một buổi sáng trong mùa nghỉ mát.

2.—Cũng vẫn khung cảnh đó, một buổi chiều.

► 6.— BUỔI CHIỀU MÙA GẶT

Buổi chiều, thửa ruộng của Tân đã gặt xong. Cả một cánh đồng chỉ còn trơ cuồng rạ. Bọn thợ gặt đều xếp liềm hái để trở về. Trên con đường vào làng, các lực điền gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu.

Mặt trời đã xế phía bên kia đồi. Ở dưới thung lũng, sương mù lạnh trắng xóa lan ra, lẫn với làn khói tỏa chung quanh các làng. Có

bên đường đi đã ướt. Về phía xa có ngọn lửa của ai đốt trên sườn rừng núi mờ mờ ở chân trời.

Tân với bọn thợ bước đều trở về nhà, ai nấy đều yên lặng không nói gì như cùng kính trọng cái thời khắc của một ngày tàn. Trong thời khắc này, Tân như thấy cảnh vật đều có một tâm hồn mà lớp sương mù kia là tâm hồn của đất màu đã nuôi hạt thóc cần cho sự sống của loài người.

Khi vào đến con đường khuất khúc trong làng, trời đã nhá nhem tối. Qua hàng rào cây, Tân thấy lấp lánh ánh đèn ở sân các nhà, tiếng néo đập lúa trên cối đá, tiếng thóc bắn vào rìa cột như mưa rào. Đâu đâu cũng thấy tiếng cười nói vui vẻ : cảnh đêm trong làng mọi khi vẫn yên lặng âm thầm thì chiều nay hoạt động vô cùng. Mùi lúa thơm vương lại trong các bụi cây hòa lẫn với mùi đầm ấm của phân cỏ bốc lên khắp ngả.

Về đến sân nhà, mọi người ăn xong lại bắt đầu làm việc. Đàn bà vừa đập lúa vừa hát, còn bọn thợ hái ngồi quây quần bên chiếc đèn con nói chuyện. Ai cũng cười đùa tự nhiên. Họ đã làm việc tận tâm suốt ngày. Những lượm lúa vàng xẫm đem đến cho họ cái vui của ngày được mùa, hình ảnh của sự no ấm trong đời.

THẠCH-LAM (Gió đầu mùa)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — Cát nghĩa : lực điền, thung lũng, thời khắc một ngày tàn, tâm hồn, khuất khúc, nẻo, đất màu.

II. Ý tưởng.

1. — Phân biệt hai phần chính trong bài (Cảnh ở ngoài đồng, cảnh trong làng). Có thể chia mỗi phần thành từng đoạn nhỏ được không ?

2. — Khảo sát về màu sắc ở đoạn : Mặt trời... mờ mờ ở chân trời.

3. — Cảnh này ở vào mùa nào trong năm : có gì chứng tỏ điều đó ?

4. — Tại sao bọn thợ và Tân lại yên lặng không nói gì ?

5. — Tại sao muốn kính trọng thời khắc của một ngày tàn, họ lại yên lặng không nói gì ?

6. — Tại sao lớp sương mù lại là tâm hồn của đất màu ? Sự so sánh này có gợi cho ta một cảm giác huyền bí không ?

7. — Khảo sát cảm giác về thị quan, thính quan và khứu quan trong bài này. Những cảm giác này vẽ cho ta những cảnh tượng gì ?

8. — Tìm chi tiết tả cảnh hoạt động vui vẻ ở phần cuối.

9. — Cảm giác chung về bài này là thế nào ?

III. Lời văn. — Gợi hình, linh động, nhịp nhàng, nhiều màu sắc : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. — Một đêm trăng : cảnh đập lúa hay kéo đá ở miền quê anh.

► 7.— ĐÊM NGÀY MÙA

Nhìn qua cổng Duy thấy đồng đảo và huyền ảo. Trên sân gạch rộng thênh thang, ánh trăng yên lặng phủ những đồng lúa xếp ngồn ngang và lấp lánh trên những bóng đen hoạt động...

Lực-diễn đứng xếp từng hàng, trước một giầy cối đá lớn, nâng lên cúi xuống đập lúa đều đều. Duy nhìn đám người hoạt động, những bắp thịt lấp lánh ánh trăng, những bóng đen thu nhỏ lại rồi kéo dài ra trên sân gạch, chàng có cái cảm tưởng dường được xem cuộc diễn võ của những hiệp khách trong một truyện hoang đường. Hạt lúa bắn xuống gạch, tung tóe ra khắp sân. Duy nghe như tiếng mưa rào. Mùi thơm của lúa mới, lẫn với mùi rạ ướt, mùi bụi rác bốc lên, Duy tưởng là những mùi của hết cả thôn quê và chàng nhớ đến những ngày mùa, hồi chàng còn bé, đều được cả cái mùi thơm riêng ấy. Chàng nhớ lại những đêm trăng như đêm nay, trời sáng và trong đến cực độ, cậu bé Duy ngồi ăn ngô rang xem đập lúa. Cảnh từ độ ấy hình như còn đọng lại đến đêm nay. Duy thấy mình trẻ lại, tâm hồn ngây thơ như hồi xưa, ngây ngất ngồi hưởng cái thú êm đềm và ý nghĩa của một đêm trăng ngày mùa.

Bỗng Duy lắng tai nghe một dịp cười ròn ở phía bên kia sân đưa lại. Đó là bọn thợ con gái ra vò lúa. Thấy họ đến, một chàng lực-diễn dừng tay nói với sang :

— Các chị đây à, hát lên cho chúng tôi nghe với.

Trong khi ấy, bọn thợ đàn bà bắt đầu làm việc. Họ vịn tay lên thân một cây tre buộc ngang lưng chừng, lấy chân đạp những lượm lúa đã đập gấn hết hạt, thì thắm cười nói.

Bọn thợ con trai, đợi mãi không nghe thấy tiếng hát, xoay ra thì ném lúa với nhau. Một chàng lực điền đập xong một lượm lúa, cầm cái nèo thả lỏng bó rơm còn lại rồi cùng một lúc quăng ra xa. Lượm rơm vụt qua sân rồi rơi xuống. Các thợ khác đua nhau ném theo. Tiếng đập lúa mỗi lúc nghe một nhanh ; người thợ nào cũng mong đập chóng xong để dự vào cuộc thi. Tiếng cười phá lên như vỡ òa, khi một lượm lúa mắc vào nèo rơi xuống chân thợ hay lúc một chàng lực điền ranh mãnh ném lượm lúa vào đám thợ con gái.

Duy nhìn cái cảnh tượng náo nhiệt trước mắt, trong lòng vui sướng. Chàng nảy ra một ý muốn náo nức, cái ý muốn cời bỏ ngay bộ quần áo tây chật chội và xa hoa, ăn mặc như lực điền để nhập vào bọn thợ đập lúa, ném thi và cười nói với họ để được hưởng hết cả sự vui vẻ sung sướng của họ trong lúc làm việc mệt mỏi. Chàng cảm thấy cái vui trong công việc nặng nhọc ngày mùa, cái vui trong sạch nó đợi chờ chàng từ lâu, như cánh hoa lan ép trong sách chàng đã quên đi nay ngẫu nhiên giờ ra vẫn thấy y nguyên còn thoang thoảng hương thơm của một quãng đời chàng tưởng không bao giờ trở lại.

HOÀNG-ĐẠO
(Con đường sáng)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — Lực điền (nghĩa), thu nhỏ lại, kéo dài ra (tại sao), diễn võ, hiệp khách, hoang đường (nghĩa), mùi của hết cả thôn quê (tại sao), ý nhị (nghĩa), kéo (nghĩa), phá lên như vỡ òa (giá trị).

II. Ý tưởng. — 1) Cảnh tượng náo nhiệt của một đêm trăng ngày mùa hiện ra dưới mắt Duy một người thanh-niên đang có ý muốn cải tạo đời sống của mình và chung quanh mình : ý nghĩ thiên kiến của Duy có ảnh hưởng gì đến sự tả cảnh này không ? chứng tỏ rằng Duy đang tìm cái vui ở đời sống nhà quê nên nhìn cảnh gì cũng thấy vui hơn.

2. — Phân biệt các phần khác nhau của bài này.

3. — Khảo sát cảm giác về thị quan và khứu quan trong phần thứ hai từ : Lực điền ... đến đêm trăng ngày mùa. Hình ảnh đầu tiên là hình ảnh gì, có linh động không và ở chỗ nào ?

4. — Những cái gì đã gợi lại trong tâm hồn Duy kỷ-niệm ngày xưa.

5. — Khảo sát sự lẫn lộn giữa các cảm giác về thị-quan và khứu quan ở đây.

6. — Hình ảnh bọn thợ đàn bà có gì khác bọn thợ đàn ông ? công việc của thợ đàn bà là gì ?

7. — Cuộc thi ném lúa : có gì náo nhiệt và vui vẻ ?

8. — Cảm giác của Duy có gì thành thật và rõ ràng. Có tự nhiên không ?

III. Lời văn. — Gợi hình, có màu sắc, hoạt động : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. — Tả một ngày mùa gặt tại làng anh.

► 8. ĐƯỜNG TRƯỜNG

Chiếc xe quạt mãi chưa hồng : Mây chú «ét» vừa phục dịch vừa rửa, hết quạt xè xè như dãi, lại quay «ma ni ven» ùng ùng như phá. Chiếc xe cứ ỳ ra.

Nhưng rồi hòm than cũng rực lên, chiều đỏ cả một góc đường. Lòng lữ khách cũng nóng như lửa đốt.

Một hồi «ma ni ven» nữa. Chiếc xe lồm lồm, rên hừ hừ rồi máy nổ vang rung cả vỏ sắt. Tất cả hành khách đều trút một tiếng thở dài lớn như nói «À có thể chứ» và lăm le tranh nhau lên xe trước.

Đêm nay đêm thượng tuần. Xe chạy tới bãi tàu bay thì trắng tờ. Ngồi trong xe nom rõ vành trăng vàng vọt chơ vơ trên cánh đồng hiu quạnh. Con đường lờ mờ khúc khuỷu, lấp lánh trong đêm. Đường xấu, xe xóc lên sòng sọc, tưởng như bao nhiêu mũi ốc, đánh vít, sắp tung hết cả ra như một chiếc xe trong phim hoạt họa. Xóm làng thưa thớt : đây là một vùng bề nghèo đói, đất cát mặn mòi có những căn nhà lá đứng chơ vơ thành một khối đen in lên nền trời đục lờ điểm vài ngôi sao thưa thớt.

Ngồi trong xe bỗng có cảm tưởng đường bắt đầu lên giốc. Phong cảnh như thu hẹp lại. Rồi thấy một ngọn núi lù lù ở trước mặt. Xe đi sát vào chân đồi, lượn trên con đường cắt vệt vào lưng núi, ngoằn ngoèo như vượt mèo. Người khách lạ ngồi trong xe, có cảm giác như bị một bọn gian bắt cóc mình đi đến một sào huyệt nào hẻo lánh. Xe quật nghiêng hẳn về một bên qua đầu chân núi, qua một cái lô-cốt đứng gác trên đèo.

Không gian bỗng mở rộng ; chiếc xe đi vòng hết chân núi và thoát ra khỏi bóng đen của một trái núi định đè lấy mình, và đây có lẽ là bề rồi. Vì trước mặt : một vùng đen mênh mông, bao nhiêu là sao hơn hờ.

TRẦN-CU (Trên lái thán) (1)

T.T.T.B. nguyệt-san tháng 12-44

CHÚ-THÍCH : (1) Ở vùng Mon-cay (Bắc Việt), người ta gọi thuyền là lái thán.

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — *Cắt-nghĩa* : «ét», lữ khách, lăm le, hoạt họa, mận mòi, đục lờ, lỗ cốt, sào huyết, hẻo lánh.

II. Ý tưởng— 1.— Có chi tiết gì chứng tỏ sự bức bối của các người ét? Sự bức bối đó có thường thấy, có tự nhiên không? Công dụng của các tiếng xè xè, ùng ùng trong việc tả sự bức bối này? Chứng tỏ là tác giả đã tả rất linh động, và rất đúng, sự thực.

2. — Tại sao lòng lữ khách cũng nóng như lửa đốt?

3. — Tìm những chi tiết tả sự sốt ruột chờ đợi của hành khách.

4. — Tìm những chi tiết tả cảnh tượng thế lương trong đoạn : Đêm nay... trong đêm.

5. — Tìm chi tiết tả cảnh khó nhọc của đường trường. Sự so sánh với phim hoạt họa trong đoạn này có giá trị gì? Anh có tưởng tượng được cái cảnh tượng đó không?

6. — Khách có cảm giác như bị bọn gian bắt cóc... tại sao : cắt nghĩa, chứng tỏ.

7. — Bao nhiêu là sao hơn hờ : giá trị của hình ảnh này.

III. Lời văn. — Gợi hình, chính xác, tự nhiên : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. Trên chuyến xe hàng (đò) xấu, chạy đường trường một ngày đông khách.

9. MỘT BÀ MỎI

Bà Hai, một người bé nhỏ, loắt choắt trong cái mền the lót nhiều kỳ-cầu (1) may chèn. Nét mặt đều đặn, chân tay xinh xắn, bà trẻ hơn tuổi nhiều. Bà cũng biết thê và vẫn lầy lăm tự hào. Trong những bàn tổ tôm không mấy khi bà quên thuật những câu chuyện về tuổi bà mà mỗi lần bà thay đổi đi một chút cho được tự nhiên. Chẳng hạn bà thương nọ, bà án kia hỏi năm nay bà đã được năm mươi chưa? Hay con mẹ phủ Đ... tưởng bà mới bốn mươi năm là cùng. Rồi bà cười the the tiếp liền :

CHÚ THÍCH (1) Nhiều kỳ cầu : một thứ nhiều dây trước đây hay dùng để may áo kếp.

— Thê mà năm tư rồi các cụ ạ. Già lắm rồi còn gì?

Sự thực bà Hai chưa già và cũng chưa muốn già. Lướt phần dầy bà dùng để che lấp những vết dãn trên má đủ chứng tỏ điều ấy. Nhưng cũng không phải bà trang điểm để được người ta ngắm nghía.

Không, đó chỉ là một thói quen của những bà đồng. Và bà Hai là một đệ tử rất trung thành của các cửa đền, cửa phủ. Mỗi khi hầu bóng, trong khuôn chữ nhật của chiếc gương giá, cái mặt trắng bệch dưới những nếp khăn xanh, khăn đỏ hiện ra dịu dàng thân mật, khiến những lúc thường bà Hai vẫn say đắm nhớ tưởng cái hào-nhoáng, trẻ trung tươi tắn ấy như người ta nhớ tưởng mặt tình nhân vậy. Đó là cái cố xui giục bà chăm chú vào việc phần sấp điểm tờ.

Sau cái thú ngồi đồng, phải kể cái thú tổ tôm của bà Hai, tổ tôm góp từ một cho đến năm đồng. Chỉ nhìn bà căng thẳng cặp môi mỏng ra để đọc câu «máu mê cây bài lá bạc» hay ngắm đôi mắt một mí của bà cười nheo ra hai bên thái dương khi trông thấy chân thứ năm tới hợp, người ta đã rõ bà thích tổ tôm đến cỡ nào.

Cây bài không hẳn đã giới thiệu bà với số đông các bà quý phái và trường giả. Và chính bà cũng sinh trưởng ở trong đám ấy. Bà là con ông huyện, là vợ lẽ một ông phủ quá cô, và là mẹ vợ một ông phán tòa sứ — bà chỉ có một con gái. Nhưng dù thế nào mặc lòng, tổ tôm vẫn giúp cho sự giao du của bà một ngày một thêm rộng, và nhờ đó, bà nghiêm nhiên trở nên một bà mồi.

Làm cái việc thay ông Tư bà Nguyệt ấy, bà thường nói, bà chỉ cốt giúp bà con, chớ chẳng hề kiếm chác tuy bà cũng không hề từ chối những sỗ tiền lớn mà người ta cho bà dặt tạm để bà không hoàn lại. Những món nợ ấy, cả hai bên — người vay và người cho vay — đều ngầm hiểu rằng không bao giờ nên nhắc đến nữa.

KHÁI-HUNG (Thừa tự)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. *Cắt nghĩa* : loắt choắt, đệ tử, hào nhoáng, quý phái, trường giả, giao du, nghiêm nhiên, ông Tư bà Nguyệt, kiếm chác.

II. Ý tưởng.— 1) Một bài tả hình dung rất linh động. Phần tả thê chất và phần

tả tính thần (tính nết, ý nghĩ, v.v...) ở đây phần nào quan trọng hơn ? Phần tả thể chất theo ý anh có dẫn một cách tự-nhiên đến phần tả tính nết bà mỗi không ?

2) Qua câu chuyện của bà Hai, tác giả cho ta biết những gì về tính nết của bà : hay khoe khoang, nói khoác lác : chứng tỏ. Hay nói đến mình cũng như các bà đàn bà khác đề tự khoe một cách kín đáo : Cách tả như thế có linh động không ?

3.— Cái thú ngồi đồng của bà Hai : giọng văn của tác-giả có được một chút gì cảm động : một người đàn bà luống tuổi chỉ còn nhờ ở những cái hào nhoáng của khăn áo bà đồng để nhớ lại một thời trẻ trung, tươi tắn không còn nữa, chứng tỏ.

4.— Thú tò mò của bà Hai : Tìm những chi tiết chứng tỏ sự say mê tò mò của bà Hai. Thú này có dẫn một cách tự nhiên đến nghề làm mối (mai) của bà Hai không ? chứng tỏ.

III. Lời văn.— Linh động, tự nhiên, đúng sự thực : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng.— Một người chuyên môn chạy việc giúp người khác.

► 10. THÁCH CƯỚI

Che mặt thể gian là điều bà Ba luôn luôn nghĩ tới, nhưng chẳng bao giờ Bà che kín được hẳn. Cái mà bà che đây nhất là cái biền lận của bà. Bà giấu, bà muốn ai ai cũng biết. Bà kiệt, bà muốn ai ai cũng không hay. Nhược điểm ấy bà đã biểu lộ ra một cách rõ rệt trong đám cưới Cúc và bắt đầu ngay từ hôm thách cưới với bà mỗi.

— Thách cưới.

Bà bảo bà Hai. Rồi bà Hai chưa kịp trả lời bà đã nói luôn :

— Chẳng thách gì hết, tôi cho không con đây.

Bà mỗi tất phải mừng thầm. Nhưng bà Ba lại nói :

— Nghĩa là tôi không thách tiền thách bạc gì hết.

Bà Hai tưởng nên nịnh một câu :

— Dạ, cụ thì còn thiếu gì tiền bạc nữa.

— Không phải thế, nhưng trong việc cưới xin mà nói đến tiền nghe nó dễ tiện lắm, phải không thưa cụ.

— Dạ có thế.

— Nào có phải tôi bán con tôi đâu.

— Dạ.

— Nhưng dù sao cũng phải cho nó không lại xui.

— Vâng, lại xui thì coi sao được.

— Vì sẽ có đông các quan đến, người ta cười cho thì còn ra làm sao. Vậy... tôi cần hai mươi cái ô-tô.

Bà mỗi nhắc lại như để nhớ :

— Hai mươi cái ô-tô.

— Vâng, thế là ít đấy. Nhưng không sao, ô-tô các quan đi ăn cưới cũng đông lắm rồi. Có lẽ tất cả ba chục hay hơn thế.

Bà Ba lầy lầm thích mất được ngắm đoàn ô-tô thực dài đi diễu phò. Và bà thường theo số ô-tô nhiều hay ít mà đánh giá từng đám cưới.

Bà mỗi tưởng là bà thách đồ có thể, đương toan nhắc đến món tiền hồi môn thì bà lại tiếp :

— Còn các đồ nữ-trang thì nhà giai sắm thế nào cô dâu sẽ dùng như thế. Nhưng tưởng cũng chẳng nên luộm thuộm mà người ta cười. Với lại mình sắm ra thì là của mình, của con mình còn đầy chứ mất đi đâu phải không thưa cụ ?

Dạ

— Cho con trước thì khỏi phải cho con sau.

Bà Hai vịn ngay lấy câu ấy :

— Vâng, chính thế. Như cụ chẳng hạn, nhà cửa, ruộng vườn của cụ sau này là của con gái cả, cho bây giờ cũng như sau này để lại cho. Trước sau cũng thế...

— Vâng thì tôi vẫn nói với cụ như thế.

Bà Hai chẳng nhớ bà Ba nói thế nào, nhưng cũng tiếp luôn :

— Vâng thưa cụ tôi còn nhớ, cụ bảo thế. Vậy xin hôm cưới cụ cho...

Lần thứ hai bà Ba ngắt lời :

— À, cụ biết giờ đón dâu rồi đây chứ ? Mười giờ, mười giờ sáng. Như thế được sớm sủa mà tiện. Và ngày mồng mười cũng chỉ có giờ ấy là tốt.

Sự thực giờ ấy tốt nhất cho bà, là vì bà sẽ được đỡ một bữa cỗ nậu. Sợ bà Hai nghĩ đến điều đó bà chặn trước :

— Tôi rất ghét những bữa cỗ đón dâu. Chả ai ăn, chỉ bày ra để khoe, khoang. Vì thế tôi chỉ đặt tiệc trà. Nói là tiệc trà nhưng chính là tiệc sâm-banh... Thế còn sang trọng hơn cỗ bàn mà văn-minh biết bao.

Làng được món hối môn bà Ba lại quay về đồ tư trang :

— Vậy cụ nhớ nói với cụ Huyện may cho cô dâu... Thôi tùy cụ sắm nhiều thì con dâu cụ sang, sắm ít thì con dâu cụ mặc ít ; còn vòng, nhẫn, kim-cương và các đồ tư trang khác cũng tùy cụ Huyện cho thế nào được thế, các đồ tư trang thì chỉ tồn cho cụ độ nghìn bạc là cùng.. Thế nào xong thôi ấy mà.

Bà Hai nghĩ thầm : «Rồi bà ấy khắc hiểu, mình ép nài quá bất tiện. Nhà con một thì người ta còn cho ai mà sợ, và hôm nọ bà ta đã nói với mình một lần nữa rằng câu chuyện Khoa ăn thừa tự chỉ là một câu chuyện bịa đặt». Bà bèn đứng dậy xin về để nói cho bà Huyện rõ.

KHÁI-HƯNG (Thừa tự)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — *Cắt nghĩa* : Che mắt thế gian, biến lận, nhọc nhằn (trái lại là gì), dễ tiện, lợi xui, luộm thuộm, cổ nẫu, văn minh, hối môn, tư trang.

II. Ý tưởng. — Một cảnh rất linh động, rất quen thuộc trong xã-hội Việt-nam thách cưới.

1. — Qua câu chuyện của các nhân vật anh có biết thêm gì về tính nết của họ không ? Theo ý anh thì bà Ba là người như thế nào ? Bà Hai là người như thế nào ?

2. — Đoạn đầu đã cho chúng ta một ý niệm rõ ràng về những việc sắp sầy ra chưa, chứng tỏ rằng cả đoạn sau chỉ cốt để chứng thực một cách rộng rãi và linh động điều mà tác giả đã nhấn mạnh trong đoạn đầu. Điều đó là điều gì ?

3. — Tìm những chi tiết chứng tỏ tính biến lận của bà Ba ? Nhưng bà đã che đậy tính đó một cách khôn ngoan như thế nào ? Cái khôn ngoan đó có giấu được ai không, nhất là có giấu được bà Hai, một người sành sỏi lọc lõi về phương-diện ấy không ? Nếu không giấu được, nếu bà Hai cũng biết rõ như thế, làm sao bà Hai lại không tránh được mà vẫn cứ phải ngồi nghe ? Có phải vì bà Hai cũng có một quyền lợi phải bênh vực không ? Quyền lợi đó là quyền lợi gì ?

4. — Phân-tách rõ-ràng chiến-lược của bà Ba :

a) Thoạt tiên tỏ vẻ không cần thách gì cả để đối-phương yên tâm và tỏ ra mình không tha-thiết về tiền bạc : chứng tỏ.

b) Nhưng viện cớ cần phải cho làng-hoàng mà thách những thứ còn đắt tiền hơn gấp mấy tiền bạc, thành ra dù thế nào đối-phương cũng vẫn phải tiêu nhiều tiền như thường : chứng tỏ. Những lý-luận của bà Ba có hợp-lý không ? Hay chỉ có một cái vô ngoài hợp-lý : chứng tỏ.

c) Đến chuyện tư-trang : vẫn một luận-diệu ấy : thế nào xong thôi, nhưng cũng phải không luộm-thuộm. Không luộm-thuộm đối với bà Ba là thế nào ? Kém hay hơn :

5. — Trong cuộc đua tranh này, bà Hai ở vào địa-vị như thế nào ? Kém hay hơn : tại sao ? có những chi tiết gì chứng tỏ địa-vị đó.

6. — Bà Ba có phải là người kém khôn ngoan không ? chứng tỏ.

7. — Sau khi đọc xong bài này và bài «Bà mối» cùng một tác-giả và cũng trích trong quyển «Thừa tự», anh có cảm-tưởng là việc cưới xin ở đây là một việc mua bán không ? Ở xã-hội Việt-nam hiện thời, đó có phải là một tình trạng có luôn luôn không ?

III. Lời văn. — Linh động, gợi hình : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. — Bà Hai, bà mối, về nhà bà Huyện (nhà giai) kể lại cho bà Huyện nghe cuộc hội-kiến vừa qua với bà Ba. Hai người không tiếc lời chỉ trích thái-độ của bà Ba, nhưng đều đồng ý là cứ chiều để được những cái lợi to hơn. Anh thuật lại câu chuyện đó.

▶ 11. ĐÁM CƯỚI NHÀ QUÊ

... Khách đến thật sớm, đi bằng đủ các thứ xe, nào xe ngựa một bánh, nào xe hai bánh, nào xe kiệu cũ không mui, nào xe có che riềm bằng da ; các người trai trẻ ở các làng bên cạnh thì đến bằng xe bò, xếp hàng đều tăm tắp, đứng thật thẳng người, tay tì vào thành xe cho khỏi ngã, lắc lư nghiêng ngả theo nhịp gập gềnh của con đường. Có người từ xa đến, cách đây hơn 10 dặm đường, từ Gòt-vin (2), từ Nam-vin từ Ca-ry (3). Người ta đã mời cả quan viên hai họ, người ta đã tìm cách làm lành lại cả với những người bạn giận nhau từ lâu , người ta đã viết thư mời cả những người quen biết bỏ bằng đi từ bao nhiêu năm nay.

Thỉnh thoảng có tiếng roi ngựa đánh ngoài hàng rào : cánh cổng mở toang : một chiếc xe tiến vào rất nhanh, phóng đến tận thềm nhà rồi bỗng nhiên đứng dừng ngay lại và tuôn từ trong xe ra ở cả tứ phía một bọn người vừa bước xuống vừa lấy tay soa đầu gối hay vừa vươn vai. Các bà đội mũ ngắn, ăn mặc theo kiểu các người ở tỉnh, đeo giây đồng hồ bằng vàng, khoác áo ngắn cài khuy chéo ở

CHÚ THÍCH (1) (2) (3) ba tỉnh nhỏ ở miền bắc nước Pháp.

chỗ thắt lưng hay đeo những tấm khăn quàng gài ghim ở đằng sau lưng để lộ ra bộ gáy trắng hếu. Bọn trẻ con, ăn bận y như cha chúng, có vẻ lúng túng ngượng nghịu trong bộ quần áo mới may (có đưa mãi tận hôm đó mới xỏ chân vào đôi giày đầu tiên trong đời từ thuở cha sinh mẹ đẻ). Cạnh chúng, người ta nhìn thấy một cô bé tuổi độ từ 14 đến 16 có lẽ là chị ruột hay chị họ của chúng, một cô bé lúc nào cũng im lìm, mặt đỏ gay, có vẻ ngơ ngác, đầu bóng nhoáng kem mầu hồng ; cô mặc chiếc áo may từ hồi mới chịu lễ lần thứ nhất mà người ta vừa nói dài ra trong cái dịp long trọng này, đôi tay nghe ngào chỉ sợ làm mất đôi găng tay trắng đẹp. Vì không đủ người hầu để tháo hết tất cả các xe, nên các ông chủ xe, vén tay áo lên tận khuỷu tay để tháo lấy. Tùy theo địa vị của từng người mà bọn này, hoặc mặc áo dài đuôi có xẻ từ đùi gối xuống, hoặc áo cánh ngắn, hoặc áo nửa nọ nửa kia : những chiếc áo thực tốt được tất cả mọi người trong gia-đình giữ-gìn thận-trọng và chỉ được đem ra dùng vào những dịp thật long trọng ; những áo dài đuôi có những vạt áo dài phe phẩy trước gió, cổ tròn và túi thì to như một cái bao ; áo ngắn thì là áo bằng dạ to thồ, thường thường là đi cùng với một cái mũ có đường tròn bằng đồng chạy trên vành ; áo nửa nọ nửa kia thì là thứ áo cụt thun lùn, hai khuy gài sát vào nhau ở đằng sau như một đôi mắt mèo, còn vạt thì hình như đã được cắt vào ngay cả một tấm vải to bằng một chiếc dùi của một người thợ làm rui nhà. Một vài người khác mặc những áo dài dùng trong các lễ nghi, nghĩa là có cổ bẻ xuống tận vai, đằng sau có nếp gấp nhỏ và một cái thắt lưng thật rất thấp.

Thề rồi, những chiếc áo sơ-mi phụng phỗng trên ngực như những chiếc áo giáp. Mọi người đều mới gọt đầu, hai tai chìa ra ngoài vì tóc cắt rất ngắn : có nhiều người dậy từ lúc tờ mờ sáng, cạo râu vội vàng, vì không trông rõ, nên đã có những vết đứt in dài vạt chéo qua mũi hay giọc theo hai bên quai hàm, những vết thương xước da to như một đồng hào ván mà khi giới buổi sáng trên đường đã làm cho đỏ ửng lên, thành ra tất cả các bộ mặt to béo vui vẻ này tự nhiên rớm thành từng mảnh mầu hồng.

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — Cắt nghĩa : áo giáp, rơm, hai tai chìa ra ngoài (tại sao ?)

II. Ý tưởng — 1 — Trong bài này tác giả đã tả một đám cưới ở nhà quê học đòi theo lối tỉnh và đã lột hết cả những cái lỗ lã đáng buồn cười : bằng cách nào ? Kê phương pháp đại cương mà tác giả đã theo.

2. — Bài này chia ra làm mấy phần ? (Khách đến, tả bọn khách).

3. — Khách đến bằng tất cả các lối xe : có điều gì làm ta buồn cười ? Ở ngoài tỉnh người ta có đến dự lễ cưới bằng bất cứ thứ xe nào như thế không ?

4. — Anh có thấy tác giả gợi ra trước mắt ta đáng điệu, hình dung của những người trai làng gần nhất trên chiếc xe bò không ? Những đáng điệu có gì làm cho ta buồn cười ?

5. — Khách đến thực đông : chứng tỏ. Tại sao người ta lại làm lành với những người bạn giận nhau từ lâu ? Tại sao người ta lại viết thư cho cả những người quen biết bỏ bằng đi hàng bao nhiêu năm nay ?

6. — Tại sao bọn người trong xe vừa bước xuống đất vừa xoa đầu gối, vừa vươn vai. Điều đó chứng tỏ gì ?

7. — Khảo sát cách ăn mặc của các bà : có gì chứng tỏ sự thiếu óc thẩm-mỹ của họ ?

8. — Tại sao tác giả lại cần cho thêm một cô bé ngơ ngác vào đám đông này nữa ? Có phải để làm cho cảnh tĩnh động và ý vị hơn không ?

9. — Có gì chứng tỏ cái tính cách nhà quê của các người đàn ông ?

10. — Khảo sát cách ăn mặc của người đàn ông : có gì chứng tỏ sự trịnh trọng của họ trong dịp long trọng này ?

11. — Những vết dao cạo trên mặt : có gì làm cho ta buồn cười.

12. — Chứng tỏ rằng bài tả cảnh này gồm có những nhận xét rất kỹ lưỡng và đặc biệt ? Những sự nhận xét này chọn có đúng không ?

13. — Cảm giác chung của anh sau khi đọc bài này là thế nào ?

14. — So sánh bài này với bài Đám cưới của Tô Hoài (1). Theo ý anh thì bài nào giá trị hơn ? Chứng tỏ.

III. Lời văn — 1. — Bài này là một bài tả chân : chứng tỏ, nhận xét về đồ vật, các quần áo, các đáng điệu.

2. — Anh có thể gợi ra trước mắt anh đám cưới nhà quê này không ? So sánh bài này với bài Đám cưới nhà quê của Tô-Hoài về cách hành văn.

IV. Luận áp dụng — Bọn khách này sẽ cùng với chú rể và cô dâu đi lễ nhà thờ, rồi ra tòa Thị-chính làm lễ cưới. Sau khi đọc xong bài này, anh hãy thử tưởng tượng đoàn người này đi trên đường và tả ra.

► 12. NGƯỜI CHO MÁU

«Ông bỏ áo ngoài ra. Tôi bằng lòng lấy máu của ông. Các ông kia thì thu xếp bàn thứ hai đi chứ. Lấy máy ra. Hộp vẫn sẵn sàng? Được lắm. Ông cao su đâu? Lấy i-ốt ra. Để cho tôi một cái bàn nhỏ giữa người cho và người nhận máu. Đặt cho tôi một cái ghế đầu. Nào, thề nào có tìm thấy mạch máu dễ dàng không?»

Cửa phòng đã đóng. Vài ba người khán hộ vội vã cho nhanh, vậy mà trong phòng sự yên lặng đã thành ra trang nghiêm. Si-mông nằm dài trên bàn. Người ta đắp cho chàng một cái chăn dạ và lấy giấy buộc chân cho chắc. Anh lấy đầu ra hiệu là như thề đủ chặt rồi. Tay áo vén lên đến tận vai: một cánh tay gầy gò hiện ra, lúc buộc giấy vào thì gân xanh nổi lên. Bác-sĩ đèn gần Si-mông và lấy tay sẽ vuốt ve đôi má, mắt nhìn lơ đãng. Rồi ông đeo găng mới và ngồi cạnh cái bàn nhỏ, Si-mông thấy nhói ở cánh tay. Chẳng có gì. Anh chàng đã nhắm mắt, nhưng lại thôi ngay. Bác-sĩ bảo: «Không đau lắm đâu, chỉ thề thôi. Có khó khăn gì đâu. Giản dị như giờ tay chào thôi mà».

Si-mông lặng yên không trả lời. Anh sẵn sàng chịu đau đớn hơn. Máy bắt đầu chạy. Bác sĩ bắt đầu xoay ông tiêm đầy dần dần một thứ nước màu đỏ tồ. Bác-sĩ bảo: «Thôi, ông khán hộ. Ông để mặc tôi quay rô-bi-nê nhé».

Si-mông hơi cúi đầu xuống. Anh nhìn thấy cái đầu to của bác sĩ gần đầu anh, chú ý như một người thợ vàng đang làm việc. Bên kia bàn, anh chàng cần máu đang ngủ yên. Chấn đập trên mình anh ta hơi nhập nhò theo nhịp thở. Tay phải của anh đặt gần tay trái Si-mông.

Si-mông, trong một lúc, thôi không nghĩ và thở nữa. Yên lặng nghiêm-trang. Anh muốn xem cho biết công việc ra sao. Người ta đã bỏ gối dưới đầu anh đi rồi. Bây giờ thật là đầu anh xuống thấp quá. Có phải vì thề mà đầu anh thành ra vừa nặng lại vừa nhẹ không? Một cảm giác trống rỗng rất thú vị xâm chiếm dần dần thân thể anh. Anh biết rằng anh đã bị buộc chặt vào bàn rồi. Vậy mà anh vẫn sợ bị ngã xuống đất. Anh vừa mơ một giấc mơ lạ lùng. Anh không ngủ. Một giấc mơ hay chỉ là một kỷ-niệm? Anh dạo chơi trong một căn

phòng ẩm ướt và buồn rầu. Anh bước đi rất lạ lùng, như một người khiêu vũ hay người cò giữ thăng bằng trên các hòn đá bên bờ hồ. Một hai m. ột hai. Mỗi bước chân là một hòn đá. Nhưng mà không phải thề. Si-mông bị buộc chặt vào bàn kia mà. Cái bàn dần dần. Từ bao lâu rồi nhỉ. Si-mông ở đâu vậy? Si-mông làm gì thề? Cái người tên là Si-mông là ai thề? Các hình ảnh rồi loạn bị xô đẩy lần lượt diễn qua óc Si-mông. Anh nghe như có tiếng nói từ đằng xa qua sương mù: «Bồn phân khời rồi, có lẽ đủ rồi đây! Anh lại nghe thấy một giọng khác như say sưa: «Lấy nữa, lấy nữa, Bác sĩ ạ:» Có phải tiếng Si-mông đây không? hay là tiếng ai? trời ơi, tiếng ai vậy?

Sao im lặng lâu quá thề? Lại nghe tiếng Bác-sĩ: «Tốt thật! Các ông thử nhìn người ốm xem. Anh ta lại người trông thấy! Bắt mạch đi nhé.» Si-mông thấy có một cái gì mạnh mẽ lắm tràn lên cổ. Có phải lòng vui chăng? Bỗng chốc, có tiếng sẽ lay tay. Y như kim lại châm vào vậy. Bác-sĩ nói: «Tốt lắm! đưa băng và gạc đây».

Si-mông mở mắt. Tại sao anh lại nhắm mắt nhỉ. Tay trái anh tê đi y như khi anh ngủ mê nằm đè lên vậy. Anh nói bằng giọng mà chính anh cũng không nhận ra:

«Xong rồi chứ! Tôi về được chứ».

Một giọng nói khác si-sào bên tai: «Về thề nào được. Ông không được khoẻ lắm đâu. Chiều hay sáng mai mới đi được. Đang sửa soạn giường cho ông nằm đây. Ông uống nước nhé».

— Chính thề. Cám ơn. Tôi khát lắm.

GEORGES DUHAMEL

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — *Cắt nghĩa*: l-ốt (dùng để làm gì ở đây), kỷ niệm (nghĩa riêng ở đây), cảm giác trống rỗng, xâm chiếm, khiêu vũ.

II. Ý tưởng. — Đây là một cảm-tưởng tả rất tỉ mỉ và rất cảm-động, cái cảm tưởng của một người cho máu.

1. — Bài này chia làm mấy phần? (3 phần: Sửa soạn. Cảm tưởng của người cho máu. Lúc xong xuôi cả).

2. — Khảo sát lúc sửa soạn cho máu: tính cách chung của các sự sửa soạn này là gì? Trật tự và có phương-pháp, quy củ; chứng tỏ và phân tách từng phần:

- a) Lệnh của Bác sĩ : nhanh nhẹn, không rườm rà chính xác : chứng tỏ.
b) Có chi tiết nào chứng tỏ những người giúp việc Bác sĩ là những người đã quen việc.
c) Lúc sắp cho máu : chứng tỏ là công việc làm có quy củ và nhanh nhẹn.
d) Tại sao sự yên lặng thành ra trang nghiêm ?

3. — Khảo sát cảm tưởng của Si-mông: Si-mông như đang ở trong một giấc mơ : có những chi tiết gì chứng tỏ điều đó ? Nhưng có phải là một giấc mơ hoàn toàn không ? Chính là một giấc mơ nửa thức nửa ngủ, không rõ rệt; tìm chi tiết chứng tỏ điều này.

4. — Anh có cắt nghĩa được những cảm tưởng lơ mơ, chập chờn không rõ rệt của Si-mông không ? Phân tích từng cảm tưởng một.

5. — Tại sao đầu anh lại vừa nặng vừa nhẹ ?

6. — Một giấc mơ hay là một kỷ niệm : tại sao ?

7. — Anh nghe thấy tiếng nói từ đằng xa qua sương mù : tại sao ?

8. — Tại sao anh lại không nghe thấy tiếng nói của anh ?

9. — Trời ơi, tiếng ai vậy ? câu này ngụ ý gì ?

10. — Lúc xong hẳn : Si-mông thấy lòng vui tràn ngập thân thể : tại sao ? Nhưng anh yếu lắm : tại sao ? Có những chi tiết gì ở những giòng trên chứng tỏ anh cần cố gắng mới cho được máu : (Cánh tay gầy gò, ông không khoẻ lắm đâu.v.v.) Những chi tiết này có làm tăng giá trị của sự cho máu của anh không ?

11. — Có những chi tiết gì chứng tỏ sự hy sinh của Si-mông đã có kết quả.

12. — Có điều gì chứng tỏ rằng tuy đã xong hẳn mà Si-mông vẫn chưa tỉnh hẳn ?

III. Lời văn. — Lời văn trong bài này thế nào ?

1. — Chính xác : nhận xét rằng tác giả là một thầy thuốc nên đã ghi được những chi tiết rõ ràng, chính xác những công việc phải làm trong trật tự và nhanh chóng.

2. — Lanh lẹn : toàn những câu ngắn, cô khi bỏ lửng : ảnh hưởng của cách hành văn này trên việc tả cảm tưởng của Si-mông ? Có giúp gì vào việc tả này không ?

IV. Văn phạm. — Trong bài này có những câu ngắn không có động từ : Khi nào ta có thể dùng những câu đó ? Khảo sát về công dụng của của các câu đó.

V. Luận áp dụng. — 1) Si-mông về nhà kể truyện lại cho nhà nghe : cảnh tượng trong phòng bệnh, cảm tưởng của anh, sự vui vẻ của anh. Anh không có ý khoe khoang, nhưng cũng kể những lời Bác-sĩ lo ngại bảo anh : Anh không được khoẻ mạnh, nhiều máu đâu. Nhưng anh cũng vẫn cho, vì người ốm nằm đó cần phải có máu ngay. Chạm có thể nguy hiểm. Kết luận : Anh sung sướng vì thấy người ốm hồi sức lại. Anh hy vọng người đó sẽ khỏi.

2) Kể một chuyện hy-sinh cảm-dộng mà anh biết...

► 13. NHÂN LOẠI

Một ngày kia, con sẽ là một người lính cũng như anh con vậy. Nếu con có phải ra trận chiến đấu, con sẽ chiến đấu hết lòng bởi vì đó là bổn phận của con ; nhưng sau khi đánh nhau xong rồi, nếu kẻ thù của con có bị thương, con hãy coi anh ta như một người anh em đáng thương hại. Hai người không cùng một tổ-quốc, nhưng anh ta có tổ-quốc của anh ta cũng như con có tổ-quốc của con và ai cũng đều đã làm hết bổn phận của mình ; hai người tuy không cùng một ngôn ngữ, nhưng đều có những tình cảm giống nhau. Anh ta có một quê hương, một gia đình như con và anh ta cũng nhớ tiếc thứ đó lắm. Con hãy thương hại anh, săn sóc anh, an ủi anh. Một ngày kia, nếu con có bị thương con sẽ xứng đáng được một người thù đền săn sóc và an ủi con. Đó tức là tình nhân loại đầy con ạ.

Ta kể cho con nghe một câu chuyện của một nhà văn hào nước Nga. Ông này bịa ra nhiều chuyện rất hay, nhưng chuyện này thực từ đầu đến cuối.

Cách đây vào khoảng 20 năm, giữa Pháp và Nga có chiến tranh. Sau một trận chiến đấu dữ dội, hai người bị thương nằm dài cạnh nhau bên bãi chiến trường vì chưa có đủ thì giờ được đem về nhà thương. Một người là người Pháp, một người là người Nga, họ đau đớn lắm, họ cố sức nói truyện với nhau, nhưng nếu họ không hiểu được nhau mấy tí, họ ít nhất cũng đã tỏ được cảm tình với nhau, và điều đó làm cho họ đỡ đau hơn. Đêm đến, một trong hai người ngủ đi mất. Sáng hôm sau, tỉnh dậy, anh thấy trên người mình có đắp một chiếc áo tơi mà anh không rõ là ở đâu đến. Anh tìm người bạn nằm bên cạnh, anh này chết mất rồi, nhưng trước khi chết, anh đã cởi áo tơi ra đắp lên mình người bạn cùng cảnh khổ với mình.

Theo BERSOT

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ.— Cát nghĩa: nhân loại (phân biệt mấy nghĩa khác nhau), chiến đấu, tổ quốc, chiến trường.

II. Ý tưởng.— 1^o) Phân biệt hai phần của bài này: Giảng nghĩa thế nào là tình nhân loại.— Một thí dụ để cháu hiểu rõ hơn.

2.— Anh có biết đây là lời ai nói với ai đây không? Người cháu trong bài này đã đến tuổi trưởng thành chưa?

3.— Lòng yêu tổ quốc và tình nhân loại có trái ngược nhau không? Nếu có thì trái ngược như thế nào? Anh kể vài thí dụ chứng tỏ? Nếu không, cũng chứng tỏ.

4.— Có cách nào điều hòa được hai tình cảm trái ngược này không? Anh thử kể vài thí dụ. Ở đây tác giả có đề nghị cách điều hòa nào không? Theo ý tác giả thì điều hòa như thế nào?

5.— Có điều gì cảm động trong khi so-sánh hai người thù?

6.— Đó tức là tình nhân loại đấy: Anh hiểu như thế nào? Tác-giả định-nghĩa như thế đã đủ chưa. Có cần bổ-khuyết gì không?

7.— Câu chuyện của nhà văn hào Nga có gì cảm-động?

8.— Họ không hiểu được nhau mấy, nhưng ít nhất cũng tỏ được cảm tình với nhau: bằng cách nào? Chứng tỏ rằng nhiều khi không cần lời nói người ta cũng có thể hiểu nhau được. Tìm thí dụ.

9.— Điều đó làm họ đỡ đau đớn hơn, tại sao?

10.— Nếu trong hai người năm đó có một người là người Việt-nam, thì anh muốn người nào là người Việt-nam. Tại sao?

11.— Phê-bình ý của tác giả? Anh thấy tác giả nói có đúng không? Có hợp ý anh không? Một ý kiến trái lại ý này có thể bênh vực được không?

III. Lời văn.— Giản-dị, hợp câu

truyện giữa ông và cháu

Cảm-động

Gợi hình

chứng tỏ?

IV. Luận áp dụng.— Một đêm có một vị tướng, theo sau có một người lính hầu cỡi ngựa dạo thăm chiến trường sau một trận chiến đấu dữ dội ban ngày. Có tiếng rên ở đâu đây. Vị tướng lại gần. Đó là một người lính bên địch bị thương đang rên xiết và đòi uống nước. Vị tướng liền lấy nước trong bình đeo trên yên ngựa cho uống. Nhưng khi vừa cúi xuống, thì người lính liền vớ lấy khẩu súng còn để bên cạnh và bóp cò. Viên đạn sượt qua đầu, mạnh đến nỗi làm băng mắt mũ và làm cho con ngựa phải nhảy lùi lại đằng sau. Vị tướng thân nhiên bảo người hầu: Anh cứ cho hắn ta uống nước đi nhé. Anh kể lại chuyện đó (theo Victor Hugo: *Après la bataille*).

► 14. BÊN RẠNG TRE GIÀ

Anh Năm Thẹo không ưa mấy người Bắc là vì nhiều lẽ. Anh nghe người ta nói mấy người Bắc vô tới Nam thường trộm trố: «Ồi giời ôi! Đất Đồng Nai cả côm lăm tiền đèn thề, ở ngoài chúng ông thóc cao gạo kém vô cùng». Chuyện đó chưa biết thiệt hư nhưng Năm Thẹo in chí là chắc có. Anh nghĩ chơi điếu này, bộ họ muốn vô giành quyền lợi của mình sao chứ! Bởi vậy có lần có mấy ghe chài di cư tới ghé vô bờ quơ một mớ củi, anh ra cự nự om sòm:

— Ê, bộ cây này tui trồng cho mấy người hưởng hả? Sướng quá mà! Tui là mồi cho mấy người chớ. Mấy người ngồi không, đâu có biết tui trồng cây trám bầu này nó cực khổ ra làm sao? Mấy người đâu có từng chịu cực.

Anh tính họ cự lại thì anh làm dữ liền, nhưng sau thấy họ xuôi lơ đi xuống nên anh cũng thôi láp đáp luôn. Nghĩ lại Năm Thẹo bắt tức cười một mình. Phải dè họ như vậy thì làm hùm làm tượng làm chi cho mất cảm tình.

Chiều nay, trên sông vắng, anh ngồi nhìn về hâu quanh mênh mông quanh mình. Những chiều lặng lẽ như vậy dễ sinh ra nhớ nhà lắm. Nhiều khi đương ở tại nhà, bà con làng mạc sát một bên mà cũng còn bắt buồn bã, nhớ vợ, nhớ vắn tặn đâu đâu, hưởng hỏ gì kẻ ở xa nhà. Năm Thẹo, vừa cuộn chài, vừa suy nghĩ như thế. Mất anh chợt nhìn chiếc thuyền trước mặt của đôi vợ chồng người Bắc. Người chồng ngồi nhìn rặng tre già trước mặt và chân trời xa xa rồi bảo vợ:

— Nay mình này, phải chi có giã núi ở sau cánh đồng kia hợp với hàng tre trước mặt đây thì giống làng mình quá nhỉ.

Cả hai đều im bất thần thờ. Con người nhớ mảnh đất chôn nhau như cá kia nhớ nước, chim kia nhớ trời. Làm sao mà quên được. Lúc sau chị Dấn bảo: «Nhưng người không giống».

— Thì cũng người Nam nhau cả chứ khác chỗ nào? Năm Thẹo nghe thấy xôn xang trong lòng. Bỗng nhiên anh bắt gặp lại được cái cảm giác của anh mười mấy năm về trước. Ngày đó Nhật bắt thanh

niên lên Hà-Tiên đảo phòng tuyến đắp sân bay. Ở nơi xa cửa xa nhà, chiều nào anh cũng ra ngồi trước sân, nhìn rặng dừa đằng mé biển. Qua rặng dừa xanh mượt anh thấy cả mái nhà xơ xác quạnh hiu : ở đó phía trước có đôi cây dừa lão, một hàng tre có năm bụi chuối đèo. Những chiều cỡ này, đàn gà con lạc mẹ kêu chít chít ở dưới giàn bầu. Con chó mực sủa ăng ăng trước bờ sông. Và thương ơi, trong ánh nắng quái thê lương, một bà mẹ già lồm khồm ra vào... Năm Thợ lặng lẽ đưa tay lau nước mắt.

Bây giờ nhìn dáng người của anh bạn dân chài xa lạ, anh nhớ có lẽ mười mấy năm về trước mình cũng đã ngồi y như vậy nơi đất lạ quê người. Anh đã tìm lại được cái xót xa đau khổ trong lòng của những người đã mất một cái gì quý báu lớn lao là hình ảnh của miếng đất chôn rau cắt rốn.

Con người ngồi dưới khe kia không có gì xa cách. Lòng họ chính là lòng anh trong những ngày nào. Đôi tay rám nắng kia đâu có khác gì đôi tay của những người gàn nứa kiếp bị đọa đầy trong tòi tăm khổ ải đau buồn...

Năm Thợ đứng lên kêu :

Anh Hai ! Anh Hai à ! Chưa đi chài ghé lên bờ uống nước nói chuyện chơi cho đỡ buồn. Ở đâu cũng bà con hết mà, đừng ngại...

Theo LÊ-VĨNH-HÒA

Nhân loại số 3 ngày 30 - 9 - 1958 — trang 83

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — Cắt nghĩa : nắng quái, thê lương, đọa đầy.

II. Ý tưởng. — 1) Tìm đại ý của bài này ? Anh có thường nghe thấy những chuyện xích mích giữa người Bắc và người Nam không ? Nguyên nhân từ đâu có những sự xích mích đó ? (chính sách chia rẽ của thực dân) Anh có thấy sự xích mích đó là vô lý không ? Tại sao ? Trong bài này tác giả tả tâm trạng của một người dân miền Nam đối với dân miền Bắc : tâm trạng đó biến chuyển như thế nào ? Tóm tắt.

2. — Trong đoạn đầu (từ đâu đến đâu ?) tác giả nói đến những nguyên nhân làm cho anh Năm Thợ ghét người Bắc : những nguyên nhân nào ? Những nguyên nhân đó có đúng sự thực không ? Hay chỉ là do sự hiểu lầm vô căn cứ ! Những sự hiểu lầm này có cắt nghĩa được không ? Có tự nhiên không ? Tìm một vài chứng cứ tỏ rằng nhiều khi chỉ vì hiểu lầm mà đâm ra to chuyện.

3. — Sự vô bờ quơ một mớ củi có thực sự hại tới quyền lợi của anh Năm Thợ không ? Có chi tiết nào ở mấy giòng sau chứng tỏ điều đó ? Nếu không hại tới quyền lợi, tại sao anh Năm Thợ lại cự nự om sòm ? Có thực là giồng cây trâm bầu, anh Năm Thợ đã chịu cực khổ không ? Nếu không tại sao anh lại kêu là cực.

4. — Phải đề... mất cảm tình : chi tiết này có chứng tỏ rằng thực ra anh Năm Thợ là một người tốt không ? Anh có thấy là nếu có sự cự nự của mấy người dân chài Bắc, anh Năm Thợ có thể không có dịp để chứng tỏ là người tốt không ? Nhận xét như thế, anh có tìm ra điều kết luận nào về cách xử thế của anh sau này không ? (nên đề dặt, không nên nóng nảy, đề gây ra những chuyện không hay, sự đề dặt của mấy người Bắc đã có lợi cho tình cảm của anh Năm Thợ đối với họ).

5. — Cảnh buồn trên sông vắng có đưa đến ý nghĩ nhớ vợ, nhớ vãn một cách tự nhiên không ? Nhớ vợ, nhớ vãn là thế nào ?

6. — Từ ý nghĩ nhớ vợ, nhớ vãn, đến nỗi buồn của những người xa nhà sự chuyển tiếp có tự nhiên không ? Rồi từ nỗi buồn của người xa nhà đến nỗi buồn : của người dân chài Bắc trước mặt, có tự nhiên không ?

7. — Câu chuyện của hai vợ chồng người Bắc : ngắn, giản dị, nhưng đầy ý nghĩa ? chứng tỏ ?

8. — Con người... chim kia nhớ trời : anh có thấy đúng không ? Cách hành văn trong đoạn này có gây cho ta sự cảm động nhẹ nhàng mà thấm thía không ?

9. — Những người không giống : anh thấy nhận xét của chị chài có đúng không ? Đúng ở chỗ nào ? Sai ở chỗ nào ?

10. — Thì cũng người Nam : người Nam đây là người nào, có phải là người miền Nam không ? Điều này có chứng tỏ tấm lòng yêu đồng bào của người dân chài không ?

11. Tại sao anh Năm Thợ nghe xoắn xang trong lòng ? Có một chút hối hận nào không ? Tại sao ?

12. — Nỗi nhớ nhà của anh Năm Thợ : có gì cảm động. Hình ảnh nào cảm động nhất trong đoạn này. Có gì chứng tỏ anh Năm Thợ đã cảm động khi nghĩ đến nỗi nhớ nhà ngày xưa ?

13. — Tại sao anh Năm Thợ lại tìm được nỗi xót xa đau khổ trong lòng người dân chài xứ Bắc ? Điều này có tự nhiên không ?

14. — Hình ảnh nơi chôn nhau cắt rốn là một cái gì quý báu lớn lao : đúng không ? Tại sao ?

15. — Do sự đồng tình, đồng cảnh mà người ta yêu nhau hơn : chứng tỏ.

16. — Đoạn kết : tự nhiên và cảm động : chứng tỏ. Điều này cho ta biết gì về tính nết của anh Năm Thợ ?

III. Lời văn : Du dương, cảm động : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. Anh đi xa nhà bao giờ chưa ? Nếu rồi, nói rõ trong dịp nào, và tả nỗi lòng của anh. Nếu chưa, dựa vào những điều đã biết, tả tâm trạng một kẻ xa nhà.

► 15. MỘT VỤ KIẾN LY DỊ

(Bị mẹ chồng và chồng đánh, chị Đồ Cầu nằm ăn vạ đã mấy hôm nay. Bà mẹ chồng phải mời ông Lý đến phân xử.)

Ông Lý bước vào xúng xính trong chiếc áo lương rộng và lẹp kẹp trên đôi giày da. Khuôn mặt phì nộn tươi nở như một cái hoa, mà nhụy là cái mũi đỏ chói to lạ lùng và đậm lỗ chỗ như da trái bưởi.

Ông đặt đít ngồi : theo thói quen ông đập bàn chân vào nhau phũ phai rồi mới đưa lên xếp bằng trên phản, đoạn hách dịch gọi :

— Con mẹ Đồ mô rồi.

Một người em họ anh Đồ đã chực sẵn, vào buống nhắc chị ra : chân chị lê xềnh xệch trên đất. Chị giả cách cò gượng mới ngồi lên được ngưỡng cửa. Tóc chị rối bù, khăn xô xuống che một mắt, chị đã tự soạn một bộ mặt chết đói bấy ngày.

Hàng xóm đến xem đứng vây thành vòng bán nguyệt. Những con nít nghiêng đầu háp háp nhìn bằng đôi mắt nhèm hai tay chấp lại một cách trịnh trọng trên cu tổng ngỗng. Vài cô gái kháo nhau.

— Á Đồ tài nhện gớm, bấy ẹ. Bấy tám ngày mà nó ghi (1) đi thí mô. Chị Đồ sẽ dềch miệng cười lạng lẽ (2).

Ông Lý nhấp trà rồi cất tiếng :

— « Răng đó nạ, đã ưng dị (3) chưa? Chào! Vợ chồng người ta ở ví nhau, năm năm, mười năm, cãi lộn cho hần đáng : đường ni, đôi vợ chồng son, anh vẫn là mâm ngọc, em còn như đôi đĩa vàng, ha, ha, ha... chưa chi đã giựn hờn rồi lẩn nh ra nằm vạ ».

Sự khoái hoạt âm ỹ của ông Lý khiến mọi người cười theo và đâm nhờn ; một cô con gái trong bọn đứng xem, liếc một câu đùa :

— Ông Lý hát phường (4) giỏi lắm đó.

Ông Lý liếc nhìn cô gái một thoáng mau, rồi lập nghiêm ông hỏi :

— Răng ? giờ muốn hòa thuận ví nhau lại không ? Thi (5) là muốn ly-dị, thì ta cho đồng tiền chiếc đĩa (6) mà về cùng bồ mẹ ?

Mẹ anh Đồ đứng chấp tay thưa :

— Thưa ông, chứ con nó tẻ lắm. Mắng hần một tiếng hần cãi

lại hai tiếng, rồi hần lằng loằng, hần gieo mình ăn vạ, hần cắn đứt tay tui. Xin làng cứ phép xử thì đội ơn lắm.

— Rửa mặt muốn hai bên ly dị à ?

— Bầm không ? Bầm không ? Là tôi trình rửa để làng biết cho rửa thôi.

Mụ vội nói thề. Mụ đại gì mà cho dâu về, đưa dâu mà mụ đã tự hào mát tay mới chọn được. Chị Đồ tuy xấu tính thực, nhưng hay làm như một con bò, đảm đang tất cả việc trong nhà. Và cưới chị có phải tốn ít đâu : tiền anh Đồ dành dụm trong hai năm đi chài, từ khi còn là một thằng trai tập sự nấu cơm hầu nước, cho đến khi lên anh bạn lành nghề đều tiêu vào đó hết.

Ông Lý gắt : Muốn đường mô thì nói rõ ra một đường.

Anh Đồ vẫn đứng chấp tay trong góc nhà, nói ra :

— Thưa ông, ông xử cho tui phận mô, tui được nhờ phận nó.

— Ăn nói hàm hồ rửa thì ai biết đường mô mà xử ! Mẹ Đồ muốn

đi thi muốn về ?

— Dạ trăm sự nhờ ông cả, ông cho rằng thi được này. Trăm sự cũng là nhờ ông cả.

Chị Đồ đáp vậy, giọng kéo dài như mỗi mệ.

Ông Lý dết vào đùi, bộ thất vọng :

— Rửa thì cha ai mà xử được. Anh nói « nhờ ông », ả nói « nhờ ông », răng mà hai anh ả khéo như nhau quá. Và đồng ý với nhau rửa thì thôi cho đoàn tụ.

Mọi người vẫn im lặng. Thấy lời tuyên án không hiệu quả và câu khôi hài kín đáo không ai thương thức, ông Lý ngồi lặng thỉnh uồng nước.

Anh Đồ bước ra rót nước. Bấy giờ chị Đồ mới nhận thấy chồng mình mặc áo dài. Cái áo lương tưởng như sắp bật tung trên thân hình vạm vỡ của anh dân chài. Ông áo chít vào hai cổ tay đen, và tà ngắn đập cùn cùn trên đầu gối. Chị Đồ vờ cười mặt liếc nhìn qua mớ tóc rối trên trán, và mỉm cười ngấm những cử chỉ ngây ngô của chồng. Chị nhớ lại hôm cưới anh Đồ ngượng nghịu trong chiếc áo lương còn mới nguyên và cái quần cứng đét hồ thì thụp lạy trước bàn thờ.

Chị bắt giắc cười lên tiếng. Anh Đò quay nhìn, càng ngượng nghịu thêm, thủ hai bàn tay dưới áo rồi chấp lại, rồi gãi đầu, rồi mân mê khuy áo. Sau cùng anh mỉm cười cho đỡ thẹn. Ông Lý kêu:

— Ô, anh à cười ví nhau rồi đó tể ? Cần gì ai phân xử nữa.

BÙI - HIỂN (Năm Vạ)

CHÚ THÍCH : (1) gầy, (2) trong khi nằm ăn vạ, tuy nhìn còm nhưng chị Đò đã ăn vụng những miếng khoai phôi khô để trong buồng, (3) dậy, (4) như hát trống quân ngoài Bắc, (5) hay (6) tục miền Trung khi ưng cho đôi vợ chồng ly dị, ông Lý thường bề đôi chiếc đĩa hay đồng tiền chia cho mỗi người một nửa.

BÌNH GIẢNG

I. Từ-ngữ.— **Cắt nghĩa :** Ly dị, xúng xính, phì nộn, hách dịch, ngưỡng cửa, bán nguyệt, trịnh trọng, tổng ngồng, khoái hoạt, cùn cợn.

II. Ý tưởng.— Một vụ xử kiện rất linh-dộng ở một làng tại miền quê Trung-Việt :

1.— Có gì chứng tỏ cảnh tượng này là cảnh tượng xảy ra ở một miền quê Trung-Việt : ngôn ngữ, cử chỉ v.v. . .

2.— Bài này chia làm mấy phần ? (Bắt đầu phiên xử / Lúc phân xử / Kết liễu phiên xử)

3.— Tác giả tả ông Lý có kỹ không ? Tại sao ? Hình dung ông Lý cho ta biết ông là người thế nào ?

4.— Có gì chứng tỏ sự kính trọng của dân làng đối với ông Lý ?

5.— Chị Đò sẽ dèch miệng cười lặng lẽ : Tại sao ?

6.— Đoạn tả chị Đò có tự nhiên, có đúng sự thật không ? chứng tỏ. Chị sửa soạn một bộ mặt chết đói, bấy ngày : tại sao ?

7.— Khảo sát lúc phân xử : Đọc xong đoạn này, chúng ta có biết gì thêm về tính nết các nhân vật không : ông Lý, bà mẹ, anh Đò, chị Đò, Anh có hiểu tại sao họ lại nói như thế không ? Và thế có tự nhiên không ?

8.— Khảo sát lúc kết liễu phiên xử : có gì chứng tỏ bầu không khí khó chịu lúc ông Lý thấy lời tuyên án không có hiệu quả. Phiên xử kết thúc bằng cái gì ? Kết thúc như thế có tự nhiên không ? Chứng tỏ tính cách hồn nhiên của vợ chồng anh Đò.

III. Lời văn.— Linh động, chính xác, gợi hình : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. Một vụ xử kiện giữa hai người đánh nhau ở nhà quê.

▶ 16. RA KHƠI

Thuyền chưa nhỏ sào còn đợi con nước. Thề là đêm nay mình lại nằm trên bề như ngày nào qua Khoái-từ-Long.

Trăng hạ tuần ú dột và vàng vọt như một nét mây đã úa tang rớt xuống phương đông chiều vàng cả mảnh trời sau núi.

Thề là lại được nghe nước róc-rách bên mạn thuyền trong đêm khuya, nghe tiếng sóng lần lượt nổi tiếp nhau rạt-rào trên bờ cát nghe con thuyền bỗng bênh kéo kệt như thì-thảm ôn lại bài ca của đại dương, nghe cái cột buồm lắc lư nhẹ nhẹ như bắt đầu say hơi gió ngàn trùng.

Trên bờ vắng, sóng tóe lân tinh như lặn những hạt kim-cương trên cát. Hay là các nàng sao đêm khuya rủ nhau xuống tắm. Bóng đen cao lớn của người lái thuyền in dài trên cát, vai hằn vác những hành lý xuống thuyền. Hẳn lội xuống bề, đôi bắp chân đen, đẹp cứng cáp lùa xuống nước làm toé lên những ngôi sao...

Thuyền nhỏ sào. Người lái đò và bọn chài chèo nhẹ nhẹ ra khơi. Mỗi lần mái chèo dúng xuống nước lại khoáng lên một mớ sao, một mớ ngọc hay một mớ kim-cương. Con thuyền đập dềnh lướt trên bề lặng. Chiếc cột buồm lao đảo đến hay trông như một gã trẻ tuổi phiêu lưu say rượu, chuênh choáng đang lang thang trên bề phở vắng, một đêm tha hương.

Gió thổi mạnh, kéo buồm ra khơi ? Buồm vừa mở một nửa, gió đã ập vào, phồng lên như một lồng ngực vạm vỡ căng đầy gió, làm nghiêng về một bên. Tiếng giầy thừng căng thẳng trước gió reo lên như sợi giây trầm của một chiếc vĩ lớn. Giầy đai xiết vào vòng gối kêu kin kit nghe rạo rức, lỏng lẻo như tiếng rít của một con thú sắp được xỏ lồng : con thuyền khát gió bốn trời.

Thôi bây giờ, để mặc gió thổi đưa đi, tay nương, tay lái, tay cầm giầy lèo (cái cương buộc vào ngực gió) trông sao mà đi.

Hay là nằm trên mũi thuyền, nhìn trời cao, nghe cái cột buồm lao đảo chỉ trò vắn vớ, các vì sao kể cho nghe câu chuyện hải hồ cũng thú.

TRẦN - CƯ

(T.T.T.B. Nguyệt san số 7 Dec. 44 tr. 6)

CHÚ THÍCH.— Đây là một tập nhật ký của tác giả trên chiếc thuyền đi từ Móng Cái về Hải-phòng.

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ.— *Cắt nghĩa* : con nước, hạ tuần ủ dột, vàng vọt, chài (khác lưới thế nào?) phiêu lưu, tha hương, giầy trăm, vĩ, cương, mạn thuyền, hải hồ

II. Ý tưởng.— Tác giả tả các cảm giác rất thú vị và rồi rào của một người nằm trên một con thuyền bồng bềnh trên mặt bể.

1.— Trong đoạn : « Thế lại được nghe... ngàn trùng. » tác giả có bị ảnh hưởng của tiếng sóng rất rào nhẹ của sóng bề không? Chứng tỏ rằng âm điệu của đoạn này rất rõ ràng cái nhạc điệu thì thầm và rào rạt của sóng bề? Chứng tỏ rằng các cảm giác khác đều phù hợp với nhau để làm nổi cái âm điệu đó, cái âm-điệu đang đưa nhẹ của một con thuyền đỗ gần sát bờ.

2.— Khảo sát các cảm giác về thị quan trong đoạn : Trên bờ vắng... tóe lên những ngôi sao : có gì là thi vị? Hình ảnh ở đoạn cuối chứng tỏ cái thi vị này ra ở sự nhịp nhàng của một sức vóc mạnh mẽ với cái đẹp của các ngôi sao chìm trong nước.

3.— Chiếc thuyền tuy bắt đầu đi, mà cảm giác nhẹ nhàng yên tĩnh thú vị vẫn không có gì thay đổi : chứng tỏ.

Tuy vậy cũng đã có một cảm giác mới : Chứng tỏ cái thi vị của hình ảnh mà tác giả đem so sánh với cánh bướm lão đảo. Hình ảnh này có làm lộ cho ta biết gì về ý nghĩa và tâm hồn tác giả lúc bấy giờ không? Tại sao tác giả lại dùng hình ảnh ấy mà không dùng hình ảnh khác?

4.— Khảo sát các cảm giác về thính quan trong đoạn cuối, khảo sát cả các hình ảnh.

III. Lời văn.— 1^o) Đây thi vị — 2^o) đây nhạc điệu — 3^o) đây hình ảnh : một bài tả cảm giác có thể làm mẫu được.

IV. Luận áp dụng.— Anh tưởng tượng con thuyền này cứ đi xa mãi ra ngoài khơi và gặp lúc sóng đánh càng ngày càng to. Tả con thuyền lúc đó.

► 17. MỘT CUỘC ĐUA THUYỀN

Khán giả la ó vang trời. Cuộc đua đã gần ngã ngũ. Nhứt, nhì về tay An Thịch, Ba doi, chớ không sai chạy được. Nhưng khán giả càng hồi hộp hơn bao giờ hết. Bạn của An Thịch thì lo lắng An Thịch mất chức vô địch. Còn bạn của Ba doi thì nôn nao mong Ba doi lên chun một lần.

Phèn !

Hề !

— Lê con, Ba doi !

Cả thuyền đều cầm đầu cầm cổ mà bơi. Ba mươi người mà như là một người. Sự duy nhất không phải chỉ ở nơi ăn rập và reo hò một

lượt với nhau mà cả trong lòng họ. Cả làng, cả đội sẽ thắng hay bại, chứ không riêng anh Giáp, anh Ất nào. Dân làng sông đồng đội từ cái ăn, cái làm, cái chơi cho đến cái khổ, cái chết. Tư Nết đã đồng đội với họ từ vục lớn cách đó mười lăm năm, từ vụ thất mùa bảy năm trước, từ vụ Cọp rừng Sác chụp tia anh và được cả làng ủa ra cướp lại, thì làm sao bây giờ anh lại thôi đồng đội với họ. Tất cả những ý nghĩa qua mau trong đầu anh.

Phèn !

Hề !

Dân bơi há miệng mà la và cũng để tấp lầy những giọt nước sông do giẫm phía trước chém bắn lên cho đỡ khát.

Một anh bạn bơi, giọng khàn khàn nói :

— Chết rồi, nó đâm !

— Mấy lái cái mắc dịch gì mà kỳ vậy Nết ?

— Nết ơi ! mấy muốn ở tù sao mà đưa hông cho nó đâm ?

Câu sau đó là của Hương trưởng đội, người đánh phèn la.

Tư Nết cười ha hả mà đáp :

— Chính vì sợ ở tù, nên tôi mới cho nó đâm. Mà thôi, bà con ơi, thà là ở tù !

Ghe An Thịch bỗng quay mũi ngang lại, rồi quay sáo cho đi song song với Ba doi.

— Hề... ề... ề!!!

Một tiếng hề dài không dứt, thề là An Thịch bứt đi tới, bỏ Ba doi xa đến một mình rười, vượt qua khỏi trái nôi neo ở trước đó để làm mức ăn thua.

Ghe Ba doi tiu ngilu như mãnh thú vừa vỗ huyệt con mồi, nhún nó chạy thoát lòng đầy căm giận.

Ba mươi chiếc giầm sơn đỏ của ghe An Thịch bỗng đưa cao lên một lượt để chào quan khách ở trong bờ. Khán giả có ấn tượng như thấy một con rít chạy tới đó rồi ngã lẳng đùng ra, đưa mây trăm chân lên trời. Tiếng hoan hô ở hai bên bờ sông vang dậy lên. Tư Nết chỉ hưởng sung sướng chung trong vài giây. Anh nhớ lại chuyện riêng, lầm bầm nói :

— Thôi, cũng được. Chắc ở ngoài bà con họ chẳng bỏ má mình đâu.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

(Trích báo Nhân-loại số 3 trang 56)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ : *Cắt nghĩa* : Ngã ngữ, giãi, một mình rười.

II. Ý tưởng : Trong đoạn trên của bài này, trong chuyện « Đồng đội » tác giả cho ta biết một tay anh chị trong tỉnh biết rõ trong cuộc đua thuyền sắp tới, ghe An Thịch thế nào cũng thắng. Nhưng y muốn cho ghe Ba doi là ghe của phe y thắng. Trong tỉnh có anh Tư Nết là người lái ghe An Thịch rất giỏi. Lợi dụng một vài lỗi của anh Tư Nết, tên anh chị liền gọi Tư Nết đến, bảo hôm đua phải lái ghe An Thịch làm sao cho ghe Ba doi đâm thủng đề Ba boi chiếm giải nhất. Nếu Tư Nết không nghe, y sẽ tố cáo với nhà chức trách tội lỗi của Tư Nết để bỏ tù. Tư Nết còn mẹ già, sợ đi tù không ai trông nom, nên nhận lời phản lại đồng bạn để cho ghe Ba doi thắng. Nhưng trong cuộc đua, đương lúc Tư Nết lái ghe của mình để cho ghe Ba doi đâm, anh chợt nghĩ lại, nghĩ đến tình đồng đội thâm thiết của mình với dân làng, nên cố lái cho ghe An Thịch thắng, thà chịu ở tù còn hơn phản bội. Trong bài này, tác giả tả cuộc đua thuyền và tâm trạng anh Tư.

1.— Bài này tuy tả cuộc đua thuyền, nhưng thật ra cốt ý tả tâm trạng anh Tư nhiều hơn : có gì chứng tỏ điều đó ?

2.— Bài này chia làm mấy phần ? những phần nào ?

3.— Đoạn đầu : tả quang cảnh cuộc đua lúc gần đến mức ăn thua : khán giả có đồng không ? có gì chứng tỏ điều đó ?

4.— Tại sao khán giả lại hồi hộp đợi chờ kết quả : có phải chỉ vì chỉ còn có 2 phe tranh đua ráo riết thôi không ? Nếu có thêm vài ba phe nữa cùng có hi vọng ăn giải, khán giả có hồi hộp như thế không ? Nếu trong 2 phe, có một phe kém hẳn phe kia, khán giả có hồi hộp như thế không ?

5.— Ba mươi người mà như là một người : *Cắt nghĩa*. Điều này chứng tỏ gì ? Phân biệt 2 nghĩa : vật chất và tinh thần : (ba mươi người như một tả sự đồng đều của các cử động làm một lúc, cũng tả luôn sự đồng lòng của họ).

6.— Sự duy nhất... trong lòng họ : câu này dùng để cắt nghĩa câu trên : chứng tỏ.

7.— Hai câu sau tả sự đồng đội của dân làng : Chứng tỏ ? Sự đồng đội này được tả rất khéo, gọn mà đủ ý, không rườm rà. Anh có thấy gì cảm động trong sự đồng đội này.

8.— Sự đồng đội của Tư Nết với dân làng : Tìm chi tiết chứng tỏ điều đó : sự đồng đội đó có đã lâu đời chưa ? có gì chứng tỏ điều đó.

9.— Tại sao chỉ nhắc đến sự thất mùa bảy năm về trước là đủ tả rõ sự đồng đội của Tư Nết với dân làng ?

10.— Cọp rừng Sác... và cướp lại : có gì cảm động và oai hùng trong chi tiết này ?

11.— Đề tả sự đồng đội của Tư Nết với dân làng, tác giả chỉ cần nhắc đến 2 chi tiết : cái đói và cái chết : Như thế đã đủ chưa ? Có cần thêm chi tiết nào nữa không ? Tại sao ? Chứng tỏ rằng không còn có điều gì làm cho người ta đoàn kết với nhau hơn là khi cùng no đói hay sống chết với nhau, Anh có hiểu tại sao Tư Nết không thể thôi đồng đội với họ không ? Dựa vào các chi tiết ở đầu bài bình giảng này, phân

lách sự mâu thuẫn trong đầu óc anh Tư ? Anh đã gặp trường hợp nào như thế không ? (Học sinh có thể nhớ lại những lúc có bài cần phải học hay làm, nhưng bên ngoài trời đẹp quá, muốn đi chơi, hay có một phim hay quá muốn đi xem v.v. Giáo sư có thể kể cho học sinh nghe các chuyện rút trong văn học sử nước nhà hay ngoại quốc : Le Cid của Corneille, chẳng hạn).

12.— Cuộc đua tiếp tục : có chi tiết gì chứng tỏ hành vi phản bội của Tư Nết, sự sợ ở tù đã, trong một lúc, thắng tình đồng đội : những chi tiết này được tả rất khéo và gọn.

13.— Sự quyết định của Tư Nết : có nhanh không ? có gì chứng tỏ điều đó ? Anh thấy tả như thế có hợp lý không ?

14.— Sự đắc thắng của ghe An Thịch : được tả nhanh, ngắn, nhưng đủ, bằng hình ảnh rất đẹp : chứng tỏ.

15.— Câu kết : có gì cảm động ? Chi tiết này có tả tình đồng đội một lần nữa không ?

III.— Lời văn : Súc tích, gợi hình, linh động : chứng tỏ.

IV.— Luận áp dụng : Trong một cuộc thi Lục Cá Nguyệt, anh có dịp chép bài một cách dễ dàng để có thể nhất được. Nhưng anh không chép chỉ tự mình làm bài, cố tránh sự cám dỗ, tả tâm trạng anh lúc bấy giờ.

18. BI-KỊCH TRÊN MẶT BỂ.

Đã hai ngày hôm nay giọng nói to lớn và ghê sợ của bè khơi đang gào thét chung quanh chúng tôi. Giời đen ngòm, y như trong bức tranh của Le Poussin (một họa-sĩ nổi danh) vẽ cảnh ngập lụt : mây chập chùng ghê gớm, gió thổi ào ào rừng rợn.

Giọng nói càng ngày càng to tát hơn, thâm trầm hơn không lúc nào ngừng : đó là một vị « thần » đương giận giữ. Tầu đi, vấp phải những khối nước to lớn xoáy thành những đường xoắn ốc bạc đầu luôn luôn xô đến như chạy thi vậy, những khối nước này cứ thẳng tầu mà hết sức xô vào : và tầu bị lắc một cách ghê gớm làm thành những tiếng động ồm ồm. Nhiều khi chiếc tầu cũng bám riết vào đó, cò vượt lên trên, có vẻ giận giữ không kém gì sóng cả. Rồi tầu lại chúi mũi xuống những hồ sâu phản bội đến sau, tầu có khi tụt hẳn xuống tận đáy những thung lũng kỳ lạ tự dựng há to miệng ra, giữa những bức thành nước cao lênh khênh ; chúng tôi cò sức ngoi lên, thoát ra khỏi những bức thành cong tít, sáng loáng xanh lè, sẵn sàng khép lại.

Một lần mưa băng giá xé hẳn không khí thành những mũi tên dài trắng như quắt, như vút bằng những giây da dài và xoắn xít. Chúng tôi tiến gần về phía Bắc bằng cách lần theo giọc bờ biển Trung-hoa và cái lạnh ghê gớm không ngờ làm cho chúng tôi khổ sở lắm.

Đã hai giờ liền, anh em coi giữ cột buồm làm công việc này mệt mòi đi, người bị quắt, bị cháy xém bởi tất cả những thứ từ trên trời rơi xuống hay từ dưới bề đưa lên, nào từng cột bột bề cao ngất, nào mưa nào đá, v.v, dù hay bàn tay rớm máu đã lạnh cứng, họ vẫn cố sức níu chặt lấy cái cánh buồm cứng nhắc và ướt át đương lổn lộn trong trận gió khốc liệt này.

Không còn nhìn được thấy nhau nữa, không còn nghe được tiếng nói của nhau nữa.

Chỉ riêng việc bám chặt vào những thứ luôn luôn rung động ướt át, đầm nước mưa, để cho khỏi rơi tòm xuống bề, cũng là cả một việc khó rồi : vậy mà còn phải làm việc trên những thanh gỗ căng cột buồm, những thanh gỗ luôn luôn lổn lộn từ tung bốn phía như những cái đập cánh cuối cùng của một con chim lớn đang bị thương đang thờ giốc ra.

Những tiếng kêu thảm thiết đưa xuống từ trên cao, từ đám người treo lơ lửng trên đó. Tiếng kêu của đàn ông, kêu khàn khàn nghe ghê rợn hơn tiếng kêu đàn bà bởi vì tai chúng ta chưa quen với những tiếng kêu đó, tiếng kêu đau đớn thảm thiết : một bàn tay nắm vào bất cứ chỗ nào, những ngón tay quặp vào bất cứ đâu, thật rơi ra từng mảnh hay xâu xé nhau ; — hay là một anh chàng khổ sở không khoẻ bằng các bạn, co rúm người lại vì rét, thấy mình không thể nào giữ được nữa, đầu choáng lên rồi, sắp phải rời tay và sắp rơi. Và các bạn khác, thương hại anh ta cố giữ lấy anh để cho anh tụt dần xuống.

. . . . Cứ như thế trong hai giờ liền, họ kiệt sức rồi, không thể nào chịu đựng được nữa.

Rồi bỗng chốc tàu lắc rất mạnh, bỗng chồm người đó tự nhiên tan ra một cách bất thần và biến hình đi : hai hình người rơi ra hai tay giang rộng rơi tòm xuống các đường sóng xoáy tròn ốc trên mặt bề : một thân hình khác rơi đánh bệt xuống mặt cầu y như một thân

người đã chết rồi « Lại một bậc thang rơi mất rồi ! Thật là bọn bán tiện trong bển Brest đã cho chúng ta những giây rợ mục nát hết ! Còn anh thứ hai là ai đây ! » đó là lời sĩ-quan coi việc cắt canh, vừa nói vừa đập chân xuống sàn tàu.

Bọn người khác hãy còn nắm được giây thừng, bị treo lơ lửng giữa giòi trong một lúc, bây giờ đang cố sức leo lên rất nhanh như khi vậy.

Còn bọn người đã rơi xuống bề, trên tàu đã vớt xuống nhiều phao cho họ bám lấy lắm, nhưng mà có ích gì đâu. Thà rằng không thấy họ nổi lên còn hơn, vì thấy nổi lên thì phải dừng lại để cứu, mà dừng lại thì đèn ụp tàu mất, rồi cũng phải đèn lay hết can đảm mà bỏ rơi họ vậy thôi. Đành phải dùng cách điểm danh những người còn lại để xem người thứ hai rơi xuống bề là ai ? Đó là một anh chàng lính mới, ngoan ngoãn lắm mà người mẹ, một bà góa có tuổi đã đem đèn gỏi găm ông thuyền trưởng trước khi tàu rời đất Pháp.

PIERRE LOTI (Anh Yve)

BÌNH GIẢNG

I. — Từ ngữ : *Cát nghĩa* : Bị kịch (trái lại là gì) chập chùng, khốc liệt, co rúm, xoáy tròn ốc, phao, gửi gắm, thuyền-trưởng.

II. — Ý tưởng : Một bức tranh linh động của một trận bão ghê gớm trên mặt bề một cảnh tượng vô cùng cảm-động của sự tranh hùng giữa người và thiên nhiên.

1. — Hai phần của bài này là hai phần nào : hai phần đó liên lạc chặt chẽ với nhau ra sao ?

2. — Khảo sát về trận bão :

a) Có những triệu chứng gì chứng tỏ trận bão sắp đến nơi : Gió, biển và sóng hình như hòa nhau để quyết phá tan tàu : chứng tỏ.

b) Chiếc tàu cũng cố sức bám riết lấy sóng và vượt lên trên một trận tranh hùng ghê gớm và dai dẳng giữa tàu và sóng : có những câu nào chứng tỏ điều này ? Kết cục sóng có thắng không ?

c) Mưa, lạnh lại đến giúp sức sóng : chứng tỏ.

3. — Khảo sát phần thứ hai : công việc của những người coi buồm, một công việc thực khó khăn nguy hiểm, một cuộc chiến đấu anh dũng giữa người và thiên nhiên : có những chi tiết gì chứng tỏ sự khó khăn đau đớn và sự anh dũng này ?

Một cuộc tấn công không ngừng của thiên nhiên : chứng tỏ. Một cuộc chống đỡ anh dũng : chứng tỏ.

4. — Bị kịch bắt đầu.

- a) Có những triệu chứng gì chứng tỏ sự thua kém của người và bị kịch bắt đầu :
- b) Khảo sát sự cố gắng can đảm và tuyệt vọng của bọn người.
- c) Có gì chứng tỏ sự đoàn kết và nhất trí của bọn người này.
- d) Vậy mà vẫn có ba người bị rơi : tại sao ?
- e) Tại sao người ta không muốn thấy những người bị rơi nổi lên mặt nước. Sự bỏ rơi những người này có chính đáng không ? Tại sao ? có cảm động không ?
- g) Khảo sát đoạn cuối cùng : nét cuối cùng thực cảm động ở chỗ nào ? Chứng tỏ. Phê bình cách kết cấu của tác giả.

5. — Cảm giác chung của anh khi đọc xong bài này.

III. — **Lời văn** : Chứng tỏ rằng lời văn : 1) cảm động. 2) hợp với điều muốn tả. 3) gợi hình. 4) rồi rào.

IV. — **Luận áp dụng** : 1) Thư của ông thuyền trưởng gửi bà mẹ có con bị chết (kể lại chuyện, an ủi, xin lỗi v.v...)

2. — Bà mẹ gọi lại trước mặt một người bạn hình ảnh của con. (nó thích nghề hàng hải như thế nào ? Cái chết thảm khốc).

19. BAY ĐÊM

Phan suy tính xem còn có cơ cứu vãn được không ? Có lẽ chỉ bảo rớt thường thôi, vì vừa nhận được tin ở trường bay gần nhất sắp đến là trời chỉ u ám có ba phần tư. Làm sao sống được trong hai mươi phút trong vòm trời đầy đặc đen tối này. Người hoa tiêu tuy vậy lo lắng lắm. Anh nhìn về phía bên trái gió, anh cò đoán những tia sáng mập mờ tuy đêm đầy đặc mà vẫn óng ánh như thường. Nhưng mà không còn là những tia sáng nữa. Có lẽ đó là do bóng tối lay động chập chùng hay vì mệt quá mà hoa mắt đầy thôi. Anh giở tờ giấy mà người giữ vô tuyến điện vừa đưa :

« Chúng ta ở đâu đây nhỉ ? »

Phan muốn biết lắm dù phải trả một giá rất đắt. Anh trả lời : « Tôi không rõ, chúng ta đang dùng địa bàn vượt qua một trận bão ». Cứ ba mươi phút một, Phan lại ngó vào bên trong để coi máy giữ thăng bằng và các đường com-pa. Anh không dám đốt những cây đèn dò yếu ớt nữa. Nhưng tất cả các đồ đạc mà chữ số viết bằng quang tuyến, chiều một lần ánh sáng chập chờn xanh mờ. Ngồi bên trong, anh cảm thấy sự yên ổn hiện thời không khác gì sự yên

ổn của một chiếc tàu thủy đang đề sóng lướt đi. Y như trong một chiếc tàu thủy, tàu bay cũng có cảm giác như vấp phải đêm tối, vấp phải các tảng đá, các mảnh tàu trôi lênh bênh, các ngọn đồi, tường như không còn gì giữ lại được nữa.

« Chúng ta ở chỗ nào đây nhỉ » người giữ vô tuyến điện nhắc lại.

Phan lại thò người ra ngoài và nghiêng về phía trái, lại bắt đầu xem xét trong sự lo lắng. Anh chàng chẳng biết cần phải mất bao nhiêu thì giờ, bao nhiêu sức lực mới lỏi được anh ra khỏi sự trói buộc nguy hiểm. Anh gần như cho rằng không bao giờ còn có thể thoát ra khỏi được. Cả cuộc đời anh ràng buộc vào mảnh giấy nhỏ mong manh bần thul, nhàu nát mà anh đã giở ra đọc đi đọc lại hàng nghìn lần để giữ cho khỏi tuyệt vọng : « Từ Tô Liên giờ u ám tới ba phần tư ; gió tây thổi yếu ». Nếu thực ở Tô Liên trời chỉ u ám tới ba phần tư thôi thì ta phải nhìn thấy ánh sáng về phía đó chứ : Chỉ trừ ra khi...

Ánh sáng yếu ớt mà anh mong sẽ thấy ở phía xa thúc giục anh tiến lên vậy mà anh vẫn còn nghi ngờ mà viết cho người vô tuyến điện : « Tôi không biết có thể qua được không ? Thử nhìn lại đằng sau xem còn đẹp giờ nữa không ? » Thử trả lời làm anh thất vọng : « Không thể quay lại được. Có bão to. Không thể nào giao thiệp được với Buy-ê-nô-de. Tôi không thể làm việc được nữa. Tay tôi bị điện giật ».

Phan giận dữ muốn trả lời, nhưng khi tay anh vừa rời máy để trả lời thì có một làn sóng ngầm mạnh mẽ trào vào trong thân thể. Anh có cảm tưởng hình như cả thân tàu bay cũng nổi loạn. Buồng máy, mỗi khi đâm đầu xuống dưới thì gào to đến nỗi cả thân máy rung động âm-âm như giận dữ. Phan lấy hết sức để giữ tàu, đầu lút hẳn vào trong khoang, chỉ còn theo máy dẫn đường mà đi thôi vì bên ngoài không làm sao phân biệt được đâu là trời, đâu là đất, tất cả đều đảo lộn vào một bóng tối dày đặc, các bóng tối có từ khi thế giới mới xuất hiện. Nhưng kim trên máy địa bàn càng quay nhanh hơn, khó lòng mà theo được. Anh bị địa bàn đánh lừa không còn biết làm thế nào được, không còn biết bay cao bao nhiêu nữa và càng ngày càng sa vào bóng tối đầy đặc. Anh chàng nhìn xem bay cao bao nhiêu : « năm trăm thước » nghĩa là gần sát các ngọn đồi rồi. Anh thấy các làn

sóng đôi đó càng ngày càng gần gần anh hơn với một tốc độ ghê gớm. Anh hiểu rằng tất cả các mảnh đất ấy cũng đang quay cuồng chung quanh anh như người say rượu và càng ngày càng xiết chặt anh lại.

Anh cương quyết quyết định. Thà rằng hạ xuống bất cứ chỗ nào còn hơn là vấp phải một ngọn đồi và vỡ tan nát. Thề rồi, muốn ít nhất phải tránh các ngọn đồi anh liền phóng ra ngoài luồng ánh sáng độc nhất. Luồng ánh sáng lóe ra ngoài quay cuồng chiếu sáng cả một vùng đồng bằng rồi tắt hẳn; thì ra tàu bay vẫn ở trên mặt bể.

Anh nghĩ: Thôi hỏng rồi! Đã chữa lại tới bốn mươi độ mà vẫn lạc đường như thường! Bao to quá! Đất liền đâu mất rồi. Anh chàng quay về phía tây. « Thôi bây giờ không có đèn nữa thì chết mất ». Cờ nhiên là rồi sẽ chết, nhưng còn anh bạn ở đằng sau...

VÔ DANH

BÌNH GIẢNG

I.— Từ ngữ: Cát nghĩa: hoa-tiêu, vô-tuyến-diện, dù phải trả một giá đắt, (tại sao? đề làm gì?) địa bàn, quang-tuyến, tấn công, đảo lộn, tốc độ.

II.— Ý tưởng: Máy bay chiến đấu với gió bão, ban đêm cả một bức tranh vô cùng cảm động của sự tranh hùng ghê gớm giữa người và thiên nhiên. Sự cảm động của chúng ta càng ngày càng tăng khi sự nguy hiểm tăng lên.

Thoạt tiên giới chỉ có cơn giông xoàng, hãy còn sáng lắm: người hoa-tiêu lo lắng nhưng tin vô tuyến điện hãy còn dành cho anh một chút hy vọng: sắp đến bến rồi. Nhưng không xong, nguy hiểm đến nơi rồi: máy bay lao đao trong bão lốc. Anh hy vọng đổ được trên đất liền bất cứ chỗ nào: phóng ra ngoài luồng ánh sáng cuối cùng: thì ra vẫn ở trên mặt biển. Hết rồi, máy bay sẽ rơi xuống biển tụt theo bão lốc.

1.— Bài này chia làm mấy phần?... là những phần nào?

2.— Khảo sát cơn giông.— Tại sao người hoa-tiêu lo lắng?

3.— Sự so sánh tàu bay và tàu thủy đang đề sóng có giá trị gì? Có nguy hiểm không? Có gì chứng tỏ điều đó? Tại sao, tuy vậy vẫn còn có hy vọng? Tìm những chi tiết tả sự lo lắng và lòng hy vọng mong manh của người hoa-tiêu.

4.— Điều gì đã làm anh hoa-tiêu thất vọng và chứng tỏ trận bão bắt đầu.

5.— Sự nguy hiểm có thể xảy ra như thế nào?

6.— Tàu bay quay cuồng trong đêm tối: một cuộc đấu tranh ghê gớm, vô cùng cảm động: có những chi tiết gì chứng tỏ bão rất mạnh và sự thua sút trông thấy của sức người, có những chi tiết nào chứng tỏ sự sợ hãi ghê gớm của người hoa-tiêu.

7.— Hỏng rồi! Tìm những chi tiết làm cho cảnh cuối cùng thành ra cảm động. Giá trị của những chữ sau cùng.

8.— So sánh sự nguy hiểm và sợ hãi trong bài này, với sự nguy hiểm và sợ hãi trong bài Bi kịch trên mặt bể của P. Loti.

III. Lời văn.— Lời văn cảm động, gợi hình, nhanh nhẹn, phù hợp với cảnh, chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng.— Chiếc máy bay may mắn đổ xuống được một cù lao ngoài biển. Người hoa tiêu hoàn hồn, báo tin cấp cứu. Trời trở lại trong sáng. Máy bay lại ra đi. Cảm giác sung sướng của người hoa-tiêu bay dưới một bầu trời đẹp đẽ và huy hoàng. Người hoa tiêu kể lại chuyện cho người nhà nghe.

► 20. TRONG THƯ VIỆN

Hai người đến thư viện. Phòng sách vắng. Một người thư ký, ngồi cặm cụi viết. Duy bỗng nhiên cảm thấy sự huyền ảo ở ngoài phò ngưỡng lại để chỗ cho êm tĩnh.

Nhân đặt sách lên bàn, chào viên thư ký, rồi hai người đi thẳng vào trong cùng. Duy để bạn tìm sách, đứng dựa vào tường với một cuốn, giở ra đọc mấy hàng chữ. Duy gập lại nhìn chung quanh. Nhân đã đi khuất chỉ còn lại một mình Duy. Chàng nhìn ánh sáng chiếu qua cửa sổ lấp lánh đọng trên gáy những quyển sách xếp hàng trên tủ và tường chừng như lạc vào một nơi tĩnh mịch, đầy tiếng ca lặng lẽ của muôn nghìn cuốn sách.

Duy quên cả thì giờ và mọi sự chung quanh. Chàng giở hết quyển này đến quyển khác, mỗi quyển chàng thấy có một đời riêng và chàng sức nghĩ đến Nhân đến Kinh, đến những người qua đường, đến dân quê và chàng có cái cảm tưởng rằng mỗi người như một quyển sách, bề ngoài giống nhau nhưng thấy đều có một linh hồn riêng rung động theo một điệu riêng.

Duy nhớ lại đã nhiều lần chàng đến đây xem sách nhưng chưa lần nào chàng thấy cảm động như lần này. Duy âu yếm nhìn từng quyển trong đó đọng lại những tình cảm, những ý tưởng của người sống về đời nào ở những xứ xa lạ.

Chàng cầm một cuốn giở ra đọc, bỗng chàng thấy sự nhẩn nại vô cùng của sách. Sách để đây từ bao giờ, mười năm, hai mươi năm rồi nhưng không khi nào tỏ ý vội vàng, tức bực. Ai muốn biết, muốn hiểu thì đem ra mà đọc, sách sẽ diễn lại, giảng một lần nữa những tư

tưởng của tác giả. Ngày tháng qua, nhưng sách vẫn còn đây, mười năm sau, có người giờ đèn, sẽ lại vang lên giọng thơ của Lý-Bạch (1) hay của Verlaine (2) sống lại những mẫu tư tưởng của Marc Aurèle (3) hay của Mặc-Tử (4). Duy thầy mình yêu sách vì ý nhân nại vô cùng ấy. Những ý tưởng của người xưa bây giờ đọc đến, mà muốn hấp thụ thêm sẽ đọc nữa, nếu không thì bỏ đây, lúc nào muốn sẽ giờ ra, sách luôn luôn nhắc lại không bao giờ nản.

Hoàng-Đạo (Con đường sáng)

CHÚ-THÍCH. — (1) Lý-Bạch : Một nhà thơ Tàu nổi tiếng về đời nhà Đường.

(2) Verlaine : Một nhà thi-sĩ Pháp nổi tiếng về thế kỷ thứ XIX.

(3) Marc Aurèle : Một vị Vua La-Mã kiêm triết-gia.

(4) Mặc-Tử : Một triết-gia Tàu.

BÌNH GIẢNG

I. — Từ ngữ : Thư viện (nghĩa) huyền não để chỗ cho êm tĩnh (tại sao) âu yếm nhìn từng quyển (nghĩa).

II. — Ý tưởng : 1) Những ý nghĩa gợi ra cho Duy trong một phòng thư-viện. Những ý nghĩa gì ?

2. — Lạc vào một nơi tĩnh mịch, đầy tiếng ca lộng lẫy của muôn nghìn cuốn sách : cất nghĩa. Tại sao tĩnh mịch mà lại đầy tiếng ca lộng lẫy ? Những tiếng ca này, Duy có nghe thấy thực không ? Nghe thấy như thế nào ? Anh có tưởng tượng ra được tiếng ca đó là tiếng ca gì không ?

3. — Nghĩ đến Kính, đến Nhân... theo điệu riêng : họ có bề ngoài gì giống nhau, linh hồn họ rung động theo những điệu riêng gì ? Tìm những thí dụ để chứng tỏ rằng anh đã hiểu rõ nghĩa những câu trên đây ? Anh thấy ý nghĩa của Duy thế nào ? Có đúng, có lạ không ?

4. — Mỗi người như một quyển sách... Anh hiểu đoạn này như thế nào ? Tìm thí dụ ở các loại sách mà anh đã đọc để chứng tỏ rằng các quyển sách có khi giống nhau như đúc ở khuôn khổ, ở cách trình bày, ở số trang, nhưng không có quyển nào giống quyển nào về nội dung ? Mỗi quyển đều có một giọng riêng. Kể một vài giọng ở các cuốn sách mà anh đã đọc (ví dụ giọng hùng dũng của thiên anh hùng ca, giọng dài-dài và trường giả của những cuốn sách do các tác-giả trường giả viết, giọng âm thầm đau đớn của những cuốn tả nỗi đau khổ của nhân loại, giọng lãng mạn, êm dịu của những thi sĩ, giọng thâm trầm nghiêm trang của cuốn sách triết học, v.v...)

5. — Động lại những ý tưởng của các người sống về đời nào, ở những xứ lạ, tìm các thí dụ chứng tỏ anh hiểu câu này ra sao ? Đời nào ? Kể một vài cuốn sách ở vài đời khác nhau ? Xứ xa lạ. Kể một vài cuốn sách ở các xứ khác nhau.

6. — Nhân nại vô cùng của sách : anh hiểu câu này ra sao ? Phần dưới có chứng tỏ câu đó không ?

III. — Lời văn : Rõ ràng, mạch lạc, gợi hình chứng tỏ.

IV. — Luận áp dụng : Một hôm chủ nhật, rỗi rãi, anh thu-xếp lại sách vở trong thư viện nhỏ của anh. Anh lại tìm thấy những quyển vở cũ của thời còn học ở Tiểu-học. Những quyển đó gợi trong óc anh những kỷ niệm và ý nghĩ gì ?

► 21. CON ĐƯỜNG SÁNG

Cảnh đời náo nhiệt mấy hôm vừa qua. Duy thầy xa xôi, lùi lại trong ký vãng mật mù lẫn những hình ảnh xưa của cuộc đời trụy lạc từ nay không còn đủ sức cảm dỗ chàng nữa.

Duy nhận thầy mình như người vừa khỏi một bệnh cổ truyền. Chàng đã là một người khác, không còn do dự như trước, có đủ can đảm theo đuổi những công việc định làm cho đến cùng. Duy nghĩ đến dân quê, nhớ lại gian phòng sách và vui mừng đã hiểu nguyên nhân giản dị của sự ngu muội đè lên tâm trí phũng người nghèo khổ, chàng sẽ cũng như họ nếu chàng không được học và không biết suy nghĩ. Chàng đã được học, được hiểu biết, điều cốt yếu là chàng phải tự tu, tự luyện hàng ngày để hiểu thêm và làm cho người khác cũng hiểu như mình. Lúc nào cũng như lúc nào chàng cũng phải vì mình vì người mà gắng sức làm cho mình, cho người hơn lên không bao giờ nản.

Duy nhìn lên. Giàn đậu vắn in lên vòm trời làm nổi bật những chiếc lá xanh lục, những bông hoa màu tím nhạt, và bỗng nhiên cả một thời kỳ thơ ấu hiện ra, đầy ý tưởng trong sạch và ý muốn làm việc thiện.

Một vài con bướm lượn trong ánh nắng, chốc chốc bay sát lại gần giàn đậu. Có con nhè nhẹ đặt mình lên một bông hoa, Duy trông như một bông hoa thứ hai, linh động, sẽ tung cánh rồi rời cành bay lên không. Duy có cái cảm tưởng rằng con bướm đã bay từ hồi chàng còn nhỏ. Cả giàn đậu như cũng sống từ thuở nhỏ ấy. Còn chàng, chàng vẫn là người học trò nhỏ tâm hồn đầy hoa và mộng. Là vì cũng như hồi nhỏ, chàng thầy sống ở đời là vui và

mong mỗi một tương lai hợp với lý tưởng. Duy thấy lòng vui sướng như trong hân lại, bao nhiêu những vấn đề đều gọn sạch, chỉ còn cái bản tính tốt của tuổi xuân. Lòng nhiệt thành vị tha của chàng hồi còn đi học bỗng đứng sừng sững bột trong người và ý muốn thay đổi xã hội của tuổi thơ.

Duy ngắm kỹ giàn đậu. Thân cây mạnh mẽ cứng cáp, cành uốn theo cột vọt lên, chia nhánh đâm chồi, chàng thấy trong đó một sức mạnh vô cùng từ tồn và kiên nhẫn đi đến mục đích : đâm hoa ra quả, sống. Duy vui vẻ nhận bài học của cây, chàng sẽ kiên gan theo đuổi công việc đã định đến lúc thành công. Ở trong vòng tài trí của chàng, chàng thấy cần phải làm hết sức để cải cách cuộc đời bên ngoài. Cùng với giàn đậu kia còn biết bao nhiêu là giàn đậu khác đang mạnh mẽ đâm hoa ra quả, cùng với chàng biết bao nhiêu người đang băn khoăn lo tính để đem đến cho người khác một đời êm đẹp hơn.

Hoàng-Đạo

(Con đường sáng)

BÌNH GIẢNG

I.— Từ ngữ : Cảnh đời náo nhiệt, kỷ vãng (nghĩa), truy lạc, cảm dỗ (nghĩa), một bệnh cở truyền (nghĩa tại sao) ngu muội, tương lai, lý tưởng, (nghĩa) nhiệt thành vị tha (nghĩa), sức mạnh, từ tồn (nghĩa, có gì trái nghĩa nhau không).

II.— Ý tưởng : Một người thanh niên quen sống trong cảnh đời giàu sang trường giả, chơi bời bữa bãi, đột nhiên nhận thấy đời mình vô vị, vô ích cho mình và cho người khác và quyết định sẽ đem cái học và cái biết sẵn có, giúp ích cho đời sống dân quê được sáng sủa hơn. Đó là tâm sự anh Duy trong con đường sáng của Hoàng-Đạo. Ý tưởng tuy bỗng bột nhưng thành thực. Trong đoạn này tác giả tả sự thay đổi đến trong tâm hồn Duy.

1.— Duy có sốt sắng không ? Cái sốt sắng bằng bột đó có giống những cái sốt sắng của người học sinh vừa mới quyết định một sự gì quan trọng mà muốn bắt tay vào công việc ngay lập tức, tưởng chừng như kết quả sẽ đến ngay, vô cùng tốt đẹp không ? Có bao giờ anh thấy sốt sắng thế, trong trường hợp nào ? Cái sốt sắng đó có tự nhiên không ? và chứng tỏ một phương diện gì trong các tính nết của người thanh niên.

2.— Con đường sáng. Anh hiểu nghĩa chữ này ra sao ?

Thử tìm vài con đường sáng mà anh sẽ cố vạch ra cho anh để theo đuổi.

3.— Con đường sáng của Duy là con đường như thế nào ? Trong phần đầu con đường đó được vạch ra có rõ ràng không ? Chứng tỏ rằng ở đây Duy chỉ mới phác qua

điều mình muốn theo chứ chưa cho ta biết chàng sẽ thực hiện bằng những phương pháp nào thiết thực.

4.— Tại sao con bướm đậu trên giàn đậu lại gợi cho Duy cái kỷ niệm của thời thơ ấu ? Tại sao kỷ niệm của thời thơ ấu lại làm cho Duy cảm thấy rõ ràng cái trong sạch của tâm hồn chàng trong lúc này ? Từ cái kỷ niệm của thời thơ ấu Duy đi đến lòng nhiệt thành vị tha, lòng mong mỗi một tương lai tốt đẹp, có tự nhiên không ? Tại sao ?

5.— Tìm cái thi vị trong đoạn này. Thi vị đó ở những yếu tố gì mà ra (con bướm, những ý nghĩ trong sạch, tốt đẹp v.v.)

6.— Chứng tỏ sức mạnh của cây đậu ? Sức mạnh đó như thế nào ? Có phải sức mạnh của kẻ vũ phu không ?

7.— Duy vui vẻ nhận bài học của cây : Bài học đó như thế nào ?

8.— Ý nghĩ cuối cùng của Duy là thế nào ?

9.— Ý nghĩ là một việc thực hành lại là một việc khác. Theo ý anh thì Duy liệu có thể thực hành được ý định không ? Muốn thực hành được phải có những điều kiện gì ?

10.— Sau khi đọc bài này, anh thấy Duy là người thế nào ? Anh có muốn được như Duy không ?

III.— Lời văn : Mạnh mẽ, tự nhiên, nhiều thi vị chứng tỏ.

IV.— Luận áp dụng : Tháng trước, số xếp hạng anh ở trong lớp rất kém. Anh quyết định tháng này sẽ phải hơn lên. Anh quyết định như thế nào và quyết thực hành ý định ra làm sao ?

► 92. MỘT KÉP HÁT

Bác Hai Lẽ năm nay tuổi ngoài sáu mươi, người lấm thắp, lông mày và tóc bạc trắng mẫm mòi vì nghèo nên rụng còi xơ rơ như cỏ cùn mùa nắng gặt. Gia đình nghèo, cha vừa thất lộc, bác cắt chân phiêu bạt. Không phải bác vương tình ca nhi để đeo đuổi làm chi cái nghề hát bộ dạo mà thân nghiêm đã miệt thị là «xướng ca vô loại». Bác nghĩ tây tà cướp nước, đem thâm nhập phong hóa hư hỏng, mình có học võ võ phải biết «giày rách thì giữ lấy lế». Riêng mình làm chuyện ấy không được mà phải cổ vũ cho mọi người cùng làm. Do đó bác mượn sân khấu làm phương tiện để khi thì ngâm nga :

Quốc-gia hưng vong, thất phu hữu trách.

Khi thì than thở :

Tào khang chi thế bắt khả hạ đảng.

Trên sân khấu, bác đóng trò được khá nhiều vai, song hay nhất

là vai thái sư Văn Trọng giảng thập điều. Mang hia, đội mào, tướng bác hùng dũng oai phượng, ra đi thì dẹp giặc muôn phương, về trào thì chỉnh tu triều chánh. Bác có lời rõ tiếng trong, lúc lâm ly ai oán kể sự oằn oại của lê dân, lúc gằn giọng hùng hồn điểm mặt chỉ tên những phường su nịnh, tham quyền cố vị. Trên ngời hồn quân run run sấm hồi, là dưới đài-khán giả rút khăn tay dụi mắt. Sân khấu lặng trang, trong hàng khán giả đó đây nổi lên tiếng nho nhỏ khịt mũi sụt sùi.

Hiều phận công dân thời quốc sĩ, bác lưu diễn khắp nơi để trút tâm tình trên những sân khấu lộ thiên hay trong đình miếu còn lưu dấu tổ tiên dày công khai sơn phá thạch. Gánh hát trôi nổi bênh bóng khắp chỗ, tựa xuống câu lệnh đèn trên mặt biển bao la.

Bác hiểu rằng sở người coi hát khá nhiều nhưng sở người hiểu rõ ngụ ý của tuồng tích chẳng bao nhiêu. Người hiểu thì hầu hết là những vị già nua gần thoát tục mà dụng ý của tuồng tích lại nhằm vào những người đang độ xuân thời. Trớ trêu thay hạng người thứ hai đông đảo này không mấy thích hát bộ. Họ ít khi đi xem hay nếu có, thì chỉ vì ham vui hoặc quá quắc hơn để tìm chê trách sự cẩu thả của y quan điệu bộ, nghĩ gì đâu đến nội dung phong hóa.

Bác đã từng cân đai áo mào của một vị vua, ngân thương giáp bạc của một vị tướng đề khi bước trở vào hậu trường nằm thở vắn than dài.

Theo Lê-Văn

(Nhân loại số 9 ngày 1-1-1959)

BÌNH GIẢNG

I.— **Từ ngữ** : Cắt nghĩa : thân nghiêm (còn gọi là gì nữa) phong hóa cò võ, quốc sĩ.

II.— **Ý tưởng** : 1.— Tóm tắt đại ý của bài này (tả gì, một người kép hát, nhưng có phải như những người kép hát thường không ? khác nhau ở chỗ nào ?)

2.— Tìm dàn bài của bài này (tả nhân vật, mục đích đi làm kép hát của nhân vật, cách thực hiện mục đích ấy, kết quả lượng được).

3.— Tả bác Hai Lẽ : đoạn nào ? tả như thế đã đủ chưa ? Chỉ một câu thôi, có đủ cho ta hình dung được bác không ?

4.— Tả tà cướp nước : câu này có cho ta biết bác Hai Lẽ sống ở thời nào không ?

5.— Thăm nhập phong hóa hư hỏng : Thí dụ ?

6.— Anh thấy mục đích của Bác Hai Lẽ khi đi làm kép hát có hay không ?

7.— Cắt nghĩa hai câu chữ nho : hai câu này có cho ta biết một ý nghĩa luân lý nào không ?

8.— Anh biết gì về sự tích Thái-sư Văn-Trọng giảng thập điều ? Anh có hiểu tại sao bác Hai Lẽ đóng vai ấy lại hay hơn các vai khác không ?

9.— Tài diễn xuất của bác Hai có ảnh hưởng tốt đến khán giả : tìm câu nào trong bài chứng tỏ điều đó ?

10.— Tại sao các đình-miếu lại lưu dấu tổ tiên dày công khai sơn phá thạch. Có phải đình-miếu nào cũng như thế không ?

11.— Tại sao dụng ý của tuồng tích lại nhằm vào những kẻ đương độ xuân thời, mà không nhằm vào những người có tuổi

12.— Những nhận xét của bác Hai về lối đi xem hát của những người tuổi trẻ có đúng không ?

13.— Tại sao lúc rút lui vào hậu trường, bác Hai lại thở vắn than dài, có phải vì thấy mục đích của mình không đạt được không ?

III.— **Luận áp dụng** : Tại sao các người trẻ tuổi lại thích đi xem chiếu bóng hơn xem hát. Anh có như vậy không ? Nói rõ lý do.

► 23. GIỮ THANH DANH

Gia tài khánh kiệt, nhưng Hải vẫn sống theo cảnh cũ. Tuy chẳng còn tiền của mà ăn tiêu rộng rãi, song cái tính đài các chừng chặc, Hải vẫn giữ được. Đèn nổi trong làng chẳng một ai dám tưởng rằng, chàng xơ xác. Nào ai biết đâu rằng nhiều bữa vợ chồng con cái xúm nhau vào nấu cơm ngô khoai và đĩa muối. Nào ai biết đâu rằng mấy đứa con đi nhặt rau xam, rau dền về luộc cho cả nhà ăn. Người ta chỉ trông thấy ông ầm vận quần áo lành sạch mỗi khi ông ra đình hay đến chơi nhà ai. Người ta chỉ trông thấy ông ầm ngồi chễm chệ trên sập ung dung xoay ván bài tổ tôm hay gật gù nhấp động chén chè Tấu Liên Tâm. Người ta trông thấy bà ầm đem bát đĩa con phượng và cái mâm đồng ra rửa ở cầu ao mỗi khi có khách quí đến chơi nhà và những người láng giềng vẫn tỏ ý thèm muồn, khi đứng ngắm nghía con chim họa-my của ông ầm nhẩy nhót trong cái lồng cao quang dầu treo bên bụi hồng đầy hoa.

Giàu diêm, che đậy, nhẫn nại chịu khổ, chịu đói để giữ thanh-danh, lúc nào Hải cũng không nghĩ đến những điều đó. Và năm trước, chẳng được chàng đã phải nhận chức đại-bái (1) và tiêu vào việc ấy hết nửa bát đồng (2) của vợ.

Khái-Hưng (Giặc đường gió bụi)

CHÚ THÍCH : (1) Chức đại-bái : Địa vị quan trọng làng giao cho trong việc tế thần. (2) Bát đồng : Lối chơi góp tiền ở nhà quê để cho vay lấy lãi và để được vay khi mình cần tiền. Chơi đồng cũng như chơi họ (hụi) ở tỉnh.

BÌNH GIẢNG

I. — **Từ ngữ :** Giữ thanh danh (nghĩa), khánh kiệt (nghĩa) dài các, chững chạc (nghĩa).

II. — **Ý tưởng.** — (1) Một người tuy đã sa-sút hết sức, mà vẫn cố giấu diêm che đậy để cho mọi người tưởng mình vẫn còn sung túc và dài các như xưa ; Hải đã dùng những cách gì để giấu diêm che đậy ?

2. — Có những chi tiết gì chứng tỏ rằng nhà Hải đã sa sút đến cùng cực ?

3. — Khảo sát phần tả các cách giấu diêm của Hải : giấu diêm bằng quần áo, giấu diêm bằng cách khoe khoang một cách kín đáo : giấu diêm bằng củ chi, bằng cách tỏ chức trong nhà, bằng cách sinh sống.

4. — Sự giấu diêm này có thường thấy, có tự nhiên không ? kể một vài thí dụ khác mà anh đã thấy. Anh có thấy những người thanh niên đòi quần áo cho nhau để tỏ ra mình có nhiều quần áo không ? hoặc diện hết sức, nhưng trong túi không có nổi một đồng bạc không ?

Anh nghĩ gì về sự giấu diêm này ? Anh có cắt nghĩa được tại sao không ? Tại sao người ta lại cứ phải giấu diêm ? Tại sao người ta không thành thực với mình và với người khác ?

6. — Anh có thấy những hạng người nói trên luôn luôn tự dối mình (ở chỗ nào) và dối người khác không ? (ở chỗ nào). Đó có phải là một thái độ nên theo không ?

III. **Lời văn.** — Giản dị, gợi hình : chứng tỏ.

VI. **Luận áp dụng.** — Anh học trò nghèo. Anh có một anh bạn nghèo. Anh hãy tả những cố gắng của anh để giấu diêm sự nghèo khổ của mình để tránh những sự khinh bỉ của các bạn. Tả những sự cố gắng của anh để học cho đến nơi đến chốn.

► 24. NGHỀ THẦY THUỐC

Cái Su là tên một con rạch thiên nhiên, nó quanh qua lộn lại, ngoằn ngoèo như khúc ruột. Ấy thế mà xuống ghe vẫn tới lui khá nhiều. Đó là bến nước của một ông thầy thuốc : bác Hai Lễ.

Năm nay tuổi bác ngoài sáu mươi, người lấm thắp, lông mày và tóc bạc mẩn mờ mãi vì nghèo nên rụng còi xơ rơ như cỏ cùn mùa nắng gát. Râu mép ít, râu cằm nhiều, mỗi khi bác trầm tư chần mịch, bình nhân thầy như đóng trên ấy sự cân trọng và kinh nghiệm già dặn : Bác ở đây trên hai mươi năm, chuyên một nghề, mặc cuộc thế lắm hồi điên đảo. Nhà dột cột xiêu, Tây bỏ, Tây ruộng, bôm rơi đạn lạc, bác phải dời dật nhà cửa tới lui, khi kín trong vườn, khi bày sát lộ, rồi thì cũng lần quần ở xóm vườn Cò này.

Bác hai xuất thân là người nghèo lúc nhỏ, anh kếp hát lúc lớn và trở thành ông thầy thuốc đường hoàng khi tuổi ngoài tứ tuần. Thật ra bác đã làm thầy vô danh ngay hồi còn nhỏ, mỗi khi chơi dao bị đứt tay biết đắp bằng lá ổi, lá cứt heo, biết uống nước lạnh sáng để tránh bón, uống nước dừa xiêm khuya đã khát mà ngủ ngon, ăn măng cầu phối sương trị kiệt lý tài tình.

Cảnh đau đớn bệnh hoạn của người dân thiếu cơm áo mặc, thiếu tiền, thiếu thuốc gây ở bác nhiều xôn xang. Thuốc Nam nhiều lắm nhưng bài gia truyền bị sự ích kỷ, giàu nghề lưu lại chẳng bao nhiêu. Còn lúng túng trước nhiều bệnh trạng, bác mới tính đeo đòi học thêm thuốc Bắc để lần lần kết hợp với thuốc Nam gia vị, biên chế. Nghề bác càng tinh vi, xuống ghe cập bến càng nhiều. Người ta tới bác vì tài nghệ, vì nhân tình mà nhất là vì toa thuốc của bác vừa với túi tiền của hàng xóm. Bác cố học thêm trong sách, lượm lật kinh nghiệm rải rác khắp hương thôn. Bác học nhiều để biết để luyện mình chớ không phải nhai như kết, áp dụng rập khuôn và lợi dụng cơn nguy của bệnh mà eo xách hốt bạc.

Tình đời khúc khuỷu như rạch Cái Su. Đồng nghiệp bị cạnh tranh mất nhiều quyền lợi mới moi móc đời tư của bác «Thằng hát bộ làm thầy...» Lòng bác sôi lên một đạo rồi dịu lại. Bác nghĩ Hàn Tín là một đại anh hùng lúc thất thời còn đứng cầm lòn tròn tên còn

đổ giữa chợ huồng hồ gì bác. Với lại mục đích làm thuốc trị bệnh cho đồng bào cao cả quá không đủ an ủi mình hay sao mà tự ái cho cam !

Đời bác cứ thế trôi đi, được đáp trả bằng tình thân ngày càng nhiều và keo lại. Bụi thời gian đã đóng trắng xóa trên đầu mà sự nghiệp là một căn nhà lá, mây chống kính sách.

Theo Lê Văn

(Nhân loại số 9 ngày 1-1-1959)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ : *Cắt nghĩa* : rạch, chần mạch, kinh nghiệm, tinh vi.

II Ý tưởng. — 1. — Bài này tả một ông thầy thuốc ta ? Có gì khác với các ông thầy thuốc thường thấy không ? Tìm chi tiết chứng tỏ những sự khác đó : mục đích làm thuốc (có phải để kiếm tiền không ?) sự học hỏi v.v.

2. — Tìm những chi tiết chứng tỏ đây là một ông thầy thuốc cần thận, có nhiều kinh nghiệm.

3. — Bài này chia làm mấy phần ?

4. — Phần đầu. — Tả nơi thầy thuốc ở. Rạch ngoằn ngoèo như khúc ruột thuyền ghe đi vào có dễ không ? Vậy mà xuống ghe lui tới khá đông : có tả được sự đông khách của ông thầy thuốc không ? Có chi tiết nào chứng tỏ điều đó.

5. — Tìm chi tiết chứng tỏ ông thầy thuốc này ở nơi đây đã lâu lắm và nhất định không rời đi nơi khác : Những chi tiết này có đủ để tả điều đó không ?

6. — Những kinh nghiệm thường ngày của người dân miền Nam về thuốc ta : những kinh nghiệm nào, anh có thấy là đúng không ?

7. — Tại sao cảnh đau khổ của người dân lại gây trong lòng bác bao nhiêu cảnh xốn xang ?

8. — Tìm chi tiết chứng tỏ sự học hỏi của ông thầy. Những sự học hỏi này có mục đích gì ? Có phải để kiếm tiền cho nhiều không ?

9. — Tại sao đồng nghiệp lại ghen ghét ông thầy thuốc.

10. — Ông thầy thuốc có nao núng về sự cạnh tranh ghen ghét đó không ? Ông đã đưa những lý lẽ gì để tự an ủi. Anh biết gì về chuyện Hàn-Tín lòn trôn ?

11. — Kết quả của một đời làm thuốc như thế nào ? Có chi tiết nào chứng tỏ điều đó.

12. — Bụi thời gian đã trắng xóa trên đầu : *Cắt nghĩa*. Ngụ ý gì ?

III. Lời văn. — Gợi hình, giản dị, linh động, chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng. — Tả một ông Bác sĩ mà anh biết.

► 25. PHÁT GIẢI CHIM THI

... Một lúc sau mọi người kéo nhau lên đình xem phát giải. Năm chiếc chiều cạp điều chạy dài bên trong đình. Trên mỗi chiều có đặt sẵn một đĩa trầu, một chiếc điều, một đĩa chén và một ấm chè mạn sen nóng. Chiều trên cùng là chiều các cụ có chân khoa cử và kỳ cựu vai vế ngồi... Chiều ấy có đặt ba chiếc giải vào giữa.

Sau một tuần trầu nước vui vẻ và thân mật, cụ Tú Bầy đứng lên tươi cười nói với mọi người tỏ ý sung sướng được hàng phủ đem chim đèn đồng đảo và mong rằng vụ hội sang năm và mãi sau này mỗi ngày một vui vẻ đông đảo hơn lên cho cái tình giao hảo với nhau thêm phần mật thiết. Dứt nhời cụ ngồi xuống. Tiếng bàn tán xì xào lại nổi lên ở bốn góc đình. Người ta khen cụ Tú ăn nói nhã nhặn và hoạt bát. Nhấp xong chén chè cụ Tú khẽ hắt hàm bảo nhỏ ông khóa Dự xướng danh những đàn ăn giải, Ông khóa lom khom đứng dậy. Bốn góc đình lại im tiếng, họ lắng nghe. Ông khóa đứng hắng rồi đọc :

— Đàn thứ 104 : trung chính (1) thượng chính (2) ăn giải nhất. Cụ Tú ngắt lời : Vậy chứ đàn số 104 về đâu đây ?

Cụ Trùm Mạn vuốt râu tùm tùm cười, về mặt đầy hân hoan :

— Thưa về chúng tôi đây ạ.

— A về cánh nhà đây ! Hay ! Coi đàn chim bay sướng cả mắt. Nay cụ Trùm này, cái bay của nó giống hệt như tông của cả Chuồng — Nhìa !

Ông Khóa lại đọc tiếp : đàn 72, trung tiêu sơ, tiểu tràng, thượng tiêu tùy chính (3) đàn này ăn giải nhì.

— Đàn 72 về đâu thế ? — Bẩm cụ về chúng tôi.

— A về đình Sầm. Đàn của nhà ta bay cũng khá, nhưng còn kém đàn 86. Đàn ấy mà không nhập thì đàn ta phải ăn xuống giải ba. Đàn giải ba, ông Khóa gọi hai đàn. Một 96 và một đàn 62. Cụ Tú lại đứng lên lẩn nửu khu xử. Cụ cắt tiếng sang sang che át những tiếng xì xào, bàn tán có vẻ phẫn uất ở chiều dưới.

— Đàn 96 của ai ? Của tôi — Còn đàn 62 ? Bẩm của chúng tôi ạ.

Thưa trình các cụ, quan viên quý huynh hàng Phủ. Đây có hai đàn xuýt xoát nhau. Đàn 96 thời trung : tiểu, tiểu tràng ; thượng : tiểu sơ, tiểu tràng hình. Đàn 62 thời trung : tiểu biên, tiểu sơ, thượng : tràng hồi chính. Thẻ nghĩa là đàn 96 phải 4 cái tiểu, nhưng lại được cái chính. Đàn 62 thời 2 tiểu nhưng lại phải một cái tràng và một hồi chính, vậy các cụ, các ông quan viên quý huynh hàng Phủ xử nên lấy đàn nào ?

Tiếng bàn tán xôn xao bốn phía. Người bảo nên lấy đàn này, người bảo nên lấy đàn nọ.Ồ ào lên, có xen cả những tiếng găt gỏng và cả vắng tặc nữa.

Cụ trùm Mạn ghé vào tai cụ Tú nói mấy câu và thấy cụ Tú gật gật.

— Ấy tôi cũng nghĩ như thế đây.

Rồi cụ Tú đứng lên. Mấy người đàn em quát :

— Các ông im lặng nghe cụ Tú phân giải. Và cụ Tú nói :

— Thưa các cụ, các ông quan viên quý huynh hàng Phủ: Theo như ý bản hội thời lấy đàn 96 ăn giải.

Những tiếng lao xao cũng phần nổi lên.

— Các ông để yên tôi nói đã. Đàn 96 tuy phải 4 cái tiểu nhưng toàn tội nhẹ. Lại được cái chính, nó kéo lại bao nhiêu. Còn đàn 62 tuy hơn đàn 96 hai tiểu thực, nhưng phải một cái tràng. Một cái tràng bằng hai cái tiểu tràng. Nếu đàn 96 là tiểu tràng thời ăn đứt đi rồi. Lại thêm cái hồi chính mà hồi chính có đâu được bằng chính. Cho nên bản hội nghĩ đã chín và lấy đàn 96 ăn giải ba.

Mọi người tâm tắc khen cụ Tú nói chí lý. Duy có cánh đàn chim 62 là im thin thít.

Phát xong giải, mọi người đều vui vẻ ra về. Những chiếc giải được mắc vào lồng. Mấy vuông nhiều điều đỏ chói phất phơ bay trong gió.

Câu chuyện của người thắng thề nở như gạo rang. Nỗi vui mừng khắp khởi trong lòng, khiến bước chân họ nhẹ lâng và con đường về cũng không thấy xa nữa.

Kim-Lân

(Tông chim cả Chuông TTTB th. 2th. 3-1945)

CHÚ THÍCH.— (1) Ở dưới bay thẳng giữa sóng. (2) Lên cao vẫn bay thẳng. (3) Ở dưới thấp hơi dài lên cao, có một con bay hơi dưới.

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ.— Cát nghĩa ; Chân khoa cử, kỳ cựu, vai vế, hoạt bát, nhia, bản hội, khắp khởi, lâng lâng.

II. Ý tưởng.— 1.— Một cảnh tượng quen thuộc thời xưa, nhưng bây giờ không còn nữa, tác giả có làm sống lại cảnh đó trước mắt ta không ? Bằng cách nào ?

2.— Có gì chứng tỏ tính tình thanh nhã, phong lưu tài tử của bọn người dự hội ở đây ? Có sự ganh đua không ?

3.— Tìm chi tiết chứng tỏ vẻ khoan thai nhã nhặn của cụ Tú.

4.— Khảo sát cuộc đàm thoại của người dự hội. Chứng tỏ tính cách địa-phương và cử kính của họ. Cuộc đàm thoại này cho ta biết gì về tính nết của họ không ? Tính cách địa-phương và cử-kính của câu chuyện trao đổi có làm sống lại trước mắt chúng ta cả một thời dĩ-vãng đã qua đi không ?

5.— Khảo sát lời phân giải của cụ Tú ; có hợp lý không ?

6.— Sự phản ứng hầu như không có của bên thua, chứng tỏ gì ?

7.— Chứng tỏ tính cách giản-dị và hồn nhiên của những người được giải lúc ra về ?

III. Lời văn.— Chính xác, gợi hình : chứng tỏ.

IV. Luận áp dụng.— Tả buổi lễ phát phần thưởng tại nhà hát thành phố, hay tại trường anh vào dịp cuối năm học.

► 26. HÀ TIÊN

Hà Tiên ngày nay là nơi gặp gỡ của khách du lịch, của kẻ hành hương.

Dường như tạo hóa đã áp dụng luật thừa trừ cho đất Hậu giang xa xôi : phải có những đồi cao gió dịu dịu, bãi cát sạch sẽ, hồ rộng bao la, hang đá huyền bí để đối chiều với những cánh đồng nề địa, những khu rừng trăm thùy, những lung, bào, róc rạch mà muối kêu như sáo thổi, đĩa lợi lều bếu như bánh canh. Nói đến Hà Tiên là nói đến động. Không có gì hợp cảnh cho bằng xây dựng sơ sài một kiềng chùa trong động. Tâm hồn con người được gần thiên nhiên và thạch nhũ vẫn quý báu, hiếm có hơn những tầm biền, bức tranh màu mè sơn son thiếp vàng.

Chùa hang ở hòn Chuông nằm sát mé biển. Khi hải triều dâng cao, nền chùa thấm ướt rồi hóa ra một con rạch nhỏ. Tượng Phật ở trong tuy gồ ghề không đồng thân, đồng thủ nhưng đẹp ở nụ cười trên môi : nụ cười bền như đá và sáng lạn trong hang tối lờ mờ...

Từ trong chùa Hang nhìn ra biển chúng ta ngỡ rằng một phần của vịnh Hạ long đã trôi về đây. Hòn Phụ tử đứng sừng sững rất gần bờ. Người Việt Nam ở địa phương đã bày ra sự tích của hòn Phụ tử. Người Cam bát gọi nó rất đơn giản Dom Tong tức là cây cột phước. Thiết tưởng gọi như vậy thơ mộng và hùng vĩ hơn. Sân cửa chùa Hang là vịnh Xiêm la.

Thạch động nằm ở trên cao. Muốn vào động du khách phải trèo lên lưng chừng sườn đồi; ở đây ta có một bài học rất sống về địa lý đại cương : tác dụng của nước đối với loại đá vôi. Chùa dựng trong động, nhưng có nóc ngói. Bên ngoài trời bắt đầu mưa, trong động chúng ta không hay biết gì cả. Ta nghe mưa bắt đầu lộp độp rơi trên mái ngói nhưng bên ngoài mưa đã ráo rạt từ bao lâu rồi.

Sơn Nam

(Nhân loại bộ mới số 7 — 1-12-58)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ — Cát nghĩa : du lịch, hành hương, lượt thừa trừ, nề địa trâm thủy, thạch nhũ, đồng thân, đồng thủ.

II. Ý tưởng — 1. Một bài tả cảnh đại cương : Anh biết gì về tỉnh Hà-Tiên : vị trí, địa thế, dân v.v. Anh có nghe nói gì về Hà-Tiên không ?

2. — Câu đầu ; có cho ta biết một tính cách đặc biệt của Hà-Tiên không ? (khách du lịch : tất phải là nơi có nhiều cảnh đẹp. Kê hành hương : nhiều chùa chiền).

3. — Hai tính cách phản trái nhau của Hà-Tiên ; tìm chi tiết chứng tỏ điều đó. Những chữ : đồi cao gió dữ, bãi cát sạch sẽ v.v. có gợi cho anh những hình ảnh nào đẹp đẽ không ? Những cảnh này có hùng vĩ không ?

4. — Muối vo ve như sáo thổi, đĩa lồi lều bều như bánh canh : khảo sát các hình ảnh này, có tác dụng gì ?

5. — Tại sao vào trong động, tâm hồn con người lại càng thiên nhiên hơn.

6. — Vịnh Hạ Long : anh biết gì về vịnh này. Từ trong chùa Hang... trôi về đây : muốn hiểu cảnh đẹp ở đây, chúng ta cần biết đến vịnh Hạ Long không ? (Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh nổi tiếng là đẹp ở Bắc Việt. Trên mặt biển trong vịnh, nổi lên những ngọn núi đá rải rác khắp mặt biển, trông rất đẹp, mỗi quả núi đều có tên, trong núi có nhiều hang thường làm nơi lui tới của khách du lịch).

7. — Có chi tiết nào chứng tỏ có di tích của người Chăm ở Hà-Tiên.

8. — Cảm giác chung của anh khi đọc bài này : một cảnh thiên nhiên hùng-vĩ và đẹp : chứng tỏ.

III. Lời văn. — Du dương, nhẹ nhàng : gợi hình ; chứng tỏ.

III. Luận áp dụng. — Tả một thắng cảnh anh biết.

► 27. ĐÒ SANG NGANG

Một hôm, Nam có việc lên tỉnh, Nam không đi xe tay, một mình cuốc bộ ra bến đò. Bến ô-tô ở bên kia sông, nên chèo đò sang bao giờ cũng đông hơn chèo đò về. Lại thêm nhằm ngày phiên chợ nên sò gồng gánh và sò người đông gấp bội.

Con thuyền trông tránh muốn hất gánh nặng xuống sông. Hành khách còn lữ lượt nôi đuôi nhau từ quán nước đến bến, nhưng bác lái làm như không còn ai nữa, lẳng lặng sào hết sức đẩy ra xa bờ. Người trên thuyền tỏ vẻ bằng lòng hoan hô bác lái. Đám khách nhõm kêu gọi ầm ỹ, thầy không công hiệu liền đò mặt văng ra những câu thô bỉ tưởng bác lái đến phải chèo thuyền vào đánh nhau với họ.

Những người đàn ông đặt phịch gánh hàng xuống, lội nước, cời khăn quàng đầu, lau mồ hôi trán, hỉ mũi và xấp nước rửa mặt. Chỉ một chốc họ quên nỗi bức mình để vào hàng kéo vài mồi thuốc, uống cạn mấy bát nước chè tươi đặc rồi bắt chuyện với cô chủ quán xinh xinh.

Những người đàn bà giận dỗi vật thúng mẹt xuống đất, gỡ nón quạt phành phạch, mỗi cán chỉ giấu loe đèn tạt mang tai nguyên rửa bác lái không ngớt lời. Họ chẳng nề hà gì kéo xỏ độn tóc xuống gãi lầy gãi để cho đầu bóng như đám rơm phơi được nắng. Trong cái dáng điệu dữ tợn ấy, họ sớt ruột ngồi đợi chèo đò về, mắt chăm chấp dán vào chiếc thuyền càng ngày càng nhỏ và lòng hoang mang nghĩ tới buổi chợ đã hợp đông.

Nhưng kia thuyền đã quay về. Nam cùng mọi người bước xuống. Bác lái thuyền lẩy chân đạp mạnh vào bờ và dùng sào đẩy tiếp mấy sải. Con thuyền nan cũ kỹ được sào văng ra xa rồi trở mũi phăng phăng trôi theo làn nước đỏ lôm. Ra khỏi bờ được vài tấc thuyền, bác lái gác sào không chớ nữa và ngồi xuống mạn thuyền tán chuyện với các cô hàng xáo. Con thuyền đã trôi cách bến chừng non trăm thước. Giòng nước đỏ cuốn cuộn xối vào mạn thuyền như muốn phá tan sức cản trở mãnh mẽ ấy. Mặt sông Diêm-hộ rộng thênh thang, khúc trên loang loáng ánh mặt trời, khúc dưới mờ mờ biển vào

ngách sông Trà-lý. Giáp bên Hồ, hàng trăm chiếc thuyền buồm nổi đuôi nhau kéo một dãy dài bó lấy mép bờ sông, cánh buồm nâu vươn mình chầm tới ngọn những cây phi lao nhấp nhô trên đồi cát.

Nguyễn-văn-Nhàn

(Ông giáo mới TTTB số 6 th. 11-44)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — *Cắt nghĩa*: Thô bỉ, vắng, lội nước, xấp nước, bắt chuyện, nguyên rũa, môi cần chỉ, nề hà, sải, hàng xáo, xói, phi lao.

II. Ý tưởng. — Một cảnh quen thuộc, linh động, xác thực. Một cảnh đồ sộ sang ngang ở miền quê Việt Nam.

1. — Bài này chia làm mấy phần? là những phần nào?

2. — Lúc xuống đồ: a) Có gì chứng tỏ đây là một chuyến đồ đông?

b) Tại sao những người trên đồ hoan hô bác lái, trong khi những người trên bờ lại kêu gọi ầm ỹ? Hai thái độ đó, có cắt nghĩa được không? Có tự nhiên không?

d) Chứng tỏ rằng cảnh tượng rất linh động, rất đúng, rất tự nhiên.

3. — Trên bờ lúc đợi đồ: a) Tìm những chi tiết tả cái giận dữ của những người ở lại trên bờ. b) Khảo sát bọn đàn ông: có triệu chứng gì họ giận dữ? c) dáng điệu của họ có hợp với sự thực không? d) Đọc xong đoạn này ta có biết thêm gì về tính nết của những người đàn ông không? c) Tại sao họ lại chóng quên như thế?

4. — Khảo sát bọn đàn bà: a) Có những chứng cứ gì tỏ về giận dữ của bọn đàn bà. b) Sự giận dữ này có dai dẳng lâu hơn sự giận của đàn ông không: chứng tỏ. c) Tại sao bọn đàn bà lại giận dữ lâu như thế. d) Tìm chi tiết chứng tỏ tác giả đã tạo họ đúng như sự thực.

5. — Lúc đó lênh đênh giữa sông: Khảo sát về tả cảnh trong đoạn này; khảo sát về cảnh tượng đẹp đẽ và hùng tráng của cánh buồm nâu trên mặt sông của mặt nước dưới nắng.

III. Cách hành văn. — Chứng tỏ rằng cách hành văn trong bài này:

1. — Linh động: có nhiều dáng điệu hoạt động: kể ra.

2. — Tả xác thực.

3. — Tự nhiên, đúng sự thực, gợi hình.

IV. Luận áp dụng — Tả một chuyến đồ sang sông.

► 28. ÂM NHẠC THẦN TIÊN

(Tô là một cậu bé con có khiếu về âm nhạc. Lần này là lần đầu tiên đánh một vài nốt dương cầm, cậu thấy cái thú vị của âm nhạc).

Ngày nay, sự vui sướng nhất của anh chàng là những hôm bà mẹ phải ra phố suốt buổi hay phải đi suốt ngày. Anh nghe theo tiếng chân mẹ bước xuống gác dần dần; tiếng chân bước ra đền ngoài phố rồi: chân đi xa rồi. Chỉ còn có một mình ở nhà. Anh mở dương cầm, kéo một cái ghế lại gần và trèo lên: vai anh vừa đúng tằm các nốt đàn, thề là đủ rồi.

Tại sao anh phải chờ mọi người đi hết và chỉ có một mình ở nhà thôi? Có ai cấm anh đánh đàn đâu, quý hồ là đừng làm ồn quá. Nhưng mà có người ở nhà, anh xấu hổ lắm không dám đánh. Và lại họ còn truyện trò, đi lại; đánh đàn lúc đó mất thú đi. Chỉ có một mình thôi thì đàn hay hơn biết bao.

Tô nín hơi để cho yên lặng hơn, và cũng tại anh chàng hơi cảm động hình như anh sắp bắn một phát súng đại bác vậy. Trông ngược đánh nhẹ nhẹ khi anh ấn ngón tay trên nốt đàn; có nhiều lúc vừa mới ấn xuống một nửa anh đã nhấc tay để lên nốt khác? Nào ai biết đánh nốt này sẽ ra những gì? Đánh nốt kia sẽ thấy những gì? Bỗng chốc âm thanh vang lên: có tiếng trầm, có tiếng cao, có tiếng như chuông, có tiếng như gấm thét. Chú bé nghe mãi mãi, hết nốt nọ đến nốt kia nổi lên, mắt dần đi và im hẳn; tiếng đàn đang đưa như tiếng chuông khi ta dạo chơi ngoài đồng ruộng, lúc gió vừa đem đến lại vừa đưa đi, rồi nếu lắng tai ta sẽ thấy từ đằng xa những tiếng khác nhau hòa vào với nhau, quần lầy nhau như tiếng côn trùng đập cánh bay: các tiếng như gọi, như dừ ta đi xa hơn... xa hơn nữa... càng ngày càng xa hơn, đến một nơi xa nào bí ẩn, rồi biến dần vào đó... Biến mất rồi ư? Không? Hãy còn xi-xào... như một tiếng đập cánh hết sức nhỏ, sao mà lạ lùng làm vậy! Hình như ma thề nào thì thề! Sao mà các tiếng đó lại dễ bảo thề, lại chịu giam giữ trong cái hòm này như thề, thực là khó hiểu.

Nhưng mà đẹp hơn hết là khi đánh hai nốt đàn cùng một lúc.

Chẳng bao giờ ai có thể biết chắc là sẽ có cái gì sắp xảy ra. Nhiều lúc hai nốt ma này là hai người thù; chúng cà nhau, đánh nhau, ghét nhau, vò vò một cách bất bình: tiếng vang lên, kêu lên lúc như giận giữ, lúc như đau đớn... Tồ thích như thế lắm; hình như các tiếng này là những con quỷ bị trói đang cò cằn đứt giây, và đập tường nhà tù ầm ầm; hình như họ sắp thành công và ào ào ra ngoài.

Có lúc, có những nốt đàn thương yêu nhau; ôm lấy nhau như hôn nhau vậy, sao mà yêu điệu, dịu dàng thế. Bọn này là những vị thần, vẻ mặt tươi cười không có một vết nhăn; họ yêu Tồ và Tồ cũng yêu họ lắm; chỉ nghe thôi mà chú bé cũng cảm động rơi nước mắt và gọi họ lên mãi cũng không chán. Họ là bạn, bạn quý của Tồ...

Cứ như thế, Tồ lạc vào trong rừng âm thanh.

Một hôm đang đánh thì bị cha bắt gặp, tiếng cha to làm chú bé giật nảy mình lên vì sợ hãi. Tồ biết mình có lỗi, giờ hai tay ôm lấy đầu sợ bị tát. Nhưng cha không mắng, trái lại, lại cười đùa vui vẻ và lấy tay sờ sờ vỗ đầu con...

— Thế nào con thích à! Con có muốn ta dạy con đánh không. Trời còn phải hỏi nữa ư! Anh chàng sung sướng ngập ngừng: « Có ạ ». Hai cha con ngồi xuống bên cạnh đàn, lần này nó trèo lên một đồng sách tướng và chú ý học bài đàn đầu tiên. Nó thấy bọn ma quái này có những tên rất lạ, tên theo kiểu Tàu, có mỗi một vần, có khi có mỗi một chữ. Anh chàng ngạc nhiên lắm và tưởng tượng ra nhiều thứ khác nữa: Những tên đẹp đẽ và êm dịu như các tên nàng công chúa trong các chuyện thần tiên.

Tồ làm việc, lòng rộn ràng vì nhớ ơn.

Romain Rolland
(Jean Christophe)

BÌNH GIẢNG

I. Từ ngữ. — *Cắt nghĩa*: đàn dương cầm, âm thanh trầm, cao, cà nhau, rừng âm thanh, rộn ràng.

II. Ý tưởng. — Đây là những cảm giác dịu dàng lạ lùng đầu tiên đã gây ra trong lòng một đứa bé, có khiếu về âm nhạc. Đang sống trong cuộc đời khổ sở, vì cha thì say sưa bê bết suốt ngày, còn mẹ thì bỏ lửng. Tồ từ nay trở đi sẽ tìm thấy thú vui ở những nốt đàn thần diệu này.

1. — Bài này chia làm mấy phần, những phần này liên lạc với nhau như thế nào?
2. — Tại sao Tồ phải chờ lúc vắng người?
3. — Khảo sát sự cảm động của Tồ trước khi đánh nốt đàn đầu tiên; như sắp bắn một phát súng đại bác: so sánh có đúng không? Tại sao? có phải vì không biết sẽ có sự xảy ra không?
4. — Tồ so sánh tiếng đàn với những cái gì? Phân tách cảm giác của Tồ-Anh chàng cảm động như thế nào?
5. — Khảo sát phần tả hai tiếng đàn đánh cùng một lúc: so sánh sự khác nhau giữa các thứ âm thanh trái nhau và hợp nhau?
 - a) Có gì chứng tỏ sự không phù hợp của hai nốt đàn trái nhau?
 - b) Có gì chứng tỏ sự phù hợp thần diệu của hai nốt hợp điệu? Tả như thế có gì thú vị không?
6. — Những tiếng đàn thần diệu. Khảo sát cảm giác lạ lùng ngỡ ngàng, sung sướng của Tồ trong toàn bài: Có gì chứng tỏ rằng đây là những tiếng đàn thần diệu ngay cả khi đánh hai nốt trái nhau.
7. — Tồ học bài đàn đầu tiên. Cử chỉ của người cha có gì khác thường: chứng tỏ. Có gì chứng tỏ sự kiên nhẫn của người cha. Anh có hiểu tại sao người cha lại dịu dàng và kiên nhẫn khác ngày thường thế không? Cảm giác của Tồ là thế nào?

III. Lời văn. — Làm nổi bật hẳn lên cái thi vị của bài này tính cách tự nhiên và êm dịu của cách hành văn.

IV. Luận áp dụng. — 1) — Anh có thích âm nhạc không? Nếu có, tả cái thú vị của anh khi chơi âm nhạc. Nếu không, anh thích giải trí bằng gì? Kể ra và nói các thú vui của anh.

2. — Ba người bạn ngồi nói chuyện: người thích âm nhạc người thích thể thao, người thích đọc sách. Thuật lại câu chuyện đó.

► 29. TRONG PHÒNG KHÁCH ĐỢI

Sáng hôm ấy, một ngày hè mây trời quang đãng, trong sân Tiểu-vạn-trường-thành có tám chiếc xe hơi... Mỗi năm hai kỳ, ấp phải đón tiếp sự tập nập, là vì mỗi năm hai kỳ việc doanh thương của ông chủ ấp được đem ra tính sổ.

Trong phòng khách đợi lúc ấy có ngót hai chục người ngồi chờ được tiếp, bọn người mà bề ngoài đủ tỏ ra về doanh nghiệp, về sắc sảo, về gian hùng, ở những cái mũ cát kệt, ở những đôi giày ông, ở những cái kính cặp, ở những cái răng vàng ở cái máy đánh chữ

xách được, ở cái cặp da to kèch sù, ở những cái ống đựng nước giữ được nóng lạnh trong 24 giờ.

Bọn này thuộc vào một lớp người trông vào đâu cũng thấy danh lợi, sống lên trên những tai họa hoặc những sự may mắn của người đời. Trước mắt bậc triết nhân hiền giả, họ là bọn sai lang, mà đối với gia đình thì họ là những bậc can trường lỗi lạc.

Trong bọn ấy, có anh coi đời như canh bạc lớn, làm việc thiện là để quảng cáo cho mình, làm điều ác mà bắt mọi người phải nhớ ơn, đọc đủ cả báo chí mà không biết gì về văn chương, mỹ thuật, từ sách đầy những tập kỷ yếu các hội ái hữu, nhưng kỳ chung thật không có ai là bạn trên đời. Cầm đèn tờ nhật trình chỉ xem tin thương trường, tin gọi thầu, các đạo nghị định, tin xuất cảng, nhập cảng, đã từng chủ tọa những cuộc ban giải văn chương mà chưa đọc hết một cuốn tiểu thuyết. Lại có anh thấy tin ở đâu bị lụt là lập tức hô hào mở cuộc lạc quyền để đi cân gạo, thấy tin ông tổng-trưởng thuộc địa qua chơi là viết ngay một bài báo than phiền về nạn hiệu danh và lên kế công doanh thương với quan đầu tỉnh, coi đời là một sự vô nghĩa lý, nhưng đẩy tờ đánh võ một cái bát cũng bắt đến năm xu, giữa đám đông người thì lại cả mồm chửi những người tàn ác, buôn đồng loại, nhưng ngồi một mình thì lại ca tụng mình đã làm được một việc tàn ác một cách mỹ thuật. Có anh đã bị cáo trước vành móng ngựa hàng chục lần mà vẫn chưa biết ông biện lý ngồi ở chỗ nào, và đâu cũng khoe mình giỏi pháp luật, khai ở Liêm phóng là vô nghề nghiệp nhưng thực ra không còn nghề gì là không làm, ban đêm đi tiêm thuốc phiện cho người quý quốc, ban ngày đi đòi tiền hộ các sở nặc nô, làm chủ độ ba bốn tiệm khiêu vũ mà đánh con gái đến học máu về tội ăn mặc tân thời, cho vay lãi mười lăm phần thì xót xa vì đã quá hy sinh cho đời mà đem vi thành quan trên bạc nghìn vì đã được cái cửu phẩm, còn sợ mình là bội bạc. Lại có anh vừa là chủ tiệm xe đám ma, vừa là chủ được phòng, bán tem cho hội bài trừ bệnh lao lại bán cả thuốc lao mồm, chiêm ký lục về sự vô học nhưng gọi ông Quỳnh ông Vinh là thẳng ấy vậy mà những khoé làm tiền, những cách đầu cơ, những ngón lợi dụng thì cứ hơn những kẻ có bằng thương mại chuyên môn. Nói

tóm lại một câu, bọn người này là những mẫu hàng đặc biệt của công giới và thương giới.

Bọn ấy đều là bạn hàng, hoặc vẫy cánh, hoặc tay sai của chủ ập cả... Người thì lên xin thầu một giấy nhà, kẻ mong điều đình xong một tờ giao kèo, anh thì muốn bán lại một cái mỏ, anh thì đến yêu cầu một sở đại lý độc quyền, anh thì đến bán một ít cổ phần của công ty đương tổ chức lại, hoặc sắp tan...

Vũ-trọng-Phụng (Giông tố)

BÌNH GIẢNG

I Từ ngữ. — *Cắt nghĩa* : ập (khác đồn điền thổ nào?) doanh thương, doanh nghiệp, triết nhân, hiền giả, can trường, lỗi lạc, coi đời như canh bạc, kỷ yếu, kỳ chung, buôn đồng loại, biện lý, sở liêm phóng (còn gọi là sở gì nữa), nặc nô, (nghĩa thường và nghĩa ở đây), kỷ lục đầu cơ, vẫy cánh, giao kèo, đại lý độc quyền, cổ phần.

II. Ý tưởng. — Một bức tranh rất linh động về các hạng người ngồi đợi trong phòng khách của một nhà đại doanh nghiệp.

1.— Bài này chia làm mấy phần : (3 phần ; phần thứ hai chia thành 3 phần nhỏ : củ chi, quần áo của bọn khách. Tính cách chung của bọn khách. Đi vào chi tiết từng bọn một).

2.— Có những chi tiết gì chứng tỏ công việc của ông chủ ấy là một nhà đại doanh thương trong phần đầu. Sự mở đầu ở đây có khéo không? Có đưa ta ngay đến cảnh sắp tả một cách tự nhiên không?

3.— Tại sao những thứ mà khách đợi này cầm ở tay hay mặc trên người lại tố cáo về gian hùng, sắc sảo doanh nghiệp của họ?

4.— Chứng tỏ rằng những thứ đồ không có liên lạc gì với nhau này đủ chứng tỏ rằng khách của nhà chủ không phải là những người lịch sự và đủ các hạng người.

5.— Sống lên trên những cái tai họa hay sự may mắn của người đời là thế nào? Kể một vài thí dụ mà anh được biết.

6.— Tại sao họ lại có thể khi là sai lang, khi là người can trường lỗi lạc. Anh có cắt nghĩa được thái độ của những người nói ở đây đối với họ không?

7.— Khảo sát đoạn : Trong bọn ấy... tiểu thuyết. Mỗi câu tả một hạng người toàn bằng những cái trái ngược : Anh có cắt nghĩa được những cái trái ngược đó không? Sự trái ngược đó tự nhiên không, có thường thấy không? Cảm tưởng chung của anh thế nào? Tất cả những điều này cho biết họ là hạng người thế nào, anh sẽ dùng những danh từ gì để gọi họ (quỷ quyết, lừa bịp giỏi, vụ lợi v.v.)

8.— Khảo sát bọn người thứ hai : Cũng vẫn những nhận xét như trên : Anh sẽ dùng danh từ gì để gọi bọn thứ hai ; tìm những chi tiết chứng tỏ họ là những người giả đạo đức.

9.— Khảo sát bọn thứ ba : Bọn giả đạo đức vô học.

10.— Có câu nào trong bài cho biết rõ bọn người tấp nham này ở trong giới quen

thuộc với ta ? Tách bạch riêng ra những người trong công giới và thương giới.

11.— Tại sao tác giả lại chú ý đặc biệt đến bọn này ? Tại sao thương giới và công giới thường thường là hai giới khác nhau lại gặp nhau ở đây một cách chặt chẽ như thế. Có phải hai giới này đều nhằm mục đích trục lợi không ?

12.— Có chi tiết nào làm anh buồn cười không ? Tại sao ? Nhưng sau cái buồn cười đó, cảm giác của anh là gì ? Bài này có cho anh biết thêm gì về cái xã-hội chung quanh anh không ?

III. **Lời văn.**— Chứng tỏ rằng cách hành văn ở đây rất linh động. Tác giả tỏ ra hiểu đời một cách sâu sắc và những hình ảnh thực linh hoạt. Tác giả có vẽ ra trước mắt ta một bức tranh rõ ràng và linh hoạt của các người trong phòng khách không ?

IV. **Văn phạm.**— Tìm những tiếng danh-tự và động-tự kép trong bài. Xếp hạng các thứ tiếng đó (ôn trong một quyển văn phạm).

IV. **Luận áp dụng.**— 1. Trong phòng đợi khách của một phòng khám bệnh.
2. Trong phòng đợi của một sở phát giấy thông hành.

► 30. ĐẸP HẬU-GIANG

*Đây Hậu-giang ! Đây Hậu-giang
Nhánh sông gần bó Cửu-long giang.
Phù-sa cuộn chảy trong dòng nước.
Khói sóng hòa hơi thở xóm làng.
Nơi đây đời sông thanh bình lắm,
Vời đất phì nhiêu nước Hậu-giang ;
Vú sữa Cẩn-thơ căng ý mộng
Sầu riêng Long-mỹ nhớ mang mang...
Muối Bặc-liêu mặn tình biển cả.
Tiêu Hà-tiên nồng ý quê hương.
Thơm tho khói thuốc mùi Cao-lãnh,
Cá cháy bùi ngon vị Sóc-trăng.
Gạo móng chim thơm mùi rạ ngọt
Nẫu nổi Hòn Đất, lò Hòn-Me
Chum than đượm lửa lòng cây đước
Ôi lửa Cà-mâu đẹp ý quê !*

Kiên-Giang

(Trích Nhân-Loại)

► 31. HẢI-CẢNG CAM-RANH

Vịnh Cam-Ranh ở trong địa phận tỉnh Khánh Hòa. Trên bờ vịnh, chỗ thiết-lập hải-cảng là một thị trấn nhỏ, lấy tên là Ba-Ngòi, nơi đây là quận-ly Cam-Ranh, cách Nha-Trang 50 cây-sô về hướng Nam.

Du khách đi xe lửa từ Sai-gon ra, hay đi theo đường quốc-lộ số 1. khi qua khỏi Phan-Rang thì sẽ thấy ở phía Đông, lúc qua khỏi một vườn dừa khá lớn, một dải nước biếc, vừa dài vừa rộng, trông giống một cái hồ hơn là một khúc sông vì nó rộng quá mà lại ở sát chân núi. Đó là vịnh Cam-Ranh. Muốn viếng Cam-Ranh, khách phải xuống tận Ba-Ngòi. Đứng trên cầu tàu, khách sẽ say sưa trước một cảnh non, nước, trời, mây. Một cái vịnh không lớn quá để làm giảm vẻ đẹp, không nhỏ quá để trở thành vô dụng. Nếu ta không để ý đến cái cửa ra vào của nó thì ta tưởng đó là một cái hồ, một cái hồ giữa núi, vì chung quanh có núi non bao-bọc nhờ những dãy trường-thành thiên-nhiên này mà vịnh được yên lặng mặc dầu bên ngoài có bão. Khi trời êm ả, nếu khách xuống một chiếc thuyền đi du-ng ngoạn một vòng trên vịnh, khách sẽ biết cái thú chơi hồ là thế nào và khi ra về, sẽ tự hào nói : Ta đã đi xem vịnh Cam-Ranh.

Vịnh Cam-Ranh là một dải biển ăn luôn vào đất liền sau một dãy núi có đỉnh cao đến 400 thước. Vịnh có 6 cây sô chiều ngang nơi chỗ rộng nhất và độ 15 cây sô chiều dài ; phía Bắc thì vịnh hẹp lại và cạn hơn, thành một cái đầm rộng từ 500 đến 3.000 thước và dài trên 20 cây sô (đầm Thủy-triều, nơi sản-xuất sô huyết có tiếng). Bể sâu của vịnh từ 12 đến 25 thước cửa ra vào ăn sâu xuống đá đến 23 thước dưới mặt nước ròng: diện-tích chỗ tàu đậu được trên 10.000 mẫu.

Nhìn vào hậu-phương Cam-Ranh, chúng ta thấy gì ? Những cao nguyên miền Nam Trung-Việt như Lâm-viên, Đarlac, Pleiku, Kontum, mà những nguồn lợi về trồng tía và chăn nuôi sẽ rất lớn lao sau này, đều ở gần Cam-Ranh hơn Sai-gon. Nếu công-tác thủy điện ở sông Đa-Nhim được thực hiện và khi nào hoàn thành thì ở

chung quanh Cam-Ranh có thể mở những nhà máy lớn, chẳng hạn như để làm phân hóa-học, làm thủy-tinh v.v... cánh đồng mênh mông từ Sông-Pha đến Phan-Rang sau này sẽ trở nên hữu dụng ; đồng bằng Tuy-Hòa, phì nhiêu mà sản phẩm không tiêu thụ hết tại chỗ ; những vùng rừng già có nhiều gỗ quý được triệt-đề khai thác, đều cần đến một hải cảng. Cam-Ranh sẽ là bến tầu thuận tiện hơn hết để xuất-cảng thô-sản của ta ra nước ngoài và để nhập cảng những máy móc, dụng-cụ, vật-liệu v.v... cho những nơi nói trên. Nếu những đường xe lửa được đặt thêm để nối liền với Ban-mê-Thuột, Pleiku, Lào, Xiêm thì Cam-Ranh mà điều-kiện thiên-nhiên đã rất tốt đẹp, nhất định sẽ trở nên một hải-cảng quốc-tê có hạng.

Võ-Liệu

(Trích giáo-dục phổ-thông)

► 32. ĐÀ-LẠT

Vào những ngày lễ, hàng ngàn du khách từ mọi quốc tịch từ khắp các nẻo đường đổ về Đà-lạt, một thành phố du-lịch đứng vào bậc nhất Đông Nam-Á.

Nếu Phi-luật-tân có Baguio, Mã-lai có Penang hấp dẫn du khách, thì Đà-lạt cũng có thể tự hào là một địa-diểm hoàn mỹ về nhiều phương-diện khả dĩ cung hiến cho du khách một đôi ngày tươi đẹp, sau những ngày hè nóng nực.

Cách Sài-gòn ba trăm cây số hay tính trung bình sáu tiếng đồng hồ bằng xe hơi hoặc sáu mươi phút bằng đường hàng không, Đà-lạt nằm trong tỉnh Tuyên-Đức, ở độ cao từ 1400 thước đến 1700 thước. Nhờ ở độ cao khí hậu Đà-lạt rất ôn hòa, nhiệt độ không sai biệt với nhau nhiều : Trung bình về mùa hè 19^o6, về mùa đông 16^o4. Hiện nay Đà-lạt được chánh phủ lưu tâm sửa sang các thắng cảnh để thỏa mãn sở du khách mỗi ngày được nhiều hơn. Đường lộ dẫn tới các thác nước đã được mở rộng và dải nhựa thích hợp cho bất cứ loại xe du lịch nào. Tại suối Cam-ly, bên hồ Than-thở hay bên bờ hồ Xuân-Hương, người ta thấy có những vườn hoa đủ sắc và những

lều gianh làm theo kiểu nhà của các đồng bào Thượng để du khách có chỗ nghỉ chân.

Tới Đà-lạt có thể nghỉ tại hai khách sạn Đà-lạt Hotel và Đà-lạt Palace do nhà Quốc-gia du lịch quản đốc. Tiệc nghỉ tại hai khách sạn này không thua kém gì những khách sạn tại các nước tân tiến. Xây dựng trong một khu vực yên tĩnh, vị trí của Đà-lạt Palace được chọn lựa một cách khéo léo trên đỉnh ngọn đồi trông ra hồ Xuân-Hương và có tầm quan sát bao gồm một dải đồi thấp khá rộng chạy dài tới những vùng đồi núi phía chân trời. Thường có những du khách ưa cảnh tĩnh mịch ngồi hàng giờ tại phòng kính của khách sạn ngắm cảnh thiên nhiên buổi bình minh hay lúc mặt trời xế bóng. Bao bọc thành phố Đà-lạt là những rừng thông rộng bát ngát, cung cấp rồi rào nguyên liệu cho các ngành tiểu công nghệ địa phương. Ngoài ra, những thổ sản như rau và hoa cũng đem lại một nguồn lợi không nhỏ cho vùng này.

Những thắng cảnh thiên nhiên ở Đà-lạt là những nguồn vui vô tận đối với du khách từ xa tới. Không ai có thể tới Đà-lạt mà bỏ lỡ dịp thăm thác Ankroet và suối Vàng, một khu vực rộng lớn chứa nước dùng vào việc sản xuất thủy điện lực. Sở dĩ đập nước này mang tên ngộ nghĩnh như trên là vì người ta thấy những hòn đá có những hạt ánh vàng, nhưng sự thực chỉ là những mảnh mica phản chiếu lấp lánh. Cách Đà-lạt 15 cây số về phía Nam và ngay sát quốc lộ 20 là thác Prann. Từ trên trông xuống thác không quyền rũ cho lắm, nhưng khi xuống đến sân chơi xây thấp hơn mặt đường chừng 20 thước rồi ngàng lên ngắm thác thì mới thấy cái đẹp của nó. Thác đổ từ trên cao bắn ra những tia nước nhỏ li ti hợp thành một lăng kính hiện ra đủ màu sắc của cầu vồng trước ánh mặt trời.

Đức-Giang

(Trích Thử-giới Tự-do)

► 33. VÀM CỎ TRĂNG THANH

Đây Vàm Cỏ Tây, con sông dài uốn khúc
Từ nguồn Kim-Biên đổ ra biển Đại Thanh
Suốt bốn mùa, nước mãi ngọt, đất vẫn lành
Lòng sông sâu, giong nước lũ, cá phi tình nhón nhơ...

Sông xuyên rừng xa
Sông vượt bình nguyên
Sông về biển cả
Khi thu tràn

Gió đưa đầy
Trăng sáng vàng
Mặt nước nháy... dâng lên...

Dâng lên cuộc sông êm đềm
Một mùa nước nổi, muôn thuyền rộn vui...

Trái năm voi bảy vịnh
Qua chín khúc mười quanh
Vẫn giọt nước trong xanh
Một lòng xuôi về biển...

Và đây rồi, hỡi giong sông vinh hiển !
Nơi anh hùng họ Nguyễn lập chiến công.
Vàm-Cỏ-đông ! Vàm-Cỏ-đông !
Gió đưa sóng nhạc, trăng lồng bóng thơ :
«Hòa hồng Nhứt-tảo oanh Thiên-địa.
Kiếm bạc Kiên-giang khiếp Quĩ-thần»
Gươm xưa còn sáng ngọn bần
Máu tanh xâm lược hoen giong nước trong.

Anh hùng chài lưới trên sông
Giong sông lịch sử trong lòng Việt-Nam
Tâm-tư theo gió gởi trăng
Tình nhà, tình nước nặng hoàng đôi vai ..

Tây-Hà
(Trích Nhân-Loại)

► 34. GÁNH NƯỚC ĐÊM BA MƯƠI

Trời ba mươi thật tối. Ánh đèn neon của những nhà phía trước chiều ra từng vệt sáng xanh làm cho những đóm đóm lại đen hẳn lên. Ý chừng độ tám giờ non. Không chần chờ được nữa, chị Ba lấy áo của Lý mặc thêm cho Nam mây lớp rộng phồng phình đoạn đay nó lên lưng, quảy thùng ra cửa.

Ai cũng lo ăn tết, giờ này, vôi nước thật cô độc. Khóa vắn của vôi hư lâu rồi nên lúc nào nước cũng chảy tràn ra, rớt xuống nền xi-măng lát chát : giọt nước trong đêm loang loáng trắng. Tay để trên đầu máy nước, tay vòng ra sau xoa đầu con. Chị Ba đắm chiều hướng mắt về phía bên xe.

Ngày thường bên xe náo nhiệt bao nhiêu, giờ vắng lặng bấy nhiêu. Chị bán bánh mì, ông bán mắt kiềng, bà bán vòng vàng, cảm thạch giả, anh bán bánh ngọt, trái cây, cô gái bán sâm, nước rau má, đậu phộng rang, cậu bé bán báo, cà rem hay nước đá v.v... ai về nhà này, bỏ chỗ vắng tanh. Xe về hăng gấn hết, còn đây lơ thơ dăm chiếc, cái phong độ oai phùng lẫm liệt, đi vùn vụt, hét inh ỏi, nay thu hình đồ lại như hồ trong chuồng nhón. Trước mỗi đầu xe, những anh lơ không nhà đem cảm lên một nắm nhang nghi ngút khói. Họa hoằn có đôi ông khách, ý chừng vừa rảnh tay cách đây hơn phút, vội vội vàng vàng hỏi giá bao nhiêu xe về một miền thôn dã xa xôi. Không ai đi cho ông cả. Còn phải để ăn tết xe, ăn tết ông bà, ăn nhà cửa chứ ! Linh thiêng làm sao cái tết !

Tự dưng, chị Ba hát hơi thờ dài. Ngày tết là ngày ôn nhớ, ghi lấy hình ảnh năm qua, rạo rức về tương lai, đoàn tụ sum vầy giữa người chết và người sống, người sống và người sống. Chị Ba sẽ ôn nhớ gì đây ? Đoàn tụ với ai ? Và mơ thấy những gì ? Không về được với làng quê cảnh cũ, có mỗi đức ông chồng để ấp ủ cuộc tha phương nay cũng không được tựa kể. Chung quanh chị, ai này lơ tết từ cả tháng nay hay ít ra cũng từ 23, đưa ông Táo ; chỉ có chị đêm ba mươi này còn đi hứng nước. Cái ý nghĩ làm cuộc đổi chiều thế-thảm đó khiến chị ảo não, lại cất tiếng thờ dài.

Mãi vẫn vợ suy nghĩ, đến lúc nước tràn thùng loang chảy lạnh ngắt chân, chị mới nhớ ra, chị đặt gánh lên vai. Một thân con, một gánh nước đè lồm xuong đôi vai mảnh khảnh.

Theo Lê Văn
(Trích Nhân Loại)

► 35. TẾT BUỒN

Chị Ba lo quét dọn nhà thờ. Tiêng là bàn thờ cho ra vẻ, chứ sự thật đó là một miếng ván thông, dít của thùng sữa Nestlé, có đóng bọ và căng dây chì treo lủng chùng vách. Trên ấy, vòn vện cái lon sữa cũ đóng bụi bên ngoài, đầy tro bên trong. Mỗi chiều chị cắm nhang vào đó nhưng sồ chân nhang vẫn lơ thơ, xiêu lơ. Vì sau mỗi bữa ăn, chị lấy đó làm tăm xỉa răng. Một lon nhang mà không bài vị. Chị tự do mời thỉnh những ai chị muốn cúng Ba Má chị, Nội, Ngoại chị hay cao tăng cô tổ xa hơn nữa, mỗi lần cúng chị mời hết về đây. Tổ tiên của anh Ba cũng được chung cuộc đó. Thật là đoàn kết.

Chị nhúng nước cái khăn cũ rách, lau đi lau lại mặt ván thông sần sù không có lấy một lát bào. Rồi để lên đây ba chum : nước, gạo, muối, cái nào cũng đầy để cầu mong sự đầy đủ như thề về mọi mặt ở năm tới. Chị cắm năm bông trang trắng mới mua hồi sáng, chịu một ngày nắng âm bị xụ tai, vừa gượng tươi từ chiều đến giờ, vài miếng chai xá-xị. Chị nước cam vàng kê bên sẽ dùng làm rượu cúng kiến ba ngày ; vừa trang trí mầu sắc cho đỡ xơ xác cái bàn thờ ọp ẹp, xong chị lấy bộ đồ mới, mua của các anh rao hàng khăn giòng lễ đường chợ Bến thành, nhẹ tay thay cho Lý và Nam. Mãi lo cho chồng con và tổ tiên, chị Ba quên khuấy mình. Tết này chị không có lấy một miếng ăn ngon, một bộ đồ mới hay ít ra là một cái khăn lông. Đành chờ ngày anh Ba (1) về hay ngày con lớn khôn vậy. Mong manh và xa xôi làm sao !

Nhưng chị Ba không buồn. Lát nữa đây nhìn Nam, Lý dáo dác

(1) Chồng chị Ba hiện bị giam cầm.

ngó quanh nhà, trông lại mình thấy có sự đổi khác mà ngơ ngơ ngáo ngáo, chị sẽ vui biết mấy. Ấu cũng là luật bù trừ.

Biết phải để chúng ngủ hầu rảnh tay làm nổi công việc cho kịp đón giao thừa, nhưng những hình ảnh đẹp đang nhảy múa trong đầu, chị không kềm chế được, đặt mặt mình lên mặt con hít mạnh. Chúng giựt mình, ú ớ. Chị xoa nhẹ chúng, ru lều lảo mấy tiếng rồi mím cười đi. Còn phải nấu nước này, sắp chuôi khô ra đĩa này. Lại còn phải xẻ lấy một đĩa dưa hầu cúng Ông Bà cho ra vẻ ngày tư ngày tết chứ ! Tuy là mua trong sồ dưa hư, dưa sồng do nhà vừa vạt ra bán đồ bán tháo, nhờ khéo lựa, trái dưa chị sẽ không đến nổi trắng bầu, chị mừng được trông mầu hồng hồng đó. Ngày còn ở quê, chị và trang lứa có thói quen bói duyên bằng dưa hầu. Mỗi người dành bỏ một trái. Dưa càng đỏ, người cầm dao càng tự tin mình có may mắn, có duyên và ngược lại. Chị còn nhớ rõ trò chơi lý thú ấy với niềm tin công lý vừa bùng nổ trong lòng.

Lê Văn
(Trích Nhân loại)

► 36. MƯỜI BA CHIẾN - SĨ YÊN - THỀ

(Nhà chiến sĩ Hoàng-Hoa-Thám thất bại, bị giết và bị bêu đầu tại phủ Yên-Thề, tỉnh Thái-Nguyên Bắc-Việt. Mười ba người chiến sĩ bộ hạ rủ nhau đi cướp đầu đem về chôn, nhưng bị quân Pháp đuổi bắt. Họ về tạm trú trong một làng ở ven rừng. Quân Pháp đến vây).

Ngày hôm sau giặc Pháp kéo đến vây làng, bắt phải nạp mười ba chiến sĩ. Giặc dọa : nếu không chịu nộp, làng sẽ bị triệt hạ.

Dân làng không chịu, nhất định đóng cửa làng kháng cự, mặc dầu cả làng chỉ có năm khẩu súng cùng cung nỏ, gươm cùn, giáo rì. Lũy tre, tường đất và sự gan dạ của toàn dân chúng cùng 13 dũng sĩ đã cản bước tiến của giặc. Trong khi trai tráng súng gươm đánh giặc, thì đàn bà, con gái đào chiến hào đắp lũy, thổi cơm. Trẻ bé giữ việc tiếp lương, thông-tin. Các cụ già bàn mưu, lập kế và khuyến khích. Toàn dân tận lực đầu tranh. Giặc đưa pháo binh từ Nhã Nam

lên. Đại bác nã vào thôn xóm. Nhà cửa sụp đổ ầm ầm. Tường đất tan tành. Giặc đổ dầu vào hào đốt phá. Giặc bắc loa gọi dân làng đầu hàng. Dân làng nhất định không chịu. Sau cùng thấy dân làng chết nhiều quá, thôn xóm bị tàn phá dữ dội, Hùng Quân (1) thấy rằng có kéo dài mãi cuộc chiến tuyệt vọng chỉ gây thêm khổ bao người khác, chàng quyết định điều đình ngừng chiến, chàng đặt điều kiện :

«Nếu giặc thỏa thuận không triệt hạ làng và tha 12 bạn chàng về quê làm ăn, chàng sẽ đền dinh chỉ huy giặc nộp mình». Viên Đại-úy chỉ huy quân Pháp ưng thuận. Hùng Quân liền gặp Đại-úy Pháp và bảo :

«Tôi tin ở lời nói danh dự nhà binh của các ông nên mới đến đây. Tôi mong ông sẽ giữ đúng lời hứa. Chẳng bao giờ tôi theo các ông. Song để giữ đúng lời hứa và để các ông yên trí là không bao giờ tôi làm hại các ông nữa, tôi sẽ có cách xử trí : Chàng rút dao găm tự đâm thẳng vào trái tim máu vọt tung toé cả vào mặt viên Đại-úy. Quân Pháp kéo vào làng đóng tại đình, 12 chiến sĩ xếp hàng đôi đèn trình diện. Một người đi đầu nói : «Chúng tôi ngừng chiến là vâng lời chỉ huy và không muốn hại thêm mạng người vô ích, chứ không phải sợ chết».

Nói rồi cả bọn rút dao tự đâm cổ chết hết.

Theo TRIỀU-ĐẦU

Giáo-dục phổ thông số 45 ngày 1-9-1969.

► 37. CHUYẾN BAY ĐẦU TIÊN

Em Phượng.

... Sau ba vòng lên xuống, giám khảo bước ra khỏi ghế ngồi, vỗ vai căn dặn anh mấy điều và để anh bay một mình.

Em không thể tưởng tượng được rằng anh có nghĩ gì khi lần này anh tự một mình điều khiển lấy phi cơ không cần đến sự trợ giúp

(1) Tên vị chỉ huy 13 chiến sĩ.

của ai. Anh thông thả làm những động tác trước khi cất cánh, những động tác mà trước đây anh đã tập đi tập lại hàng trăm lần với người bạn. Phi đạo thẳng tắp chạy dài như nối liền với chân trời.

Mây đám mây lững lờ trôi. Tay anh đẩy «ga», phi cơ từ từ lặn trên phi đạo (1), nhanh dần. Đuôi cất bông rồi cả người nhẹ bông. Đôi bánh từ từ gập vào bụng. Cánh gió quay đều. Phi cơ lướt trên những ngọn thông reo, soải trên bãi cát vàng. Anh kéo cánh cửa phòng lái cho mở rộng thêm chút nữa. Gió bốn phương tràn vào mát rượi. Cánh quạt vẽ thành một vòng tròn sáng ngời trong nắng đông. Ba trăm bộ (2) cao. Anh lượn vòng đầu. Cánh phi cơ nghiêng nghiêng như người em ngoan ngoãn cúi đầu. Một căn nhà nhỏ nằm hiền lành dưới rừng thông reo. Một đàn trâu đang đi, theo sau có đám mục tử.

Phi cơ lên một ngàn bộ. Động cơ vẫn reo vui với lòng người đang phàn chân lượn vòng thứ hai, phi cơ trở về gió xuôi song song với phi đạo. Trong mũi nghe, tiếng phi trường vọng lại.

Alpha Romeo, gọi lại vòng chót ; Alpha Romeo là tên chỉ chiếc phi cơ anh đang lái. Anh lượn vòng thứ ba và biết rằng lúc này bao trái tim đều hồi hộp, bao cặp mắt đều chăm chú nhìn máy bay. Phi đạo nằm chênh theo góc 45 độ. Anh cúp ga và cho phi cơ chúc xuống, phi cơ nghiêng nghiêng theo chiều gió. Tay anh nắm chặt cần lái. Đắt dăng lên dần dần. Loáng thoáng anh đã thấy những cồn cát vàng thoai thoải chạy miết về đằng sau. Anh từ từ kéo cần lái vào bụng. Mũi chiếc phi cơ hơi nhấc lên. Một tiếng động nhẹ và phi cơ nhảy lên, rồi nhảy lên một lần nữa. Giờ đây phi cơ đã chạy trên phi đạo. Con bê mộng bắt đầu hục hặc chạy lệch lạc. Anh cần chặt răng giữ cho phi cơ chạy thẳng rồi chậm dần dần và dừng hẳn lại. Anh lái phi cơ về chỗ đậu, tắt máy và bước xuống.

Theo TOÀN PHONG

(Đời Phi công)

CHỮ THÍCH . — (1) Phi đạo : Đường dành cho máy bay chạy trước khi cất cánh và lúc đáp xuống đất. (2) Bộ : Một đơn vị đo chiều dài và chiều cao.

► 39. TÔI YÊU

Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,
Yêu con sông rộng, yêu hàng dừa cao.
Yêu xe thô mộc xôn xao,
Trên đường khúc khuỷu đi vào miền quê.
Tôi yêu đồng cỏ nắng se,
Nhà rơm trông trải chiếu ghe dập dềnh.
Tôi yêu nắng lúa châu thành,
Trận mưa ngán ngủi, gió lành hiu hiu.
Nơi đây tôi mến thương nhiều,
Miền Nam nước Việt mỹ miều làm sao ?
Xa xôi hằng vẫn ước ao,
Vào thăm vựa lúa xem sao hơi mình !
Chừ đây tình đã gặp tình,
Tưởng như trong đại gia đình đâu xa.
Người xem tôi tựa người nhà,
Người kêu thân mật, tôi là thầy Hai !
Đồng bào Nam-Việt ai ơi !
Tôi yêu cặp mắt, làn môi thực thà.
Nước non vẫn nước non nhà,
Bắc Nam xa mấy vẫn là anh em.

Bàng Bá Lân
(Tiếng vọng đưa)

► 40. HAI ĐỨA BÉ MỒ CÔI

... Thằng Tích nhìn thằng bé đứng trước mặt, thấy nó bé hơn mình nhiều lại chỉ có một cái quần cộc, chứ không có áo và quần dài như mình.

- Nhà mày đâu ? — Tao không có nhà !
 - Thề u mày đâu ? — Tao không có u ! (1)
 - Thề thì thầy mày đâu ? — Tao không có thầy (2)
- Thằng Tích thầy ghen thờ :
- Thề mày chỉ có một mình thôi à ?
- Thằng bé gật đầu.

- Thề mày làm sao mà sống được ở thành phố này.
- Thằng bé lặng im.
- Thề mày bao nhiêu tuổi ?
 - Tao lên tám.
- Thằng Tích giơ tay kéo thằng bé lại gần :
- Mày lên tám mà mày bé hơn em tao mới lên sáu.
- Thằng bé trả lời gọn thon lòn :
- À, tại em mày nó có cơm ăn luôn thì đừng lớn hơn tao à ?
- Thằng Tích lặng im một lát :
- Thề mày tên là gì ?
 - Tao tên là Chích. Tại tao gầy và bé nên chúng nó gọi tao là chú Chích.
- Rồi nó thờ dài ngồi xuống cạnh thằng Tích :
- Nhưng cũng vì thế mà chúng nó đánh tao và tao kiếm được đồng xu nào, chúng nó cướp mất của tao nên tao đói quá. Rồi nó nắm tay thằng Tích đặt lên cái bụng dán sát vào xương sống :
- «Đấy mày xem, bụng tẹt thế này thì còn làm ăn gì được nữa».
- Thằng Tích nhìn vào cái bụng lép xẹp, cái ngực trơ xương, rồi nắm tay kéo nó dậy :
- Đi, mày đi ăn với tao, tao cũng đói lắm.

Theo Lê-văn-Trương
(Hai đứa bé mồ côi)

CHÚ THÍCH .— «Hai đứa bé mồ côi» là một tác phẩm của nhà văn Lê-văn-Trương, trong đó tác giả kể chuyện hai đứa bé mồ côi, sống một cuộc đời vô cùng khổ sở tại thành phố Hà-Nội, đã góp sức lại, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, để cuối cùng tiến tới một cuộc đời dễ chịu hơn. Lê-văn-Trương là một tác giả chuyên viết về những tình cảm đẹp đẽ cao cả như lòng thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong cảnh khổ sở của con người.

► 40. TẾT CHIẾN TRƯỜNG

Những ngày cấp sách đèn trường, tôi vẫn thường có một ước vọng được đón xuân tại những thành phố xa lạ trên thế giới và trên những nẻo đường quê hương. Cái ước vọng lãng mạn đó vẫn cháy trong tiềm thức như một ngọn lửa thiêng. Vì vậy bài thơ cảm để truyện ĐOẠN TUYỆT (1) của Thê Lữ đã là một trong những bài thơ

tôi thích ngâm nga và thuộc lòng : «Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang» đã là một hình ảnh lý-tưởng của một chú học trò áo trắng sớm có một đời sống tình cảm mạnh mẽ và tâm hồn man mác giấc mộng sông hồ. Cho nên khi được chấp thuận vào học khóa Phóng-viên Tiền-Tuyển là tôi tưởng chừng cái lý tưởng hằng ôm ấp hiện hình thành những nét chữ. Và sau khi bề giảng, tôi nghĩ ngay một cái Tết chiến trường đầu tiên.

28 tháng Chạp năm Nhâm-Dần đúng như ước vọng tuổi nhỏ, tôi được lệnh đi hành quân tân niên với một Tiểu-đoàn Thủy-quân lục-chiến. Những ngày cuối năm tại Thủ đô, càng rộn rịp tưng bừng và đặc biệt năm nay tiết trời lạnh lạnh khiến thành phố điểm trang bằng những màu áo len, đã mang lại niềm ấm-áp gần gũi trong tôi trước phút giả từ...

Buổi chiều cuối Đông, sương xóa xuống rất thấp trên những chòm lá bạt ngàn. Những chàng Cọp biển (2) đi lăm lăm dưới ánh nắng nhạt nhòa của mặt trời mất tích. Tiếng chân dè dặt dẫm trên cành khô và tôi chỉ nghe tiếng máy vô tuyến kêu hoặc một vài tiếng chim vang vọng... Giờ này hẳn gia đình tôi đang sửa soạn lễ cúng giao thừa. Tôi có ý nghĩ mang về nhà một nhánh cây rừng để thay cho cành lộc, mẹ tôi có thói quen đi hái tại Lãng Ông (3).

Từ xa lắm có tiếng súng dội lại. Tôi mơ màng tiếng pháo năm xưa ! Những ngày thơ ấu tôi rất thích đốt pháo. Suốt đêm giao thừa cho đến mồng 4 mồng 5 Tết, tôi và các bạn trốn nhà cả ngày đi lang thang trên những hè đường để nhặt pháo và đốt pháo. Hầu hết số tiền mừng tuổi chúng tôi đem mua pháo. Mùi thuốc pháo nồng say khiến chúng tôi quên ăn quên ngủ... kỷ-niệm chấp chùng và bây giờ giữa bầu không khí thanh khiết của lâm truyền, tôi còn như người thấy mùi thuốc pháo ngất ngây. Chúng tôi thì thầm kể cho nhau nghe những kỷ-niệm vui buồn của những ngày nguyên đán dĩ vãng. Chúng tôi nằm sát vào nhau, ngửa mặt hứng sương đêm.

Theo Vũ-công-Phúc (Tết Hành Quân)

CHÚ THÍCH. — (1) Tên một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn NHẤT-LINH.

(2) Chỉ các binh sĩ Thủy quân lục chiến.

(3) Nơi thờ đức Tả quân Lê-văn-Duyệt tại Gia-Định được dân chúng sùng bái và tới lễ vào đêm giao thừa.

► 41. XUÂN VỀ QUÊ MẸ

Hai cánh dù bay lơ lửng giữa trời đêm, trôi theo làn gió thổi bập-bênh giữa không trung như đôi cánh bướm con trôi mênh mông giữa trùng dương nổi sóng. Trung cảm thấy người mình nhẹ hơn lên, ruột gan như dồn về phía trên. Trung nhìn xuống, thấy một đám đen không lồ nổi lên rất nhanh như muốn chụp lấy chàng. Những vì sao lấp lánh như muôn ngàn hạt kim cương lung linh mỗi lúc càng xa chàng và biển sâu dần vào bầu không gian vô tận, mất hẳn. Trước mắt Trung chỉ còn bóng đen. Người Trung chạm mạnh vào mặt đất gỗ ghề. Búng người lên như một chiếc lò xo để giữ thăng bằng, Trung cuộn nhanh chiếc dù, nhận xuống đám lá bên cạnh để phi tang. Một tiếng động khác rơi xuống đất làm Trung giật mình quay mũi súng chờ đợi. Linh cũng vừa xuống đất. Hai bóng đen thì thăm trong bóng tối của rừng đêm man dại, tìm lối rẽ ra khỏi khu rừng huyền bí.

Không phải là lần đầu tiên Trung đến khu rừng này. Chàng sống ở đây từ hồi thơ ấu. Mọi ngõ đường hóc hiểm trong vùng này đôi với Trung không xa lạ lắm. Nhưng chàng vẫn thấy bồn khoăn lo nghĩ. Tình hình biến đổi quá nhiều khi lũ khát máu cộng phỉ chiếm cứ quê hương chàng. Mẹ chàng hiện sống khắc khoải trong mảnh đất quê hương đang bao trùm máu lửa. Nhìn lại cảnh rừng hoang dại, Trung cảm thấy lòng mình se lại bụi ngùi nhớ tiếc những ngày thơ ấu. Bao kỷ niệm êm đềm của tuổi xanh hiện ra trong tâm trí chàng : một chiếc sân, một mảnh vườn, một mái nhà êm ấm, những con đường ngoằn ngoèo, một con suối nước trong xanh chảy suốt bốn mùa. Nhưng nay những kỷ niệm ấy không còn nữa.

Rừng cây, vàng úa, vườn ruộng xác xơ. Mái nhà thân yêu của Trung hiện ra trước mắt chàng trong bóng đêm đục ngầu. Nó không còn ngạo nghễ vươn nóc lên không trung ngày nào ; giờ đây nó chỉ là một túp lều tranh xơ xác ừ dột và xiêu vẹo.

Cảnh điêu tàn không làm cho Trung thất vọng, trái lại lòng chàng bùng lên máu căm hờn. Trung vẫn đặt hết hy vọng vào nhiệm vụ, vào một người, không biết giờ đây sống hay chết ; Đó là bà Tám

mẹ chàng... Một thoáng hy vọng nở trong lòng Trung. Một ánh đèn dầu le lói trong mái lều tranh nơi mà Trung đã sống qua những chuỗi ngày êm đẹp của tuổi xuân. Mẹ chàng còn sống ? Một cảm giác mê mẩn tràn ngập lòng Trung. Tình mẫu tử sắp bùng cháy lại trong lòng chàng. Chàng vén nhẹ lớp lá phân mục nát nhìn qua khe cửa : Mẹ và em Trung đang khăn vái trước bàn thờ. Trong mầu sáng đục ngầu của ngọn đèn dầu tỏa ra, thấy mẹ chàng gầy và già hơn xưa. Trên bàn thờ, ảnh bán thân của cha Trung để ở giữa, khói hương lên nghi ngút. Trung nghe mẹ thì thầm khăn vái. Nhiều lần mẹ nhắc đến tên chàng. Không thể ngăn được xúc động, Trung run người lên, cảm lấy cửa phen lay nhẹ :

— Mẹ ơi ! Mẹ !

Hai mẹ con ôm chầm lấy nhau khóc nức nở. Họ vừa tìm lại hơi thở, mạch máu đã mất từ lâu.

Theo Hữu Nhơn

(Mùa Xuân quê mẹ)

CHÚ THÍCH — «Mùa Xuân Quê Mẹ» là một truyện ngắn trong đó, nhân vật chính là Trung, một chiến sĩ nhày dù đã phải thi hành một nhiệm vụ khó khăn tại nơi quê hương mình lúc đó đang bị giặc chiếm đóng. Nơi đây, sau bao thời gian xa cách, Trung đã được gặp lại mẹ chàng và tìm lại được «hơi thở mạch máu đã mất từ lâu» Lòng chàng xúc động tưởng chừng như một mùa xuân mới nơi quê mẹ đang dâng lên.

II

PHẦN CÒ VẢN

MỘT BÀI CA DAO BÌNH GIẢNG

THĂNG BỜM

Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi năm xôi : Bờm cười.

BÌNH GIẢNG

I. Tác-giả và xuất-xứ. — Bình giảng một bài ca-dao, chúng ta không cần tìm tác-giả và xuất xứ, vì bài ca dao nào cũng theo một vài công lệ chung tóm-tắt như sau : tác giả thường thường không biết là ai và bài ca dao nào cũng bắt nguồn ở dân quê Việt-Nam, diễn-tả tư tưởng tính-tình và phong tục dân quê đó.

II. Nhận xét về toàn thể —

A). Bài này là một bài ca-dao, hay nói đúng hơn là một bài hát của trẻ con rất phổ-thông, không mấy người không biết. Vì thế nhân-vật, khung cảnh cũng như cốt chuyện đều bắt nguồn ở dân quê.

a) Nhân-vật, là những người rất quen thuộc với chúng ta, những người ngày nay cũng hãy còn sót lại trong những làng nhỏ hẻo lánh, xa chốn thị thành hãy còn giữ nguyên được phong vị của thời xưa : Thăng Bờm và Phú ông.

b) Cốt truyện thực giản dị : Thăng Bờm có cái quạt mo. Phú ông muốn đem thật nhiều tiền của ra đổi lấy. Nhưng Bờm nhất định không nghe. Rút cục về sau, Bờm chỉ đổi quạt lấy có một năm xôi.

B). Cốt truyện giản-dị như thế, nhưng người đọc luôn luôn thấy trí tò mò của mình bị kích-thích và sự kích-thích đó càng ngày càng tăng khi thấy Bờm lần lượt từ chối hết thứ nọ đến thứ kia, rồi kết cục một cách rất đột-ngột là chỉ lấy có một năm xôi. Cho nên bài ca-dao này cũng là một tấn kịch nhỏ trong đó có sự giằng co của hai nhân-vật để đi đến mục-đích cuối cùng của mình. Vấn đề đặt ra ở đây là : Tâm lý của Phú ông và của Bờm.

C). Tâm lý của Phú ông cũng như của Bờm thực là khó hiểu vì khác người thường nhiều quá. Không hiểu sao Phú ông lại điên rồ, đại dốt đến nỗi đem của cải, ruộng nương ra đòi lấy cái quạt mo là một vật rất tầm thường? Lại còn thằng Bờm không hiểu tại sao lại từ chối hết cả mọi thứ quý giá đề rồi chỉ lấy có một nắm xôi. Vậy tâm lý thằng Bờm và tâm lý Phú ông là thế nào? Đó là điều mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong những phần sau.

III. Nhận-xét về nội-dung.— Phần trên ta đã nói bài này là một tấn kịch nhỏ. Cũng như mọi tấn kịch, tấn kịch nhỏ này cũng cần phải có:

- a). Một phần mở đầu, trình bày nguyên-nhân tại đâu mà xảy ra việc trong kịch.
- b). Những việc xảy ra liên-tiếp và là kết quả tự nhiên, rồn-rập của nguyên-nhân đầu tiên làm cho khán-giả hay người đọc hồi-hộp, chăm-chú theo dõi, và càng ngày càng thấy trí tò-mò bị kích thích dữ dội.
- c) Sau cùng đến phần kết cấu giải-quyết vấn đề đặt ra làm cho mọi người thỏa mãn.

Vì vậy mà bài này có thể chia làm ba phần:

- a) Phần mở đầu: Nguyên-nhân truyện kịch: câu đầu.
- b) Sự giăng co trao-đổi giữa thằng Bờm và Phú ông: từ câu thứ 2 đến chữ năm xôi ở câu thứ 10.
- c) Kết cấu: đột ngột và đầy đủ: Bờm cười.

A) Phần thứ nhất.— Mở đầu vào kịch.

Thằng Bờm có cái quạt mo

Mở đầu chỉ có một câu, một câu nhưng thực là gọn gàng đầy đủ để chúng ta hiểu rõ nguyên nhân vì sao câu chuyện xảy ra.

1) Hai chữ Thằng Bờm trình bày ra trước mắt chúng ta nhân vật chính thứ nhất của tấn kịch.

a) Chữ «thằng» cho ta biết đây là một anh chàng ở giai cấp dưới cho nên người ta mới gọi một cách khinh bỉ là «thằng». Chữ thằng ở miền quê, tuy thường ngụ một ý khinh bỉ, nhưng nhiều khi cũng dùng để gọi một cách thân-mật những người bề dưới gần gũi người ta. Và anh chàng này tất nhiên chỉ có thể là một anh chần trâu hay làm thuê làm mướn cho các người giàu có trong làng.

b) Chữ «thằng» cũng cho ta biết anh chàng này là một anh chàng trai trẻ chỉ độ 18, 19 trở lại là cùng, vì chỉ ở tuổi ấy người ta mới hay gọi là «thằng».

c) Bờm không biết có phải là tên thực mà cha mẹ đã đặt cho anh không hay chỉ là tên mà người ta theo hình dung anh rồi đặt cho anh. Người ta gọi anh là Bờm bởi vì anh có những mớ tóc lòa xòa như Bờm ngựa. Điều này có thể đúng được vì ở nhà quê, tục gọi tên người theo hình dung là một tục rất thông dụng. Cho nên hai chữ

Thằng Bờm dùng một cách rất đúng và rất gọn đủ vẽ ra trước mắt chúng ta hình dung một anh chàng trai trẻ ngờ nghệch, một anh chần trâu hay làm công cho mọi người.

2) Có cái quạt mo.

Quạt mo là một thứ quạt làm bằng mo cau tìm ở đâu cũng có thể có được, không có gì đặc biệt, quý giá. Chúng ta phải gạt ra ngoài luận điệu cho rằng quạt mo này phải là một vật rất quý giá có phép màu gì lạ lùng, nên Phú ông mới thiết tha muốn đòi như thế. Lý luận theo cách đó sẽ làm cho bài này mất hết giá trị tâm lý của nó và sẽ không giăng nghĩa được kết cấu của vở kịch: Thằng Bờm chỉ lấy có một nắm xôi.

Vậy thì cái quạt mo bắt đầu câu chuyện. Thằng Bờm nhân vật chính thức nhất đã được trình bày. Bây giờ đến nhân vật thứ hai: Phú ông.

3) Phú ông: Phú là giàu, ông là tiếng xưng hô để gọi những người có tuổi được kính trọng, chỉ hai chữ Phú ông cũng đủ gợi cho ta cả một hình ảnh một người nhà giàu xứ quê lắm ruộng nhiều tiền, tin tưởng và kiêu hãnh về sức mạnh đồng tiền của mình, một người rất quen thuộc với chúng ta, nhân vật chính trong các truyện cổ tích mà chúng ta thường được nghe kể trong thời thơ ấu. Cũng như nhân vật trên Phú ông được trình bày bằng hai chữ gọn gàng đầy đủ.

B) Phần thứ nhì.— 1.) Tại sao Phú ông lại muốn cái quạt mo của thằng Bờm? Nếu bảo rằng mới trông thấy cái quạt mo lần đầu tiên mà Phú ông đã đem ba bò chín trâu ra đòi ngay thì có lẽ không đúng sự thực cho lắm. Có lẽ đã có một vài lần Phú ông thấy cái quạt hay hay muốn đòi thử chơi nhưng Bờm đã từ chối. Chính sự từ chối này đã kích thích lòng hiếu thắng của Phú ông và là nguyên nhân cho sự giăng co tiếp theo. «Vậy ra mình nhiều tiền, nhiều của như thế này, muốn có một cái quạt của thằng Bờm, một thằng khổ rách, áo ôm mà cũng không được ư? Đã thế ta sẽ đòi kỳ được cho mà xem». Lòng hiếu thắng này là một sự rất thường thấy ở các người giàu xứ quê. Kinh nghiệm đã chẳng cho ta thấy nhiều khi chỉ vì một sự hách khí nhỏ mọn mà có người bỏ ra biết mấy nghìn mấy vạn để có thể thủ thắng trong một cuộc tranh kiện thực ra không đưa lại một chút lợi lộc gì về vật chất. Cho nên, nếu có vì lòng hiếu thắng mà Phú ông dùng hết cách để lấy cho được cái quạt của thằng Bờm thì cũng là một sự tự nhiên nhất là khi thấy nó cứ kháng kháng từ chối. Có thể có một cách giải thích nữa, cho rằng Phú ông thấy thằng Bờm có vẻ tha thiết cái quạt quá thì thử chơi xem nó có đòi không? Có người cho rằng dù hiếu thắng đến đâu chẳng nữa. Phú ông cũng không bao giờ đại dốt đem nhiều tài sản ra đòi như thế. Nhưng nếu chúng ta là những người không giàu có gì lắm nên thấy ba bò chín trâu, ruộng sâu, ao cá là to, thì trái lại những thứ đó có nghĩa lý gì trong cái gia tài to lớn của Phú ông?

Hiểu như thế, ta sẽ hiểu một cách dễ dàng hơn tại sao Phú ông lại đem ba bò chín trâu ra đòi cho Bờm.

Ba bò chín trâu đối với Phú ông chắc không nghĩa lý gì, nhưng đối với Bờm cũng như với bất cứ người nhà quê nghèo nào khác đó là cả một tài sản, cái mộng rất thông

thường, cái mộng to lớn của người nhà quê làm ruộng. Phú ông cũng biết như thế nên chắc hẳn Bờm sẽ không từ chối.

2) Không ngờ : « Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu. »

Bờm từ chối bằng một giọng lửng-lơ nhùng-nhằng.

Chữ Bờm mà Bờm dùng để tự xưng cho ta biết rõ hơn là anh chàng này hay còn tính trẻ con, vì người nhớn mấy khi lại tự xưng tên mình ra, thứ nhất là ở nhà quê. Phú ông ngạc nhiên, và người đọc cũng ngạc nhiên không kém. Chà, đến ba bò chín trâu mà nó còn không đòi, thì nó còn đòi gì nữa. Mọi người chưng hửng, lạ lùng và càng muốn xem câu chuyện sẽ kết cục ra sao ? Bờm chỉ từ chối mà chẳng cho biết tại sao. Đó là một điều mọi người càng muốn biết lắm.

3) Phú ông vừa ngạc nhiên, vừa tức mình : Hay là nó không thích làm ruộng chăng. Hay nó thích an nhàn hơn, chỉ ngồi mà ăn không, không khó nhọc mấy. Thử cho nó một ao cá chẳng ? Ừ thì ao cá, nhưng cũng không phải là thứ ao cá thường :

Phú ông xin đòi ao sâu cá mè.

Đối với những người ở tỉnh cá mè có lẽ không được thích lắm. Nhưng đối với người nhà quê, cá mè là thứ cá được coi là quý vì vừa to vừa ngon. Ao sâu thì hẳn là nhiều thứ cá mà lại toàn là thứ cá mè. Hẳn nó thích mê đi chứ.

4) Lại một lần nữa, Bờm từ chối.

Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè.

Quạt vẫn không đòi được, và Phú ông càng gắng càng muốn đòi cho kỳ được. Không thích làm ruộng, không thích thả cá, chắc nó thích đi buôn : Thôi thì còn một bà gổ lim đưa cho nó xem sao.

5) Bờm vẫn từ chối, không ai hiểu vì sao.

Nhưng đến đây thì Phú ông hiểu rằng : Của cải không làm chuyển được lòng Bờm : thì ta tìm cho nó một thứ đồ chơi quý gì, mà nó thích chẳng ! Nhà thiếu gì đồ quý, nhưng quý nhất có lẽ là con chim bằng đòi mồi. Đòi mồi là một loài vật giống như con rùa, ba ba, mà người ta thường lấy mai dùng làm hộp, gọng kính, bán rất đắt tiền, và được người nhà quê quý lắm. Phú ông liền đề nghị một lần nữa.

Phú ông xin đòi con chim đòi mồi.

Bờm vẫn từ chối. Và lần này mọi người thực hoàn toàn không hiểu một tí gì về tính nết của Bờm. Tiền của không ham, đồ quý vật không muốn. Vậy muốn gì ? Riêng về phần Phú ông sự bực mình đến cực độ rồi vì không còn biết đem gì mà đòi nữa. Cái hay ở đây là ở chỗ, nếu chúng ta ở vào địa vị Phú ông thì chúng ta cũng không biết làm thế nào. Vì đã thử đi thử lại mãi, dùng hết cách để đánh vào tất cả các phương diện tâm lý Bờm, nào thử bằng của cải, nào thử bằng đồ chơi, cũng đều không ăn thua gì, Bờm hình như ở vào địa vị ưu thắng, nên không cần gì cả, cứ nhùng-nhằng trả lời trong khi Phú ông một điều xin, hai điều xin.

C) Phần thứ ba. — Giữa lúc mọi người đang băn khoăn đột nhiên thấy Phú ông đề nghị đòi một năm xôi. Không còn điều nào làm mọi người sững sốt như điều này vì từ chỗ ba bò chín trâu, ao sâu cá mè, con chim đòi mồi, mà xuống tới một năm xôi thì quả thực người ta lạ lùng cho Phú ông. Như thế là làm liều, làm hú họa vô ích, còn có hy vọng gì đạt đến kết quả. Có lẽ Phú ông cũng hiểu như thế, nhưng cứ đề nghị bừa đi vì không còn biết đề nghị gì nữa, cứ đề nghị chơi như thế thôi cũng chẳng còn hy vọng gì. Một lần nữa rồi thôi. Nhưng mọi người chưa kịp sững sốt, thì đã nghe một tiếng cười ròn rã, một tiếng cười khoan khoái nổi lên trong bầu không khí gay go, tiếng cười của một em bé thấy trúng ý mình. Hai chữ « Bờm cười » đến một cách nhanh nhẹn quá, đột ngột quá làm nổi bật hẳn câu cuối cùng lên trong khi những câu trên như chìm hẳn xuống, như đưa người ta vào một chỗ lúng túng không biết lối nào ra thoát. Hai chữ « Bờm cười » đã đến giải thoát Phú ông cũng như người đọc ra khỏi sự hồi hộp băn khoăn lúc trước, làm cho mọi người vừa sững sốt vừa vui thích. Vui thích vì vào lúc người ta không chờ đợi nhất thì lại thấy có kết quả, sững sốt vì không ngờ Bờm lại thích một cách quái gở như thế. Tất cả những điều trên đây được gây ra bởi âm điệu câu thơ, bởi cách ngắt câu :

Phú ông xin đòi năm xôi.

Đến đó câu thơ dừng lại trong khi mọi người quen với cái âm điệu các câu trên còn kéo dài nữa. Thì đột nhiên hai chữ « Bờm cười » nổi bật hẳn lên. Thật là bất ngờ, thật là đột ngột, thật là lạ lùng, không ai tưởng tượng đến cả.

Nhưng sau khi sững sốt vui thích thì người ta bắt đầu suy nghĩ. Tại sao thằng Bờm lại có thái độ kỳ lạ như thế ? Thật ra không có gì lạ cả.

Sở dĩ thái độ của Bờm cũng như của Phú ông có vẻ lạ kỳ là vì khán giả cũng như người đọc thường dựa vào những thái độ thông thường của mọi người mà xét đoán Bờm và Phú ông. Thái độ bỏ hết tiền này của họ ra để đòi lấy một cái quạt mo tầm thường không phải là điều ai cũng làm. Thái độ của Bờm từ chối hết cả các thứ đồ lấy có một năm xôi cũng không phải là điều thường thấy. Nhưng có biết đâu rằng Bờm là một người có căn gì của cải, căn gì đồ quý giá, thấy Phú ông đề nghị năm xôi là thứ mình đang thích, vừa gặp lúc đói chẳng hạn, thì thôi thôi chớ không cần suy nghĩ gì cả. Bờm không đòi vì Bờm không thích, thế thôi chứ chẳng cần suy nghĩ gì. Thích thì đòi, hợp ý thì đòi, không thích, không hợp ý thì thôi, chứ không cần nghĩ đến cái lợi. Đó là điều ít người hiểu được, nhất là vì xưa nay ở đời, có mấy người đã bỏ được cái lợi, bỏ những cơ hội có thể lợi to lớn cho mình. Chính vì Bờm đã không làm giống như mọi người cho nên mọi người mới ngạc nhiên. Năm xôi chỉ là đến đúng lúc thôi, chớ nếu đề nghị vào lúc khác, có lẽ Phú ông sẽ bị thất bại cũng nên. Nói tóm lại, vở kịch kết cấu một cách hết sức mau lẹ đột ngột, vấn đề đặt ra từ đầu được giải quyết một cách hợp lý. Nếu sự thành công của một vở kịch là ở chỗ làm cho khán giả hồi hộp ngay từ đầu, đi từ hết cái hồi hộp họ đến hồi hộp kia, làm cho óc mọi người bị căng thẳng theo dõi, làm cho trí tò mò bị kích thích mãi mãi, để rồi kết thúc một cách bất ngờ, hợp lý, làm cho mọi người vui thích và thỏa mãn, thì tấn

kịch nhỏ ở đây đã thành công hoàn toàn. Khán giả cũng như người đọc được đặt trước vấn đề rất nhanh chóng đưa từ cái ngạc nhiên nọ đến cái ngạc nhiên kia làm cho tình hình căng thẳng rồi đột nhiên kết thúc bằng một tiếng cười khoan khoái và thỏa mãn. Tác giả vô danh nào đó quả đã đạt được mục đích nếu mục đích là ở chỗ đó.

IV. Giá trị của bài ca-dao.—

Sau khi đọc xong bài này ta thấy :

1.— Tác giả vạch rõ cho ta những sự ước vọng thường thường của những người nhà quê : đó là ba bò, chín trâu, ao sâu cá mè, một bè gỗ lim. Những ai đã gần gũi các anh em ở nhà quê đều nhận rằng điều này rất đúng sự thật.

2.— Tác giả vạch cho ta rõ những cái thích kỳ lạ của một vài người giàu có ở nhà quê, tính cổ chấp hiếu hăng, kiên nhẫn của họ. Nếu ta hiểu là Phú ông thiết tha muốn đòi là vì thấy Bờm từ chối mãi nên thử xem Bờm có thể nói những gì, thì ở đây, tính tò mò của Phú ông cũng được mô tả rất rõ.

3.— Tác giả mở cho ta xem cái tâm lý của một hạng người nghèo khổ, nhưng cũng không tham lợi lộc, chỉ thích làm những điều mình muốn, thế thôi, những người sống một cuộc đời thản nhiên, đi cạnh cái lợi lộc của người đời. Những hạng người này không phải là không có ở nhà quê.

4.— Sự giằng co, trao đổi đã diễn ra trên một lập trường hoàn toàn bình đẳng : điều này chứng tỏ rằng nếu ngày nay cái quang cảnh áp bức bắt nạt của người giàu đối với kẻ nghèo là một việc thường thấy thì trong cái thời cổ xưa, cũng đã có một thời nào mà người nghèo cũng như người giàu đều tự do đối chác mua bán, chứ không có một sự cưỡng ép nào.

Và bây giờ, chúng ta chỉ có thể đứng trước hai thái độ :

1.— Nếu bạn đọc nhận với chúng tôi rằng ở nhà quê có những bọn người giàu có như Phú ông, có những người nghèo khổ bắt cần gì lợi lộc như Bờm thì bạn sẽ công nhận với chúng tôi là bài này đã cho ta một hình ảnh rất đúng và rất linh động của một phương diện nào trong cái đời sống cổ xưa của dân quê Việt-Nam, với những tâm lý khác thường, với những ước vọng tầm thường, với cái tính thản nhiên tự do, bình đẳng, dân chủ cổ hữu.

2.— Nếu bạn đọc cho rằng dân quê phần nhiều đều ham lợi, và những người như Phú ông và thằng Bờm không thể có được hay nếu có, chỉ là một trường hợp đặc biệt, thì bạn sẽ nhận rằng nếu vậy thì bài ca-dao này là cả những nỗi ước vọng thầm kín, hình ảnh của những thứ mà họ mơ ước, được xuất hiện dưới hình thức của những lời thơ.

Nhưng dù hiểu theo cách nào chăng nữa, thì chúng tôi tưởng đã chứng tỏ rằng bài ca-dao này cũng như các bài ca-dao khác đã phản ánh được một cách rất xác thực một phần nào đời sống tâm lý của dân quê, vì phản ánh đời thực hay phản ánh những ước vọng thì cũng thế thôi.

Kết-luận.— Qua những phần trên, chúng ta đã thấy bài ca dao này có một giá trị tâm lý rất hay, rất sâu sắc. Lời văn thật bình dị, dễ hiểu, linh động súc tích, gợi hình. Cho nên chúng ta có thể kết-luận rằng bài này là một bài có giá trị về phương diện tư-tưởng cũng như về phương diện văn chương.

THỂ LỤC BÁT

Định nghĩa :

Lục bát là thể văn vần gồm những câu sáu chữ và tám chữ. Bài văn làm theo thể này, dài ngắn không nhất định nhưng bao giờ cũng bắt đầu bằng câu sáu và kết thúc bằng câu tám. Lục bát là một thể văn vần rất phổ thông, có tính cách thuần túy Việt Nam. Thể văn này thường được dùng trong ca dao và các truyện nôm cổ là những sáng tác văn nghệ của lớp người bình dân Việt-Nam.

Cách hiệp vần trong thể lục bát :

Thơ gồm có những vần ở cuối câu (cước vận). Thơ có thể làm theo vần trắc. Trái lại vần trong thể lục bao giờ cũng là vần bằng và gồm hai loại : vần ở cuối câu và vần ở giữa câu (yêu vận).

Cách hiệp vần trong thể lục bát có thể tóm tắt như sau : Chữ cuối của câu 6 vần với chữ thứ 6 của câu tám. Và chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối của câu 6 tiếp theo. Cách hiệp vận cứ như thế mà tiếp mãi. Thí dụ :

Ngày ngày em đứng em trông

Trông non, non ngắt, trông sông, sông dài

Trông mây mây kéo ngang trời

Trông trăng, trăng khuyết, trông người người xa.

(Những vần trong bốn câu lục bát trên đây được in bằng chữ đậm).

Luật bằng trắc trong thể lục bát.

Văn lục bát đọc lên nghe có nhịp điệu riêng sờ dĩ như vậy cũng vì cách xếp đặt các thanh âm bằng trắc theo một lối riêng. Ngoài phép hiệp vần đã nói ở trên, về luật bằng trắc trong thể lục bát chỉ cần nhớ như sau :

a) Chữ thứ 4 của bất luận câu sáu hay câu tám, bao giờ cũng phải là trắc.

b) Chữ thứ 6 và thứ 8 của câu tám tuy cùng âm bằng nhưng phải có hai thanh khác nhau. Nếu chữ thứ 6 là đoạn bình thanh (tiếng không có dấu) thì chữ thứ 8 phải là trường bình thanh (tiếng có dấu huyền). Và ngược lại. Thí dụ :

Đổng Đổng có phổ kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh.

Tiểu công bác mẹ, sinh thành ra em.

(Những chữ : phổ, thị, Lạng, mẹ đều là chữ thứ tư trong câu và có âm trắc.

Chữ chùa và thanh ở câu 8 cùng là bằng nhưng «chùa» là trường bình thanh và «Thanh» là đoạn bình thanh).

Cách ngắt giọng trong thể lục bát.

Mỗi thể văn vần có một cách đọc riêng. Khi đọc văn lục bát, cứ sau hai chữ một

ta phải dừng lại và ngắt giọng tại đó. Do cách ngắt giọng như vậy và cách gieo vần mà toàn là vần bằng nên bài văn lục bát đọc lên nghe đều đều và du dương một cách nhẹ nhàng.

Tuy nhiên đôi khi muốn nhấn mạnh vào một hình ảnh hay một ý tưởng hoặc để so sánh những hình ảnh và ý tưởng ấy, tác giả có thể đem vào câu sáu hoặc tám những vết đối nhau khiến cho nhịp điệu của câu văn cũng phải thay đổi cho hợp với ý. Thí dụ :

Mai cốt cách		tuyệt tình thần
Tuần trăng khuyết		đĩa dầu hao
Mặt mờ sương mặt		lòng khao khát lòng

(Đọc mấy câu này phải ngắt giọng ở chữ thứ 3 câu sáu và chữ thứ 4 câu tám).

Biến thể của lục bát.

Thề này gồm những câu sáu chữ và tám chữ nhưng không theo đúng cách hiệp vần luật bằng trắc và cách ngắt giọng như trên.

Trong thề này, vần, vẫn là vần bằng nhưng chuyển từ chữ cuối của câu 6 xuống chữ thứ 4 của câu tám. Chữ thứ 4 của câu 6 trong thề này có thể là một chữ có âm bằng. Thí dụ :

Thủa ấy có vua thủy **Thần**
 Uy dũng vô **ngần**, tiếng nói như **chuông**.
 Treo lên cây búi hái **hoa**.
 Bước xuống vườn cà hái nụ **tầm xuân**.
 (Thần vẫn với **ngần**, hoa vẫn với **cà**).

Nguồn gốc của thể lục bát.

Lục bát xuất hiện trong dân gian và là thể văn thông dụng nhất. Các câu ca dao, câu hát, câu hò ghi lại được cuộc sống vật chất và nếp sống tình cảm của dân tộc ta, hầu hết làm theo thể lục bát.

Ta cũng cần nhận xét rằng trước khi tới hình thức lục bát thuần túy, có khi số chữ trong câu ít hơn hay nhiều hơn là 6 chữ hay 8 chữ. Tuy nhiên cách hiệp vần vẫn không thay đổi nên tuy số chữ có thay đổi mà nhịp điệu của câu văn, vẫn là nhịp điệu của thể lục bát. Thí dụ :

- (4) Chữ viễn là xa
- (10) Anh với em cách trở tại mẹ **cha** không đành
- (7) Cúc đương xanh sao cúc với **tàn**
- (11) Kiềng đường xanh sao kiềng héo tôi hỏi **nàng** tại ai ?
- (7) Cây khô kia há dễ mọc **chồi**
- (10) Bác mẹ già chưa dễ có ở **đời** với ta
- (9) Trăm thức hoa đua nở về tiết **tháng giêng**
- (8) Có bông hoa cội nở **riêng** tháng mười

- (7) Buồm ra khơi, giọt lệ **thở than**
- (10) Nước mắt hồng mưa ướt nỗi **đoạn trường** ai hay
- (7) Con kinh xanh nước chảy **không cùng**
- (11) Qua với **bậu**, biết bao giờ lại **trùng** **phùng** gặp **nhau**.

Nhận xét này cho ta thấy rằng lối văn lục bát, công trình sáng tác của dân chúng qua nhiều thế hệ đã được gọt dũa lần lần để trở thành một thể văn vần đặc biệt, có thể tiêu biểu cho khiếu âm nhạc của dân tộc ta, thiên về thứ âm nhạc uyển chuyển dịu dàng với những thanh âm được xếp đặt cân đối.

Kết luận.— Thề lục bát là một thể văn vần giản dị nhất. Luật bằng trắc và cách hiệp vần không phức tạp như trong các thể thơ hay văn vần khác. Do đó mà ai cũng làm được văn lục bát và làm bất cứ trong trường hợp nào : bài ca, bài hát, truyện, nhật ký cho đến bài quảng cáo, thầy thầy đều có thể làm bằng văn lục bát. Văn lục bát tuy nhiều vậy mà những bài có giá trị thật là hiếm, còn những bài vô giá trị, người ta thường kêu một cách chê bai là vè, thì đầy rẫy. Văn lục bát làm cho hay thực là khó, vì muốn vậy người làm văn không những phải dùng chữ cho điều luyện uần súc mà còn phải phô diễn những ý tưởng thật là đặc biệt nữa.

Thực vậy, ta hãy xét hai câu văn lục bát tả mùa xuân của Nguyễn-Du như sau :

Cỏ non xanh tận **chân** trời
 Cảnh **lê** trắng điểm một vài **bông** **hoa**

Ta thấy lời và ý đều đẹp. Nay nếu cũng cảnh xuân mà diễn tả vụng về quê kệch hơn thì câu văn lục bát sẽ trở thành «vè» ngay. Thí dụ :

Mùa xuân cây cỏ **xanh** tươi
 Biết bao **hoa** lá được **thời** mọc ra

Tuy cùng làm theo thể lục bát, cùng diễn tả một đề tài là mùa xuân, mà hai câu này so với hai câu trên thật là kém xa về ý cũng như về lời.

VÀI NHẬN - XÉT VỀ THƠ ĐƯỜNG

Trong chương trình Việt-văn Đệ-Lục, học sinh bắt đầu phải đọc một số tác giả làm thơ Đường như Lê-thánh-Tôn, Bà huyện Thanh-Quan, Nguyễn-khuyến, Phan-thanh-Giản. So với các thể văn vần khác như lục bát hay song thất lục bát, thơ Đường phức tạp hơn nhiều.

Lối thơ này xuất hiện từ đời Đường bên Trung-Hoa khác với lối thơ cũ gọi là thơ Cổ-phong hay Cổ-thể. Thơ Cổ-phong không phải theo những luật lệ chặt-chẽ về cách xếp chữ bằng trắc và cách dàn ý. Thơ Đường trái lại phải theo những quy tắc nhất định. Những quy tắc này làm cho câu thơ có âm điệu hơn và ý tứ liên lạc với nhau chặt chẽ hơn. Thơ Đường đã du nhập xứ ta trong thời kỳ nước ta chịu ảnh

hường của văn hóa Trung-Hoa. Lối thơ này đã được dùng trong khóa-cử và được các nhà nho ngâm vịnh, xướng họa.

Ngoài các luật lệ về hình thức câu thơ, ý trong câu thơ lại còn cần phải đặc sắc. Muốn xét một bài thơ Đường cần phải xét đến luật thơ và tứ thơ.

A) **Luật thơ** — Luật thơ gồm tất cả những nguyên tắc về cách chọn vần, xếp chữ bằng trắc, phép đối và cách bố cục. Tất cả các nguyên tắc này đều nhằm mục đích làm cho bài thơ đọc nghe có âm điệu hay mà ý tứ lại súc tích. Các luật lệ này ta có thể nhận thấy trong một bài thơ bảy chữ tám câu (thất ngôn bát cú) là lối thơ Đường thông dụng nhất.

Một bài thơ mẫu :

TỰ - TRÀO

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy chẳng béo chỉ làng nhàng.
Cờ đương dở cuộc, không còn nước,
Bạc chưa trâu canh đã chạy làng.
Mở miệng nói ra gân bát sách,
Miệng môi chen mãi tít cũng thang.
Nghĩ mình cũng gớm cho mình nhĩ?
Thế cũng bìa xanh, cũng bằng vàng.

Nguyễn-Khuyến

a) **Vần**.— Trong bài thơ trên những chữ *sang, nhàng, làng, thang, vàng*, là vần. Vần ở đây là vần bằng. Xem như vậy trong một bài thơ tám câu có năm vần. (Chữ cuối câu thứ nhất, câu thứ nhì, câu thứ tư, câu thứ sáu và câu thứ tám).

Một bài thơ Đường có thể làm theo vần trắc ; Thí dụ : (Bài vịnh Lăng Tam chế của Lê-thánh-Tôn).

Bóng ác non đoài nom xẽ xẽ
Bồng đầu đã tới miền Tam-chế v.v...

Trong hai bài thơ : Tự-Trào và Lăng Chế, các vần đều cùng một âm và rất hợp nhau. Trái lại đôi khi các vần trong một bài thơ không phù hợp nhau. Thí dụ : chữ *làng* mà vần với *xinh* là lục vận, chữ *hoàng* mà vần với *vương* là ép vận.

b) Luật bằng trắc trong một câu thơ :

Đọc câu đầu bài «Tự-Trào» ta thấy chữ *chẳng* (cũng chẳng) và chữ *chẳng* (chẳng sang) đều là chữ trắc cả. Chữ *chẳng* trên là chữ thứ 2 và chữ *chẳng* dưới là chữ thứ 6 trong câu thơ bảy chữ.

Đọc câu thứ hai cũng trong bài thơ đó ta thấy chữ *gầy* và chữ *làng* là hai chữ bằng và cũng là chữ thứ 2 và chữ thứ 6, trong câu thơ bảy chữ. Đọc những

câu thơ khác, trong bài ta đều nhận thấy điều này : chữ thứ 2 và thứ 6 trong một câu thơ 7 chữ bao giờ cũng giống nhau hoặc bằng cả, hoặc trắc cả. Ngoài ra chữ thứ 4 trong một câu thơ 7 chữ bao giờ cũng phải trái với chữ thứ 2 và chữ thứ 6 nghĩa là nếu chữ thứ 2 và chữ thứ 6 là bằng thì chữ thứ 4 phải trắc, hay trái lại nếu chữ thứ 2 và chữ thứ 6 là trắc thì chữ thứ 4 phải là bằng.

Đó là luật bằng trắc trong thơ Đường. Nhờ có cách xếp đặt như vậy nên câu thơ Đường có âm điệu riêng và khác hẳn câu nói thường. Trái lại câu nói thường mà đặt theo luật thơ Đường thì lại có âm điệu của một câu thơ Đường và về hình thức câu văn, đó là một câu thơ Đường.

Thí dụ : Những câu

Nhiều người trong lớp chẳng chịu nghe,
Anh kia đi đâu cấp sách đây ;
Xiên qua cửa sổ ánh nắng vào.
Thời giờ trôi nhanh như chim bay

Đều là những câu nói thường và gồm 7 chữ. Những câu đó sẽ trở thành những câu thơ Đường, có âm điệu của thơ Đường nếu ta xếp đặt những chữ bằng trắc theo đúng luật thơ :

Trong lớp nhiều người chẳng chịu nghe,
Anh kia cấp sách đi đâu đây
Ánh nắng xiên qua cửa sổ vào.
Thời giờ thắm thoát như Chim bay v.v...

Làm thơ mà không theo đúng cách xếp đặt các chữ bằng trắc theo quy tắc trên gọi là thất luật. Câu thơ thất luật, đọc lên nghe như câu nói thường. Thí dụ trong hai câu thứ 4 và thứ 6 bài Tự Trào nếu làm cho thất luật nghĩa là đổi chữ *chưa* (trắc) thành *chưa* (bằng) và *miệng* (trắc) thành *mồm* (bằng). Thì 2 câu thơ đó sẽ đổi ra là :

Bạc chưa trâu canh đã chạy làng
Mở mồm nói ra gân bát sách

Trong bài thơ «Tự Trào» chữ thứ nhì và thứ 6, câu đầu là những chữ trắc. Bài thơ như vậy là làm theo luật trắc : Trái lại nếu chữ thứ 2 và thứ 6 câu đầu bằng thì bài thơ đó làm theo luật bằng.

C) **Niêm**.— Trong bài «Tự Trào» ta thấy chữ thứ nhì và chữ thứ 6 câu đầu chữ thứ nhì và chữ thứ 6 câu 8 đều là trắc cả. Câu thứ 2 và thứ 3, câu thứ 4 và thứ 5, câu thứ 6 và 7, đều là cứ 2 câu một mà luật bằng trắc giống nhau : sự liên lạc đó giữa các câu thơ trong một bài thơ Đường gọi là niêm. Sự liên lạc theo một cách xếp đặt nhất định như vậy làm cho những câu thơ trong bài phù hợp với nhau và làm cho toàn bài có một âm điệu riêng. Niêm có thể tóm tắt trong hai bảng sau đây :

1) Niêm trong một bài thơ luật bằng.

Câu thứ	1	chữ thứ 2.	B	chữ thứ 6.	B
2			(T	(T	
3			(C	(C	
4			(T	(T	
5			(B	(B	
6			(C	(C	
7			(B	(B	
8			(T	(T	
			B	B	

2) Niêm trong bài thơ luật trắc.

Câu thứ	1	chữ thứ 2.	T	chữ thứ 6.	T
2			(B	(B	
3			(B	(B	
4			(T	(T	
5			(T	(T	
6			(B	(B	
7			(B	(B	
8			T	T	

Một bài thơ mà không đúng theo *niêm* gọi là thất *niêm* và khi đọc lên nghe ngang tai. Thí dụ, trong bài «Tự Trào» nếu ta đảo lộn các câu làm cho bài thơ thất *niêm* thì khi đọc lên nghe những câu thơ chìm hẳn xuống :

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang
Bạc chứa trâu canh đã chạy làng
Mở miệng nói ra gần bát sách
Thế cũng bia xanh cũng bằng vàng ...

D) Cách bố cục trong một bài thơ Đường

Những ý trong một bài thơ Đường liên lạc với nhau rất chặt chẽ :

Hai câu đầu gọi là *phá đề thừa đề* có mục đích gợi ra một ý bao quát về đầu đề. Như trong bài «Tự Trào» chẳng hạn, hai câu đầu đã có ý hài hước : Tác giả cho ta biết một cách lưng chừng về hoàn cảnh xã hội và hình dáng của mình (Chẳng giàu, chẳng sang, chẳng béo...).

Sau hai câu đầu là hai câu *thực*, câu này đối nhau (nghĩa là chữ bằng đối với chữ trắc, danh tự đối với danh tự, động tự đối với động tự, ý đối với ý v.v...) :

Hai câu *thực* quan trọng nhất trong bài thơ Đường và giải thích rõ ý của đầu đề. Trong bài Tự Trào hai câu *thực* :

Cờ đương dở cuộc không còn nước
Bạc chứa trâu canh đã chạy làng.

Cho ta thấy hai hành động ngang bướng của tác giả. Những hành động ấy, chính thi sĩ cũng cảm thấy và tự mình buồn cười mình. Hai câu đó đã thích *thực* được rõ ý Tự Trào trong đầu đề.

Hai câu sau là hai câu *luận* cũng đối nhau và có mục đích bàn rộng ý của hai câu *thực*.

Hai câu kết là hai câu cuối và tóm tắt tất cả các ý đã diễn ở trên nhưng lại gợi thêm cho người đọc một ý nghĩ rộng rãi hơn tất cả những ý đã diễn trong bài thơ : Trong bài thơ «Tự Trào» hai câu kết :

Nghĩ mình cũng góp cho mình nhĩ
Thế cũng bia xanh cũng bằng vàng.

Cho ta thấy thi-sĩ tự mình lấy làm lạ rằng mình lại có nhiều tính gần dở như vậy mà vẫn không ai dám bài bác mình. Thế thì mình cũng thấy mình đáng buồn cười thật. Ý này tóm tắt được các ý trên, nhưng ý của câu cuối cũng lại rộng rãi mà mới mẻ hơn : thi-sĩ đã tự mình thấy mình đáng buồn cười thế mà thiên hạ không những không chê trách mà lại còn trọng vọng (bia xanh, bằng vàng) như thế chẳng hóa ra người đời cũng đáng buồn cười lắm sao ?

B) **Tứ thơ.**— Một bài thơ không những phải có âm điệu hay mà lại còn phải có ý hay nữa. Tất cả những ý hay trong một bài thơ gọi là *tứ thơ*. *Tứ thơ* là những ý đặc sắc có thể gợi cho ta những hình ảnh đẹp, những thanh âm đẹp, những cảm giác hay, những ý nghĩa sâu sắc, những tình cảm thanh thú, nhẹ nhàng hay bi ai chua xót v.v...

Tóm lại một ý thơ là một ý đã được chọn lọc và trình bày dưới một hình thức dễ gợi cảm nhất.

Thí dụ :

Câu «về mùa thu lá vàng rụng khi gió thổi» tả được đặc tính của mùa thu nhưng chưa phải là ý thơ vì chưa gợi cảm. Trái lại câu «Lá vàng trước gió sẽ đưa vào» có nhiều ý thơ vì đã gợi cho ta những hình ảnh và những thanh âm đặc sắc nhất của mùa thu.

Các bài thơ trích của các tác-giả làm thơ Đường trong phần này sẽ cho ta một ý niệm rõ hơn và trực tiếp hơn về ý thơ.

BÍCH CẦU KỲ NGỘ

«Bích cầu kỳ ngộ» là một tập văn kể sự tích một người học trò về Triều Lê, tên là Trần Tú Uyên gặp một nàng Tiên ở đất Bích-Cầu. Hai người sau lấy nhau rồi cùng lên cõi tiên ở.

Tập này gồm có 648 câu viết theo thể lục bát. Tác giả đến bây giờ cũng chưa biết rõ là ai. Có người cho là của bà Nguyễn-thị-Điễm nhưng điều đó cũng chưa lấy gì làm chắc chắn. Lời văn trong tập Bích-Cầu nhiều khi bay bướm chải chuốt không kém gì lời văn trong truyện Kiều. Về ý tứ tác giả cũng có nhắc đến những điển tích văn chương cổ Trung-Hoa. Như vậy chúng ta có thể chắc được rằng tác giả Bích cầu kỳ ngộ thuộc vào giai cấp thượng lưu trí thức trong xã hội ta thời bấy giờ.

Truyện có thể chia làm sáu đoạn như sau này :

- 1.) Từ câu 1 đến câu thứ 9 : Đoạn mở đầu.
- 2.) Từ câu 9 đến câu 70 : Cảnh Bích cầu, tính-tình và gia cảnh Tú-Uyên.
- 3.) Từ câu 70 đến câu 272 : Tú-Uyên đi chơi đền Ngọc Hồ gặp người đẹp về sinh ốm tương tư.
- 4.) Từ câu 273 đến câu 430 : Tú-Uyên cầu thần, mua tranh rồi lấy được người tiên.
- 5.) Từ câu 430 đến 548 : Tú-Uyên rượu chè, nàng Tiên bỏ đi.
- 6.) Từ câu 548 đến câu 648 : Nàng Tiên lại trở về với Tú-Uyên và sinh được một con gái đặt tên là Chân-nhi. Sau hai vợ chồng cùng cưới hạc bay lên cõi tiên.

Sau mấy câu mở đầu, tác giả tả đến cảnh Bích-Cầu, nơi Tú-Uyên ưa mến và chọn làm nhà ở.

► 35.— CẢNH BÍCH CẦU

Thành Tây có cảnh Bích Cầu (1)
 Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao ?
 Đua nhau thu cúc xuân đào.
 Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông.
 Xanh xanh đầy liễu ngàn thông.
 Cỏ đan lối mực (2) rêu phong dấu tiêu (3)
 Một vùng non nước dịu huu
 Phất phơ gió trúc, dặt dìu mưa hoa.
 Triều Lê đang hội thái hòa.
 Có Trần công-tử tên là Tú-Uyên, (4),
 Phúc lành nhờ ăm xuân huyền,
 So trong tài mạo kiêm tuyển cả hai,
 Thông minh sẵn có tư trời,
 Còn khi đồng ầu mãi vui cửa Trình (5)
 Trái xem phong cảnh hữu-tình
 Lâm tuyển (6) pha lẫn thị thành mà ưa.
 Liên khu giùm một lầu thơ.
 Lau già chắn vách trúc thừa rả rèm
 Mãi vui phách suối ca chim,
 Nửa song đèn sách bốn thêm gió giảng.
 Cửa chung lưu loát đầu bằng,
 Chứa kho vàng cúc chắt từng tiền sen (7)
 Khấp so trong cõi ba nghìn (8)
 Yên hà riêng nửa lâm tuyển chung đôi.
 Thú vui bè bạn thêm vui
 Khấp trong bể thánh (9) đủ ngoài rừng tao (10).

CHÚ THÍCH :

(1) Bích Cầu : Tên một cái hồ ở phía Tây Hà-nội. (2) Mực : chần giữ súc vật, đây chỉ lối đi của trẻ chần trâu bò. (3) Tiêu : đốn củi, đây chỉ người đốn củi. (4) Tú-Uyên : tên một ẩn sĩ về cuối đời Lê nhà ở bên hồ Bích Cầu. (5) Cửa Trình : đây chỉ Trình-y-Xuyên, Chu-hối Am, hai nhà đại nho đời Tống bên Tàu : Cửa Trình chỉ nơi dạy đạo Thánh hiền. (6) Lâm tuyển : Lâm là rừng, tuyển là suối, ý nói cảnh tịch mịch. (7) Tiền sen : lá sen tròn hình như đồng tiền. (8) Cõi ba nghìn : đây chỉ cõi mịch. (9) Bể thánh : đây chỉ cõi tiên. (10) Rừng tao : đây chỉ rừng núi.

đời. Theo thuyết nhà Phật thì vũ-trụ nhân hoàn gồm có một nghìn tiểu thiên thể giới, một nghìn trung thiên thể giới và một nghìn đại thiên thể giới. (9) Bề thánh : chỉ đạo học của thánh hiền rộng như bề và nhiều người theo. (10) Rừng Tao : Tao là bài văn Ly Tao của Khuất-nguyên người nước Sở làm ra. Lời văn rất thanh cao nhân đó những người hay văn chương sau này đều gọi là tao nhân. Rừng Tao ở đây cũng nghĩa như vậy.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn.— Một đoạn văn mở đầu đề giới thiệu khung cảnh và nhân vật chính trong truyện cốt cho độc giả hiểu rõ những điều sẽ xảy ra về sau này.

- 1) Tìm ba đoạn trong bài.
- 2) Đoạn đầu là đoạn tả cảnh Bích Câu : Tác giả đã dùng những hình ảnh nào để tả cảnh đó ? Khảo sát các màu sắc trong đoạn văn tả cảnh này.
- 3) Chứng tỏ rằng cảnh Bích Câu là một cảnh đẹp thanh thú nhẹ nhàng xinh xắn như bức tranh thủy mặc mà không phải là một cảnh hùng tráng.
- 4) Trong đoạn hai và đoạn ba, tác giả đã cho ta biết về giòng dõi và tính tình của Tú-Uyên : Tú-Uyên thuộc vào loại hạng người nào ? tính tình của Tú-Uyên có quan hệ đến câu truyện sau này không ?

5) Đoạn văn trên là một đoạn văn gợi hình và đầy ý thơ : chứng tỏ : (Cò họa ... lời mục ... đầu liễu v.v....)

- II. Luận áp dụng.— 1) Tả một cảnh thôn trang ;
2) Tính tình một người ưa cảnh đẹp thiên nhiên.

► 36.— TÚ UYÊN GẶP TIÊN

Ngọc-Hồ có đám chay tăng
Nức nở cảnh Phật tượng bưng hội xuân.
Đẩy thêm tài tử giai nhân,
Ngón ngang mã tích xa trần (2) thiếu ai.
Thường xuân sinh cũng dạo chơi,
Thor lưng lửng túi rượu vơi vơi bầu.
Mảng xem cây Phạn thú màu (3)
Vừng kim ô đã gác đầu non Tây,
Tiệc thôi ai nấy cùng về,

80 Gió chiều lay bóng hoa lê già già.
Bên cầu đàn lũ năm ba,
Thần tiên trước mặt ai là kẻ hay.

Sinh vừa tựa liễu nương cây.
Lá hồng (4) đầu đã thổi bay lại gần.
Mắt coi mới tỏ dần dần.
Mây dòng chữ viết ba vắn bốn câu.
Trông hoa lặng ngắt giờ lâu.
Ầy ai thả lá (5) doanh châu ghẹo người !
Hằng toan họa lại mây nhời

70 Gió hương đầu đã bay hơi nồng nàn,
Thấy người trước cửa Tam quan.
Theo sau ba bảy con hoàn (6) nhớn nhoe,
Lạ lòng con mắt người thơ.
Hoa còn phong nhị, giăng vờn tròn gương.
Rành rành xuyên ngọc thoa vàng.
Quần hồng tha thướt y trang (7) lượt là.
Rõ ràng nét ngọc mây hoa.
Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng gò.

100 Gắn xem về mặt thêm tươi.
Mùi hương thoảng thoảng thơm rơi ít nhiều.
Làn xuân lóng lánh đưa theo.

202 Giai nhân gọi chút bấy nhiêu cũng tình.

CHÚ THÍCH.— (1) Ngọc Hồ : tên một ngôi chùa ở về phía Tây Hà-Nội nay là chùa Bà Ngô ở Sinh Từ gần Giám. (2) Mã tích, xa trần : tích là dấu vết, trần là bụi ; chân ngựa, bụi xe, ý nói sự nhộn nhịp. (3) cây Phạn thú màu : Cây Phạn là một cột cao, các chùa khi làm chay hay vào hội thường dựng lên ; thú màu là sự vui vẻ ở nơi cửa Phật. Cây Phạn thú màu đây chỉ sự vui nô nức cảnh Phật kia có hội (4) Lá hồng : lấy ở chữ hồng điệp xích thẳng nghĩa là lá thắm chỉ hồng đề chỉ việc nhân duyên. Lá hồng ở đây chỉ tờ thiệp đề đề thơ ngày xưa thường gọi là tờ hoa tiên. (5) Thả lá doanh châu : lấy ở tích người Vu-Hựu đời Đường có bắt được cái lá đỏ trôi từ trong cung vua trôi ra trên lá có đề thơ, Vu Hựu đã thơ vào lá ấy rồi thả xuống dòng sông, lá lại trôi vào trong cung. Cung nhân là Hàn thị bắt được. Sau hai người lấy nhau.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn.— Một đoạn văn thuật ký và tả cảnh : Cảnh Ngọc Hồ nô nức khi vào hội ; cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa Tú-Uyên và người con gái đẹp.

1) Bài này có thể chia ra làm ba đoạn ; Cảnh Ngọc Hồ khi vào hội ; Tú-Uyên thấy có lá đề thơ ghẹo mình ; Tú-Uyên gặp người đẹp. Những đoạn đó phù hợp với

những câu nào trong bài? Tác giả theo thứ tự nào trong cách bố cục bài này? (Tú Uyên xem hội sắp về thì thấy có bức thơ hồng ghẹo mình ... rồi)

2) Tú Uyên gặp Tiên trong trường hợp nào? Bức thơ hồng có nhiệm vụ gì ở đây? Bức thơ hồng gợi lòng tò mò của Tú Uyên và của độc giả: Tại sao?

3) Câu «Trông hoa lặng ngắt giờ lâu» tả được trạng thái tâm lý của Tú Uyên: Ta có thể đoán được trạng thái tâm lý và dáng điệu của Tú Uyên qua câu này không?

4) Trong đoạn cuối, tác giả tả người đẹp: khảo sát đoạn văn đó. Qua đoạn tả người này ta thấy giai nhân ở đây đã là một tiên nữ chưa? Người tiên ở đây có nhiều chỗ giống người thường: chứng tỏ.

5) Câu «Làn xuân lóng lánh đưa theo» đặt ở đoạn cuối diễn được trạng thái tinh thần nào của người thiếu nữ? Thái độ của người thiếu nữ có ảnh hưởng gì đến Tú Uyên?

6) Vai chủ động trong đoạn này là người thiếu nữ: chứng tỏ điều đó.

7) Đoạn văn này linh động và gợi hình.

(Ngồn ngang mã tích xa trần; Bên cầu đàn lũ năm ba v.v...)

II. Luận áp dụng. — 1) Tả một đám hội ở chùa làng anh.

2) Thuật lại cuộc gặp gỡ trong bài bằng văn xuôi.

Sau cuộc đi chơi Ngọc-Hổ về, Tú Uyên sinh ra ốm trạng tư. Chàng bèn đi cầu thần ứng mộng. Nghe lời thần ứng, Tú Uyên ra đọi ở Cầu-Đông (nay là Phở hàng Đường Hà-nội) và mua được một bức tranh vẽ người con gái giống người đã gặp ở Ngọc-Hổ. Về nhà, Tú Uyên treo tranh và ngày ngày tới bữa cơm thường sắp hai đôi đĩa, hai cái bát và mời người trong tranh cùng ăn. Một hôm, trời sang thu, Tú Uyên than thở cùng tranh.

► 37. — TÚ-UYÊN THAN THỞ VỚI TRANH

303

Êm trời vừa tiết sang thu,
Ngàn sương chắt bạc, lá ngô rụng vàng.
Ghiêu thu như gửi tâm thương,
Lòng đâu trông xuống sông Tương (1) mà đành.
Kể bên năn nỉ bày tình.
Nỗi nhà thuở trước, nỗi mình ngày xưa.
«Từ phen giáp mặt đến giờ,
Những là thức tưởng, thăm mơ đã chồn !

320

Ấy ai điểm phấn tô son,
Để ai ruột héo gan mòn vì ai,
Buồng đào nửa bước chẳng rời.
Nghìn vàng đổi được trận cười ấy chẳng?
Rày xin bẻ khóa cung giăng
Vén mây mờ mặt chị Hằng chút nao.
Chợt nghe phơ phớt miệng đào.
Mặt hoa hớn hở mừng chào chúa đông (2).
Cho hay tình cũng là chung.

239 Khách tiên chưa dễ qua vòng ái ân.

CHÚ THÍCH

(1) Sông Tương: tên một con sông ở tỉnh Hồ-nam bên Tàu. Ý nói sự xa cách nhau mà không được gặp sinh ra trong lòng tưởng nhớ nhau.

(2) Chúa đông: dịch ở chữ đông-quân chỉ gió mùa xuân. Chúa đông ở đây cũng ám chỉ người tài trai.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn: một đoạn văn đối thoại với ảnh có thể coi như một tấn kịch nhỏ, động tác chính là lòng sầu thương của Tú Uyên, kết cấu là nụ cười của người trong tranh.

1.) Bài này gồm bốn đoạn: cảnh trời sang thu làm cho lòng người buồn rầu; Tú Uyên than thở cùng tranh; người trong tranh mỉm cười; ý nghĩ. Mỗi đoạn phù hợp với những câu nào trong bài?

2.) Cảnh trời sang thu có ảnh hưởng đến tâm trạng của Tú Uyên: Tại sao?

3.) Khi Tú Uyên năn nỉ bên tranh, chàng có hy vọng sẽ gặp người tiên: Tại sao? (nhớ lại những truyện đã xảy ra trước kia).

4.) Những câu nào tỏ rằng Tú Uyên là một gã si tình? Từ phen giáp mặt... Ấy ai điểm phấn tô son... v.v...)

5.) Những nhân vật chính trong đoạn này là những ai? Những chi tiết nào cho ta thấy người trong tranh cũng có một linh hồn?

6.) Khảo sát câu văn tả mùa thu: «ngàn sương chắt bạc lá ngô rụng vàng» và câu tả người đẹp mỉm cười: «chợt nghe phơ phớt miệng đào». Tìm giá trị những chữ gợi hình trong hai câu đó.

II. Luận áp dụng: Một hôm trời sang thu, anh đi học xa nhớ tới quê nhà; hãy tả cảnh hôm đó và nói cảm tưởng do cảnh thu gây ra.

Sau hôm than thở với người trong tranh thì cứ ngày ngày đi học về Tú-Uyên đã thấy cơm nước sẵn sàng. Sinh nghi, một hôm chàng bèn đứng rình ở một chỗ và thấy người con gái ở trong tranh hiện ra nguyên hình, chàng liền chạy lại đề tự tình. Nàng nói nàng là Giáng-Kiểu ở trên cung tiên xuống để kết duyên cùng chàng. Giáng-Kiểu bèn làm phép cho toà nhà cô trở thành một lầu đài lộng lẫy nguy nga. Hai người lấy nhau được ba năm, Tú-Uyên sinh ra ham mê rượu chè. Giáng-Kiểu khuyên ngăn không được, bèn bỏ đi.

► 38.— NÀNG TIÊN BỎ ĐI

447 Thôi ngày chán lại đêm sầu
Cạn chung Lý-Bạch (1) nghiêng bầu Lưu linh (2).
Ma men quanh quẩn bên mình,

450 Cho hoa hết thắm, cho bình nhạt hương !
Mãi mê say tình tâm trường.
Liệu bài nàng lại tìm đường van lơn.
Trái tai và lại giữa gan.
Đang tay nữ dập hoa tàn tả tơi !
Giải đồng (3) đứt hẳn làm đôi,
Cánh bèo theo ngọn nước trôi cũng rầu !
Nàng càng tâm tã tuôn châu.
Ngán nhân tình khéo ra mầu thắm phai !
Rằng : « Tôi đã quá nghe lời.

460 Xin lòng nghĩ lại một hai kéo má»
Sinh đương vui chén la đà
Vấn vợ tính quý hờn ma biết gì.
Nói thôi, nói những chi chi
Ngà ra tiếng nặng gieo về giọng say.
Nàng rằng duyên thắm xưa nay,
Thương ôi nước đổ bốc đầy được đâu ! (4)
Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu, (5)
Doanh thu đã dễ qua cầu mây phen.
Xá chi nữa cái hoa hèn,

470

Nghĩ làm chi nữa cái duyên cũ càng !
Đã lòng rẽ thúi chia loan (6)
Đành lòng nát ngọc phai vàng thời vắng
Thôi thôi, thôi cũng cảm bằng,
Tơ hồng phó giã bà giảng cho rồi.
Lạy rồi đứng lại sân ngoài,
Bên bàn say tỉnh mặc người ngồi trơ.
Sinh còn đang cuộc nào ngờ,
Tình dần dần lại bấy giờ biết sao
Biết phương nào biết chước nào

480

Có chăng còn lúc chiêm bao họa là !
Non Thần (7) mây dậm đường xa.
Khói mây man mác dễ mà hồi vầy.
Cát vàng bụi bạc xa bay
Mây tuôn mặt đất, non xây cuối trời.

CHÚ THÍCH.— (1) Lý-Bạch : tức Lý Thái Bạch, một nhà thơ Trung-Hoa về đời nhà Đường nổi tiếng về thơ và rượu. (2) Lưu-Linh : tên một người Trung-Hoa thời xưa, rất nổi tiếng về uống rượu nhiều. (3) Đứt đồng : lấy ở mấy chữ đồng tâm đại hay đại đồng tâm. Đây ý nói vợ chồng thương yêu nhau : (4) Nước đổ bốc đầy được đâu : lấy ở điển Chu-mãi-Thần. Khi ông còn hàn vi, vợ bỏ đi. Tới khi ông thi đỗ, người vợ lại trở về xin tái hợp, ông bèn lấy một bát nước đầy đổ xuống đất bảo người đó bốc lên cho đầy. Người vợ xấu hổ thất cớ tự tử. Câu trên ý nói việc không hay đã xảy ra, hối lại không kịp. (5) Vợ chồng Ngâu : chỉ Ngưu-Lang Chức-Nữ. Tục truyền Ngưu-Lang và Chức-Nữ là hai vị tiên trên trời, một người dệt vải, một người chăn trâu. Sau hai người lấy nhau sinh ra biếng nhác công việc nhà giời. Giời giận lắm và bắt hai người phải xa cách nhau mỗi người ở một bên sông Ngân-hà và hằng năm chỉ được gặp nhau về mùa thu. Gặp nhau hai vợ chồng khóc lóc. Vì vậy mưa tháng bảy thường gọi là mưa ngâu. (6) Rẽ thúi chia loan : thúi là chim chẻ cánh xanh, loan là con cái của chim phượng. Câu này ý nói chia rẽ tình duyên. (7) Non Thần : chỉ núi Thần châu, nơi tiên ở. Đây ý nói mơ màng tưởng nhớ tới nhau.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn.— Một tấn tuồng quen thuộc, một bi hài kịch thường xảy ra trong một gia đình vợ hiền thảo nhưng chồng hay cờ bạc rượu chè.

1.) Trong giai đoạn này có những nhân vật nào ? Các nhân vật ở đây không thể đi đến chỗ hiểu nhau được : tìm những chi tiết để chứng tỏ. (Mãi mê say tình, vẫn vợ tính quý hờn ma v.v...)

2.) Khảo sát tính nết của người đàn bà trong đoạn này. Tâm lý đó là tâm lý một người vợ hiền : chứng tỏ.

3.) Bốn câu đầu tả được tình cảnh gì trong gia đình Tú-Uyên và nàng tiên. Sự say sưa chè rượu của Tú-Uyên đã có ảnh hưởng gì ? Sự say có phải là động tác chính trong bi hài kịch này không ?

4.) Nàng tiên đã đưa ra những lý lẽ nào để khuyên răn Tú-Uyên ?

5.) Khảo sát tâm lý Tú-Uyên khi tỉnh rượu và không thấy nàng tiên, tác giả đã tả tâm trạng buồn và thất vọng đó bằng cách nào ?

6.) Lời văn bài này làm ly thống thiết. Tìm những chi tiết để chứng tỏ (Thời thời... ngắn... thương ôi v.v...)

7.) Lời văn nhiều đoạn linh động : chứng tỏ (đoạn tả say rượu).

8.) Đoạn cuối cùng tác giả dùng những câu văn tả cảnh để tả tình cảm của ai ? Cách dùng văn tả cảnh để tả tình thường thấy trong văn cổ Việt-Nam : Tìm thí dụ.

9.) Âm điệu của toàn bài cho ta cảm giác gì ? Nỗi buồn ở đây là một nỗi buồn thế nào ?

II Luận áp dụng.— Tả một người say rượu.

Khi nàng tiên bỏ đi rồi, Tú-Uyên sanh ra buồn rầu. Một hôm định tự tận thì nàng tiên lại hiện về. Hai người tái hợp. Sau sinh được một con gái tên là Chấn Nhi. Giáng Kiều thấy cảnh trên cõi nhân hoàn lắm than khổ ai nên khuyên chồng lên cõi tiên ở.

► 39. — CÔI TRẦN VÀ CÔI TIÊN

587 *Đồ ai vượt khỏi hồng trần,
Mê sông đắm bẽ bề nhân đã đầy.
Anh hùng mấy mặt xưa nay.*

590 *Trăm năm nát với cỏ cây cũng là,
Lần lần tháng trọn ngày qua
Má hồng mấy phút hóa ra bạc đầu
Thôn hoang mấy năm cỏ khâu (1)
Kìa đèn Đồng-tước (2) nọ lầu Nhạc-dương (3)
Chưa đầy một cuộc tang thương, (4)
Non đồng cũng lở non vàng cũng nghiêng
Sao bằng ngày tháng non tiên,
Vui chung tám cõi, xuân riêng bốn mùa.
Giọc ngang bốn bề năm hổ.*

600

Khắp trong ba khoảng (5) chín châu mặc dầu.

Ra vào kim khuyết (6) quỳnh lâu (7)

Treo tranh yên thủy (8) chắt bầu kiển khôn (9)

Đi về tuyết điểm hoa thôn.

Thông bên dịp phách, xuôi tuôn phim đàn.

Một ngày trong thú thanh nhàn.

Mấy trăm muôn cảnh nhân hoàn (10) độ sao

CHÚ THÍCH

(1) Cỏ khâu : tên một thứ cỏ hay mọc trên các mộ. (2) Đồng tước : tức là đài Đồng tước của Tào Tháo xây ở tỉnh Hà Nam ý nói các nơi lâu đài nguy nga lộng lẫy. (3) Nhạc dương : tên một cái lầu thời xưa ở gần hồ Động Đình bên Tàu còn gọi là Hoàng Hạc Lâu trước lộng lẫy huy hoàng rồi sau cũng điêu tàn tiêu tụy ý nói cuộc xoay vần. (4) Tang thương : lấy ở mấy chữ thương hải tang điền nghĩa là ruộng dâu hóa ra biển xanh. Ý nói cuộc đời biến cải. (5) Ba khoảng : đây chỉ Tam thiên thế giới (xem chú thích số 8 bài cảnh Bích Câu). (6) Kim khuyết : là cửa vàng. Ý nói nơi quyền quý. (7) Quỳnh lâu : quỳnh là một thứ ngọc đỏ và đẹp. Quỳnh lâu : là lầu bằng ngọc, hai chữ này cũng dùng theo ý trên. (8) Yên Thủy : yên là khối, thủy là nước. Ý nói cảnh mây nước thiên nhiên. (9) Kiển khôn : tức là quẻ càn, quẻ khôn trong bát quái chỉ trời và đất, khí âm và khí dương. Hai chữ này chỉ vũ trụ nhân hoàn. (10) Nhân hoàn : Thế giới cõi đời.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn.—Cảnh trần và cảnh tiên, hai cảnh trái ngược hẳn nhau. Một bên thì khổ sở lắm than, luôn thay đổi, một bên thì lộng lẫy huy hoàng, lâu đài bền vững.

1) Côi trần khổ sở : tìm những lý lẽ trong bài để chứng tỏ.

2) Cảnh tiên là một nơi đầy thơ mộng và thanh thú những câu nào trong bài chứng tỏ điều đó ?

II. Luận áp dụng.—Một nơi phong cảnh tuyệt đẹp mà anh đã có dịp qua thăm. Tả lại ?

GIA - HUẤN - CA

(Nguyễn - Trãi)

NGUYỄN - TRÃI (1.380 — 1.442)

Nguyễn-Trãi, người làng Nhị-kê, huyện Thượng-phúc nay thuộc phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông, là con ông Nguyễn-phi-Khanh, làm quan đời Trần-duệ-Tông năm 1.374. Năm 21 tuổi, đậu Thái-học-sinh đời nhà Hồ, ông làm quan với nhà Hồ. Khi Hồ mất, ông Nguyễn-phi-Khanh bị bắt đem về Tàu. Ông theo đèn cửa Nam-quan thì cha cho về và bảo con lo việc trả thù nhà nợ nước hơn là đi theo sang Tàu vô ích :

*Thương cha con nhớ lo cho nước
Đừng để giang-sơn bị thiệt thòi.*

Ông nghe lời quay về giúp vua Lê-thái-Tổ bình định đất nước, và thành bậc đệ nhất công-thần của nhà Lê. Năm 60 tuổi, ông cáo về trí-sĩ ở Côn-sơn huyện Chí linh Hải-dương. Năm 1442 Vua Lê-thánh-Tông tuần du tới Côn-sơn, vào chơi nhà ông rồi đến đêm mất ở đó. Triều thần vu cho ông đồng mưu với nàng hầu là Nguyễn-thị-Lộ giết vua. Ông bị giết cùng cả gia đình. Ông thọ 63 tuổi.

Tác-phẩm của ông gồm có nhiều thơ văn bằng chữ Hán. Ngoài tập thơ Ưc-trai thi tập, một tập sách Địa-dư, Ưc-trai địa-dư-chí, ông còn làm bài Bình-ngô đại-cáo lời lẽ rất lâm ly, hùng tráng, lấy lời vua Lê-thái-Tổ báo cáo cùng dân nước sau khi đuổi được hết giặc Minh.

Văn nôm ông làm rất ít. Ngày nay chỉ còn truyền tụng lại có bài thơ hời Thị-Lộ và quyền Gia-huấn-ca.

GIA-HUẤN-CA

Gia-huấn-ca là một tập bài ca viết theo thể văn song thất lục bát. Mục đích của tác-giả là đem những điều luân-thường đạo lý diễn ra bằng những lời thơ giản-dị, dễ hiểu để dạy vợ con trong nhà, rồi mới đem dạy người ngoài sau. Nhưng không phải vì mục đích phổ thông này mà quyền Gia-huấn-ca không có giá trị về văn-chương.

Trái lại nhiều đoạn văn viết rất lưu loát, du dương. Những ý tưởng về phương diện giáo dục tuy xuất hiện cách đây đã mấy trăm năm, vẫn còn có thể áp dụng cho thời buổi này một phần lớn. Gia-huân-ca có thể coi là một tác phẩm tiêu biểu cho nền giáo-dục gia-đình, nhất là phụ nữ ngày xưa.

Cả cuốn gồm có 6 bài ca : 1. Dạy vợ con. 2. Dạy con ở cho có đức. 3. Dạy con gái. 4. Vợ khuyên chồng. 5. Dạy học trò ở cho có đạo. 6. Khuyên học trò chăm học.

► 40.— LÚC CÒN CON GÁI

- 1 Đặt quyển sách vắt tay nằm nghỉ :
Hễ làm người dạy kỹ thời nên.
Phần son dù chẳng bút nghiên, (1)
Cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào ?
- 5 Nhân thông thả lựa vào quốc-ngữ,
Làm bài ca dạy vợ nhũ con.
Lời ăn, nết ở cho khôn,
Chớ nên đa quá đa ngôn chút nào.
Ăn mặc chớ mỹ miều chải chuốt.
- 10 Hình dung đừng ve vuốt ngấm trông.
Một vừa hai phải thích trung. (3)
Giọt dài giọt ngắn cũng không ra gì. (4)
Khi đứng ngồi chớ hề lơ lửng.
Tiếng nhục nhân nữ nặng đên mình.
- 15 Hạt mưa (5) cái phận lênh đênh,
Tâm son tạc lấy chữ trinh làm dấu.
Kìa mấy kẻ lâu lâu tiêt ngọc,
Đem sắt đánh nguyên lúc lửa chằm (6)
Con hiền cha mẹ an tâm.
- 20 Một nhà khen ngợi, nghìn năm bia truyền.
Nọ những kẻ, nước nguyên non hẹn,

Thấy mùi hoa, bướm rờn, ong chào.
Miệng đời chề riều biết bao,
Động ra quốc-pháp, nhục vào gia-thanh,

25 Đem người trước lấy mình ngấm lại.
Khôn ba năm đừng đại một giờ.

CHÚ-THÍCH.— (1) Phần son : người con gái; Bút nghiên : ở đây chỉ sự học hành ý nói : người con gái dù chẳng được học hành. (2) Nhân tâm : lòng người ; thiên lý : lý lẽ của trời cả câu ý nói lòng người ai mà chẳng thể tại sự dạy dỗ cũng chỉ có một và lòng trời đối với ai cũng thế, không có người nào được trời cho hơn hay kém. (3) Thích trung : thích hợp vừa phải không có gì quá đáng. Giọt dài, giọt ngắn : áo trong, áo ngoài so le nhau, cách ăn mặc ngày xưa, thường có nhiều áo gọi là áo mớ. Hạt mưa : người con gái như hạt mưa sa, có thể rơi vào bất cứ chỗ nào, được rơi vào chỗ tốt là may, rơi vào chỗ xấu cũng phải chịu. So sánh với ca dao :

Thân em như hạt mưa rào.
Hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

(6) Chằm : lửa thật nóng.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Mục đích của tác giả khi viết quyển Gia-huân-ca và lời khuyên người con gái lúc còn ở nhà chưa đi lấy chồng.

- 1) Bài này chia làm mấy phần ?
- 2) Mục đích của tác giả : tóm tắt trong mấy câu này đã đủ chưa ? Nếu chưa đủ thì theo ý anh còn thiếu những ý nào và cần phải bổ khuyết thêm bằng những đoạn nào ? (xem phần trên nói về tác phẩm).
- 3) Tóm tắt ý kiến của tác giả trong đoạn nói về mục đích.
- 4) Hễ làm người dạy kỹ thời nên : anh có đồng ý không ? Tìm thí dụ để chứng tỏ anh hiểu và tán thành hay không tán thành câu này.
- 5) Hai câu 7 và 8 có tóm tắt được ý của tác giả định trình bày trong phần thứ hai không ?
- 6) Chớ nên đa quá, đa ngôn : điều này có phải là tính xấu chung của đàn bà không ? Đa quá, đa ngôn có hại những gì ?
- 7) Hạt mưa cái phận lênh đênh : Tìm thí dụ để chứng tỏ anh hiểu câu này ? Câu này có cho ta biết một quan niệm thông thường về người con gái ngày xưa không ? Quan niệm đó ngày nay có còn hợp thời không ? Tại sao ? Dẫn chứng bằng các thí dụ ?
- 8) Hai câu 17 và 18 : Anh hiểu hai câu này ra sao ? Tác giả định khuyên điều gì ?
- 9) Động ra quốc pháp : Anh biết gì về những điều mà ngày xưa luật pháp dành cho những người đàn bà trắng hoa nói trong mấy câu trên. Bây giờ còn như thế nữa không ?

10) Nhục vào gia thanh : tại sao ? Anh biết gì về những điều mà ngày xưa người con gái trắng-hoa đem lại cho gia đình ? Ngày nay người ta có còn quan niệm như thế nữa không ? Theo ý anh lời khuyên của tác giả có thể đúng đối với tất cả mọi thời đại không ?

11) Khôn ba năm đừng đại một giờ : anh hiểu câu này ra sao ? Tìm thí dụ để chứng tỏ rằng ngay trong các người thanh niên, cũng có nhiều kẻ khôn ba năm đại một giờ.

12) Tìm những chi tiết chứng tỏ trong bài này tác giả một vài khi đã dùng những lời rất đẹp (ví dụ : Phấn son dù chẳng bút nghiên v.v..)

13) Có những câu nào có thể thành những phương-châm trong sự giáo-dục nói chung và sự giáo dục đàn bà con gái ?

14) Lời văn trong bài này : giản dị, nhẹ nhàng : chứng tỏ.

II. Luận áp-dụng. — Nguyễn-Trãi nói : « Chớ nên đa quá đa ngôn ». Tục ngữ Pháp cũng có câu : « Nói nhiều có hại » (Trop parler nuit). Hãy tìm những thí dụ để chứng tỏ sự nói nhiều có hại (trong lớp, trong gia đình, giữa bè bạn v.v..).

► 48. LÚC ĐI LẤY CHỒNG (1)

90 Thuở tại gia (1) phải tòng phụ giáo, (2)
 Khi lấy chồng giữ đạo chính chuyên.
 Trước là hiếu với tổ tiên,
 Những ngày giỗ tết không nên vắng nhà
 Đồ cúng cấp, hương trà tinh khiết,

95 Theo lễ nghi, khép nép khoan thai.
 Ăn nhiều ăn ít cho rồi,
 Chớ điều ghẻ lạnh lời thôi lại về
 Dẫu nội ngoại hai bề cũng vậy
 Đừng tranh hành bên ấy bên này.
 Cù lao đội đức cao dày.

100 Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.
 Bời thương đèn mới nằng mắng quở,
 Muốn cho ta sáng sửa hơn người,
 Ăn cần kẻ tóc chân tai,
 Tầm lòng chép để mây lời tạc ghi

105 *Đừng nặng nhẹ tiếng chì tiếng bấc.
 Đừng vung vãng, mặt vược mặt lãng (3)
 Có thời sớm tiền trưa dăng.
 Cơm ngon canh ngọt cho bằng chị em.
 Dù chẳng có thời yên một phận,*

110 *Người trên ta há giận ta sao ?
 Hoặc khi nhầm lẫn điều nào,
 Đánh đặng cửa trước, chạy vào cửa sau.
 Khi âm lạnh, ta hầu coi sóc,
 Xem cháo cơm thang thuốc mọi bề,*

115 *Ra vào thăm hỏi từng khi,
 Người đà vô sự, ta thì an tâm
 Việc báo đáp phải chăm chữ hiếu.
 Kiệm (4) hay phong (5) cũng liệu tùy nơi.
 Đừng điều tranh cạnh chia bôi. (6)*

120 *Xấu trong làng nước, để cười mai sau.*

CHÚ THÍCH. — (1) Tại gia : ở nhà. (2) Phụ giáo : phụ : người đàn bà ; giáo : sự dạy dỗ : phụ giáo : sự dạy dỗ người đàn bà. (3) Vược, lãng : hai thứ cá to thịt ăn ngon. (4) Kiệm : thiếu thốn. (5) Phong : rồi rào : (Ý nói dù thiếu thốn hay đầy đủ rồi rào cũng cần phải liệu mà tiêu). (6) Chia bôi : theo nghĩa bóng : lấy không làm có.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Lời khuyên người con gái về bổn phận đối với nhà chồng.

1) Hai câu đầu là hai câu chuyện đoạn từ đoạn trên (đoạn này nói về gì : xem phần nói về Gia huấn ca) sang đoạn dưới : hai câu này chuyện có khéo không ? (nghĩa là có tự nhiên, đầy đủ không ? ; hai câu này có tóm tắt được đức tính nào cao quý của người con gái lúc về nhà chồng không ?

2) Bài này chia làm mấy phần (đối với tổ tiên — đối với cha mẹ chồng)

3) Ngày nay, người con gái đi lấy chồng, thường chú trọng nhất đến người chồng. Quan niệm ngày xưa có thể không ? Chứng tỏ rằng đọc đoạn này ta thấy ngay là ngày xưa người con gái đi lấy chồng còn có những bổn phận quan trọng hơn là bổn phận đối với chồng ? Theo ý anh thì những lời khuyên này có còn hợp thời nữa không ? Nếu còn ; tại sao ? Nếu không : cũng chứng tỏ : trình bày các lý lẽ.

4) Đối với tổ tiên ? Trong đoạn này tác giả cố cho ta rõ tại sao ta phải hiếu với tổ tiên không ? Nếu có : tại sao ? Nếu không : anh có thể trả lời hộ tác giả không ?

5) Tại sao tác giả không cần cho ta biết tại sao người con gái đi lấy chồng phải hiếu với tổ tiên nhà chồng ? (Có phải là vì ngày xưa, điều đó là điều ai cũng đã biết rồi không cần phải giảng giải nữa không ? Tại sao ? Ngày nay thì có cần phải giảng giải không ? Nếu có cần phải giảng giải : tìm nguyên nhân).

6) Trong các bồn phận đối với tổ tiên, tác giả chú ý đến những bồn phận nào nhất ? như thế đã đủ chưa ?

7) Tác giả có dạy nên làm mâm cao cỗ đầy trong những ngày giỗ không ? Chứng tỏ rằng chỉ cần hương trà tinh khiết và lễ nghi khoan thai là tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên rồi. Anh có thấy những người nào chỉ cốt nhân dịp giỗ tổ tiên hay cha mẹ, mà khoe khoang sự giàu có của mình và không có một chút lòng thành kính nào với tổ tiên không ? Ý kiến của tác-giả về sự cúng cấp tổ tiên đối với anh thế nào ? Anh có thể áp dụng ý kiến đó vào việc cúng cấp tổ tiên ngày nay không ?

8) Hai câu 97, 98 ngụ ý gì ? Lời dạy này theo ý anh có cần thiết không ? Anh có thấy nhiều người hay suy bì hơn kém về họ nhà mình và họ nhà chồng không ?

9) Kể ra những bồn phận đối với cha mẹ chồng.

10) Những câu hỏi thứ tư và thứ năm có thể lại hỏi lại đối với cha mẹ ?

11) Người ta thường nói : « Dâu hiền như con gái » : những bồn phận của người nàng dâu đối với cha mẹ chồng ở đây có gì khác những bồn phận của người con gái đối với cha mẹ mình ?

12) Kết luận chung về ý kiến của tác-giả có còn hợp thời không ? Có những ý kiến nào cần phải sửa đổi cho hợp thời ? Theo ý anh, người nàng dâu ở đây có thể là người nàng dâu lý tưởng được không ?

13) Chứng tỏ rằng cách hành văn ở đây : giản dị hợp với mục đích phổ thông của cuốn Gia-huấn-ca ; lưu loát (khảo sát về văn, về âm điệu).

II. Luận áp dụng. — Em anh ở nhà trường về hỏi : « Tổ tiên là gì ? Tại sao thầy giáo lại dạy ta phải tôn kính tổ tiên ? » Anh cắt nghĩa một cách giản dị, dựa vào nhiều thí dụ, cho em anh hiểu.

► 49.— LÚC ĐI LẤY CHỒNG (II)

Đạo vợ chồng tình sâu nghĩa ái.

Lại chẳng nên mặt tái mặt tam, (1)

Chuyện đâu bỏ đây cho êm,

Đừng đem bên ấy về gièm bên ta.

125

Sách có chữ : nhập gia văn hủ, (2)

Khi nói năng phải kỹ kiêng khem.

Dịu dàng tiếng thuận lời mềm,

Cứ lời chồng dạy, mới êm cửa nhà.

Chớ nên cậy mình ta tài sắc,

130

Chồng nói ra nhứt lác chê khen.

Nói càn như ở bậc trên,

Thường khi động đến tổ tiên quá lời.

Cơn giận đến, sự đời ngang giữa

Dò thối ra nát cửa hoang nhà.

135

Chữ tùy (3) là phận đàn bà.

Nhu mì để dạ, chua ngoa gác ngoài.

Dù lỗi phận, gặp người từu sắc.

Hay gặp người cờ bạc lưu liên ;

Nhỏ to tiếng dịu lời êm,

140

Dần dà uốn mãi may mềm lại chẳng.

Phải chồng ngược, cần rằng chịu khổ,

Chớ nghiêng đầu, ngánh cổ thiệt thân,

Duyên may gặp dang văn nhân,

Thuộc câu «tương kính như tân» (4) làm lòng.

145

Nghiệp đèn sách, khuyên chồng sập sã,

Tiếng kê mình (5) rờn rã đêm ngày,

Khuyên chồng nhớ đến đạo thầy.

Vật dưng lớn nhỏ, gọi nay lễ thường.

CHÚ THÍCH. — (1) Mặt tái, mặt tam : Tái : hai, tam : ba. Mặt tái, mặt tam : ý nói nét mặt luôn luôn thay đổi, giận dữ, cau kinh v.v.. Ý tác giả khuyên lúc nào cũng nên giữ nét mặt ôn hòa, dịu dàng. (2) Nhập gia vấn huy : vào nhà phải hỏi tên huy (tên của người đã chết) huy còn có nghĩa là những tên phải kiêng. Ở đây : ý nói người con gái về nhà chồng phải hỏi xem phải kiêng những tên ai không được gọi đến. (3) Tùy : theo, thuận theo : phu xướng phụ tùy : chồng nói vợ theo. (4) Tương kính như tân : kính trọng nhau như khách. (5) Kê minh : gà gáy.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Bồn phận người con gái đối với chồng.

1) Phân tích những bồn phận đó.

2) Lại chẳng nên mặt tái mặt tam : đức tính nọ ý trong câu này là đức tính gì ? (dịu dàng, tươi tỉnh). Đức tính đó có hết sức cần thiết cho người đàn bà không ? Chứng tỏ rằng đức tính dịu dàng gồm một phần lớn các đức tính cần thiết của người đàn bà.

3) Hai câu 123, 124 : Anh hiểu câu này ra sao ? Tác giả khuyên điều gì ? Theo ý anh, có nên đem chuyện họ nhà mình về nhà chồng nói lại không ? Trái lại cũng thế. Như thế có hại gì ? Chứng tỏ rằng một thái độ như thế có thể đưa tới sự so bì giữa họ nhà mình và họ nhà chồng ? Sự so bì này có thể có hại gì ?

4) Các câu 123, 124, 125, 126 : Chứng tỏ rằng các lời khuyên trong câu này không những chỉ nói đến bồn phận đối với chồng, mà lại còn nói đến bồn phận đối với gia đình nhà chồng (những bồn phận này tác giả sắp nói đến kỹ càng hơn trong những phần sau). Anh nhận xét gì về cách dàn ý ở đây ?

5) Từ câu 137 đến câu 142 : Anh hiểu ra sao ? Anh có đồng ý với tác giả không ? Ngày nay nếu gặp người chồng ngược như thế người đàn bà có thể làm được những gì.

6) Hai câu cuối cùng : bồn phận đối với chồng hay đối với thầy chồng ? Chứng tỏ rằng ở đây tác giả còn khuyên người đàn bà nên chăm chú khuyên chồng làm cả những bồn phận của người chồng nữa : giá trị của ý kiến tác giả ? Ý anh ra sao ?

II. Luận áp dụng. — Em anh bị mẹ mắng, tủi thân, có ý oán giận. Anh an ủi và khuyên nhủ em, cốt ý cho em biết là mẹ mắng không phải là ghét, và chỉ cho em rõ bồn phận đối với cha mẹ.

► 50.— LÚC CÓ CON

*Ngày con đã biết chơi biết chạy,
Đừng cho chơi cầm gậy treo cao.*

*Đừng cho chơi búa, chơi dao :
Chơi với, chơi lửa, chơi ao, có ngày,*

225 *Làm cho sạch, không hay dầm nước,
Ăn cho vừa đừng ước cao lương.*

*Mùa đông, tháng hạ thích thường (1)
Đừng ôm ấp quá, đừng sống sã con.
Dạy từ thuở hãy còn trứng nước,*

230 *Yêu cho đôn, bắt chước lấy người.
Trình thưa, vâng dạ, đứng ngồi,
Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên,
Gắn mực đen, gắn đèn thoi sáng.
Ở bầu tròn, ở ống thoi dài,*

235 *Lạ gì con có giống ai,
Phúc đức tại mẫu (2) là lời thể gian,
Làm mẹ chớ ăn càn ở dữ,
Với con đừng chửi rủa quá lời.
Hay chỉ thô tục những người,*

240 *Hôm nay cụ cụ, ngày mai bà bà.
Gieo tiếng ra, gây cây gây còi.
Mở miệng thì có ngon có ngành.
Đền tai bụt cũng không lành,
Chồng con khinh rẻ, thể tình mĩa mai.*

245 *Ấy những thói trên đời ngoa đại,
Khôn đời chừa, mới phải đáng người.
Sinh con thời dạy, thời nuôi,
Biết đường phải trái, lựa lời khuyên răn,*

CHÚ THÍCH. — (1) Thích thường : nghĩa trong hai chữ thích hợp : cho vừa đúng vừa đủ theo lệ thường. (2) Phúc đức tại mẫu : phúc đức ở người mẹ.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Phép dạy con : Tác giả khuyên nên dạy con cái như thế nào ?

1) Có cần tìm dàn bài của bài này không ? Tại sao ? Những lời khuyên ở đây có xếp đặt thành từng loại nhất định không ?

2) Phân tích từng lời khuyên một : Tác giả khuyên không nên cho con em cầm gậy, trèo cao, chơi búa, chơi dao, chơi vôi, chơi lửa, chơi ao : Tại sao ? Có thể hại gì cho trẻ con ?

3) Nhưng chơi như thế có thể có lợi gì cho trẻ con không ? hay là chỉ có hại thôi ? Anh có đồng ý với tác giả không ? Cách dạy như thế sẽ làm cho đứa bé thành ra người như thế nào ? Nếu anh không đồng ý kiến với tác giả về vấn đề này thì anh sẽ điều hòa ý tác giả và ý anh ra sao ?

4) Tại sao không nên cho trẻ con ăn ngon, mặc ấm quá ? Anh có đồng ý với tác giả không ?

5) Tìm thí dụ để cắt nghĩa những câu 230, 233, 234. Anh có cho rằng yêu nên cho đòn không ? Dạy trẻ con có nên đánh nhiều không ? Theo ý anh thì roi vọt có đưa lại nhiều kết quả như ý tác giả không ?

6) Tìm chi tiết chứng tỏ tác giả khuyên người mẹ nên làm gương cho con.

7) Phúc đức tại mẫu ? Anh hiểu câu này ra sao ? Có đúng không ? Tại sao ?

8) Khảo sát và phê bình về giá trị chung của tất cả các lời khuyên trên đây : tỏ rằng những lời khuyên này, hiện nay vẫn còn có giá trị, có thể áp dụng được. Tách bạch ra những điều có thể giữ được và những điều cần phải sửa đổi.

9) Lời văn ở đây giản dị, dễ hiểu : chứng tỏ ? Những ý kiến và lời văn ở đây có hợp với mục đích giáo dục và phổ thông của tác giả không ?

II. Luận áp dụng. — Anh có một đứa em gái hay em gái độ 6, 7 tuổi. Anh hãy đưa vào những lời trên đây để nói xem anh dạy dỗ nó như thế nào ? Khi nó khoe anh làm thế nào để dỗ nó ? Những khi nào anh nhường nhịn nó, khi nào anh thấy cần phải cương quyết từ chối hay đánh nó : tìm những thí dụ có thật và kể lại.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Họ tên bà là gì, bà sinh năm nào, mất năm nào, không ai biết rõ, không có sách nào đề tra cứu. Chúng ta chỉ biết bà người làng Nghi-Tâm (nay thuộc huyện Hoàn-Long, Đại lý ngoại thành Hà-nội, lấy ông Lưu-Nghi người làng Nguyệt Áng huyện Thanh-trì tỉnh Hà đông. Ông Lưu-Nghi làm tri huyện Thanh quan (nay là Phủ Thái ninh tỉnh Thái bình) nên người ta thường gọi bà là Bà huyện Thanh-Quan. Bà học rất giỏi nên được vua Minh-Mệnh vời vào trong cung cho sung chức Cung-trung giám-tập để dạy các cung phi học. Bà làm rất nhiều thơ nôm, hiện nay chúng ta chỉ còn giữ lại được một ít. Đặc tính của thơ bà là ý tưởng rất thanh nhã, luôn luôn buồn rầu về những sự thay đổi của cảnh vật thâm trầm. Lời thơ thì điêu luyện, lịch sự.

► 51.— THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỎ (1)

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường.

Đền nay thâm thoát mấy tình sương (2).

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo (3)

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (4)

Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt (5)

Nước còn chau mặt với tang thương (6)

Ngàn năm gương cũ soi kim cổ

Cảnh đây người đây luống đoạn trường (7)

CHÚ THÍCH. — (1) Hoài cổ : nhớ lại cái cũ. (2) Tình sương : sương : một năm ; tình : sao. Tình sương : sương năm nào cũng có, sao một năm đi một vòng (đó là theo như sự hiểu biết của người xưa), vậy mấy tình sương là mấy năm. (3) Thu thảo : cỏ mùa thu. (4) Tịch dương : tịch : buổi chiều ; dương : mặt trời, tịch dương : ánh mặt trời buổi chiều. (5) Tuế, nguyệt : năm tháng. (6) Tang thương : do chữ tang diễn biến vì thương hải : ruộng dâu biến thành bể xanh. Ngày xưa người ta cho rằng trong vòng 100 năm có sự thay đổi ; ruộng dâu biến thành bể và trái lại. Chữ tang thương vì đó ngụ ý nói đến sự thay đổi. (7) Đoạn trường : đứt ruột đau lòng.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Qua thăm thành Thăng Long (Hà-nội bây giờ) chứng kiến sự thay đổi ở đó, tác giả bồi ngùi nhớ lại cảnh ngựa xe tấp nập hồi xưa.

1) Tác giả bồi ngùi trước sự đổi thay : chứng tỏ điều đó bằng cách phân-tích bài thơ này theo cách xếp đặt câu thơ trong một bài thơ Đường luật (phá đề nói gì ? thừa đề, thực, luận kết v.v...))

2) Cuộc hí trường : Anh hiểu mấy chữ này ra sao ? Tác giả định nói đến cuộc hí trường nào ở trong lịch sử Việt-nam ? (nhớ lại tác giả sống trong đời Minh Mệnh : trước đó đã xảy ra những sự kiện lịch sử gì ?) Dùng hai chữ hí trường, tác giả có quan niệm sự đổi thay như những trò cười trên sân khấu không ? Nếu có, chứng tỏ ? Anh nghĩ thế nào về quan niệm ấy ?

3) Tạo hóa... hí trường : Quan niệm cho rằng giới làm ra các sự thay đổi trong trời đất như trò đùa vậy có thường thấy trong các thơ văn khác không ?

4) Hai câu 1, 2 có tóm tắt được ý định của tác giả không ? Có phù hợp với đầu bài không ?

5) Dấu xưa xe ngựa : dấu nào, xe ngựa nào ?

6) Hồn thu thảo : anh hiểu mấy chữ này ra sao ?

7) Nền cũ, lâu đài : nền lâu đài nào ?

8) Chứng tỏ rằng chúng ta sẽ hiểu rõ 4 câu 3, 4, 5, 6 hơn nếu chúng ta nhớ lại rằng trong thời tác giả Thăng Long không còn giữ cái địa vị đế đô như ở các thời trước nữa ?

9) Gương cũ soi kim cồ : gương đó là gương gì ? Cảnh tượng thành Thăng Long dưới sự đổi thay gợi cho ta bài học gì ?

10) Câu cuối cùng : Tại sao nhìn sự đổi thay của cảnh vật, nghĩ đến thân mình tác giả lại đau lòng ?

11) Cảm giác chung khi đọc bài này ?

12) Lời văn, chữ dùng, âm điệu của bài này gợi cho ta cái cảm giác buồn rầu nhẹ nhẹ : chứng tỏ.

II. Luận áp dụng. — Sau khi xa quê nhà một thời gian, lui trở về thấy nhiều sự thay đổi, hãy nói cảm tưởng của anh.

► 52. — HOÀNG HÔN

Chiều trời bảng lảng, bóng hoàng hôn (1)

Tiếng ốc xa đưa, lẫn trống đồn,

Gác lưới ngư ông về viễn phố, (2)

Gỗ sừng mục tử (3) lại cô thôn.

Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi,

Dặm liễu sương sa khách bước dồn,

Kẻ chôn Chương Đài, (4) người lữ thứ, (5)

Lầy ai mà tỏ nỗi hàn ôn. (6)

CHÚ THÍCH. — (1) Hoàng hôn : lúc sâm sẫm tối. (2) Viễn phố : một nơi nào xa xa chỗ dừng chân. (3) Mục tử : kẻ chăn trâu. (4) Chương Đài : người ở nhà. (5) Người lữ thứ hay lữ thứ : người đi xa, ở quán trọ. (6) Hàn ôn ; lạnh nóng : ý nói sự sẵn sác.

BÌNH GIẢNG

II. Ý tưởng và lời văn — Một buổi chiều, lúc trời chưa tối hẳn, còn vương một ít ánh mặt trời vàng nhạt.

1) Tả cảnh hay tả tình, hay cả hai ? Chứng tỏ rằng tác giả muốn nhấn mạnh về tả cảnh hơn, nhưng dùng cảnh đó mà tả tình. Tình nào ? Cảnh có phù hợp với tình không ?

2) Đây là một bức tranh, gồm nhiều hình ảnh : chứng tỏ.

3) Phân tách từng hình ảnh một :

a) Câu 1, 2 : phá đề và thừa đề : có làm được nhiệm vụ của chúng không ? Phân

tách cảm giác về thị quan và thính quan : anh có hình dung ra trước mắt cái cảnh tượng đó không ? Tiếng ốc và tiếng trống ở đây có công dụng gì ?

b) Câu 3, 4, 5, 6 : chứng tỏ rằng trong 4 câu này, tác giả tả những cảnh tượng trên trời, dưới nước, trên bộ, trong xóm, trên con đường làng v.v... Chứng tỏ rằng cảm giác thị quan ở đây trội hơn các cảm giác về thính quan. Cảm giác về thính quan ở đây có quan trọng không ?

c) Hình ảnh mục đồng về cô thôn và người khách bước dồn gợi cho ta cảm giác gì ?

d) Câu 7, 8 : Chứng tỏ rằng các hình ảnh ở hai câu trên đưa đến ý nghĩ ở hai câu 7, 8 một cách rất tự nhiên.

e) Chứng tỏ rằng ý diễn ở hai câu kết mới thành ý chính : tất cả các hình ảnh của toàn bài đều có mục đích đưa đến đó : chứng tỏ ?

4) Cảm giác chung của anh khi đọc bài này ?

5) Lời văn : gợi hình, có nhạc điệu, nhịp nhàng về hình ảnh cũng như về những âm thanh.

II Luận áp dụng. — Anh rời nhà quê lên tỉnh học. Một buổi trưa, ngồi trong nhà, nhìn ra ngoài phố vắng vẻ, anh cảm thấy nhớ cảnh tượng nơi quê nhà. Anh hãy tả những cảm giác của anh.

► 53. — QUA ĐÈO NGANG (1) TỨC CẢNH (2)

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa,

Lom khom dưới núi, tiều vài chú,

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái da da,

Dừng chân đứng lại, giờ non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

CHÚ THÍCH. — (1) Đèo Ngang : một cái đèo thuộc rặng núi Hoành sơn chạy thẳng ra biển, giáp giới Hà Tĩnh, Quảng bình chắn ngang đường từ Bắc vào Nam. (2) Tức cảnh : nói về phong cảnh ở trước mắt.

BÌNH GIẢNG

I. Ý tưởng và lời văn. — Đến Đèo ngang xúc cảnh sinh tình, tác giả tả cái cảnh mình thấy ở trước mắt.

1) Bài này có thuộc cùng loại với hai bài trên không ? Chứng tỏ rằng trong bài này cũng như trong hai bài kia, tác giả mượn cảnh mà tả tình cảm của mình.

2) Tình đó là tình gì và cảnh có phù hợp với tình không? Muốn như thế cảnh phải thế nào?

3) Câu đầu : ghi rõ được thời gian và không gian. Chứng tỏ.

4) Câu 2 : có gì đặc biệt không? Có gợi ra hình ảnh gì không, hay chỉ là những câu thường như những câu khác : chứng tỏ.

5) Câu 3, 4 : khảo sát về cảm giác thị quan trong bài này? Cảm giác thị quan còn gây ra cảm giác gì nữa (cảm giác vắng vẻ, yên tĩnh). Các chữ dùng (lom khom, vài chú, lác đác) có giúp cho cảm giác đó không?

6) Nhớ nước đau lòng con quốc quốc : Đọc lại cả câu, nhấn mạnh các chữ văn trắc nước, quốc quốc. Anh có thấy là trong cái cảnh hết sức yên lặng ở trên nổi lên mấy tiếng quốc kêu không? Tiếng quốc kêu thường có to không? Sao ở đây lại nghe thấy to. Các tiếng quốc quốc, có bắt trước được tiếng quốc kêu để cho ta nghe thấy tiếng quốc kêu thực không? Khảo sát về sự nhịp nhàng nghĩ thanh ở đây.

7) Thương nhà mỗi miệng cái da da : Sự quan trọng của tiếng mỗi miệng : Có chứng tỏ được rằng chim kêu đã từ lâu không? (nghe như một tiếng kêu rỗng rã vậy). Cũng nhận xét như trên về sự nhịp nhàng nghĩ nhanh.

8) Trong hai câu 5, 6 có một mỹ từ pháp mà người ta thường gọi là lối bốn chữ, mượn chữ hay tá âm, dựa vào thí dụ ở đây để cắt nghĩa.

9) Lối tá âm ở đây có công dụng gì, có tỏ được tình cảm của tác giả không? Lối diễn tả này có câu kỳ không? Nếu có tại sao? Nếu không, chứng tỏ là lối hành văn ở đây nhờ âm điệu, chữ dùng mà thành ra tự nhiên.

10) Hai câu 7, 8 : cắt nghĩa.

11) Cả bài là một bức tranh thủy mặc, một cảnh tượng rộng rãi bao la, yên tĩnh, thanh nhã, êm đềm hơi đượm vẻ buồn : chứng tỏ.

II. Luận áp dụng. — Buổi sáng trên mặt sông, lúc trời bình minh.

TRƯƠNG VINH KÝ (1837 - 1898)

Tiên sinh người tỉnh Vĩnh Long (Nam Việt), thường gọi là Pétrus Ký. Ngay từ thuở bé đã tỏ ra rất thông minh, được các nhà truyền giáo cho đi học ở ngoại quốc, và do đó biết rất nhiều ngoại ngữ như Thái, Miên, Lào, Anh, Pháp, Bồ đào Nha, La Tinh, Hy-Lạp v.v... Khi cụ Phan-thanh-Giản đi sứ sang Pháp để điều đình về mấy tỉnh Nam Kỳ, tiên sinh được cử đi làm thông ngôn. Khi trở về được cử làm giáo viên tại trường Hậu bổ. Tác phẩm của tiên sinh gồm có những sách phiên âm từ chữ nôm ra chữ quốc ngữ như Kim-vân-Kiểu, Đại Nam Quốc sử Diên Ca, Gia huấn ca, Lục-vân-Tiên v.v... những sách sáng tác như Truyện đời xưa, Truyện Khôi hài, v.v... Tiên

sinh đã có công lớn trong việc truyền bá chữ quốc ngữ trong buổi đầu còn phôi thai. Do đó ta sẽ thấy trong những bài trích sau đây, văn của tiên sinh, so với thời đại chúng ta, có vẻ lụng củng, dài giòng. Nhưng nếu so với thời đại của tiên sinh thời đó là một bước tiến rất lớn của chữ quốc ngữ.

► 54. — BỤNG LÀM DẠ CHỊU

Có một anh bắt tài chẳng biết làm gì mà ăn mới đi học làm thầy bói. Bói nhiều quẻ cũng khá ứng, nên thiên hạ tìm đưa nhau đem tiền đến xem bói...

Bữa kia trong đền vua có mất con rùa vàng, kiếm thôi đã cùng đã khắp mà không ra.

Người ta mới tâu : Có anh thầy bói kia có danh, xin cho rước vào tới mà dạy gieo quẻ bói thử, họa có được chăng. Vậy vua giáng chỉ, dạy sắm võng giá quân gia đủ lòng cho đi rước cho được anh ta về.

Thầy quân gia rần rộ tới nhà, trong bụng đã có lo có sợ, không biết lành dữ đường nào, chẳng ngờ nghe nói vua đòi đến bói mà kiếm con rùa vàng của vua mất đi, trong lòng đã bần biên, sợ e bói chẳng nhằm mà có khi bay đầu đi mà đành phải vâng, phải đi, đành liều mặc may mặc rủi. Bịt khăn, bận áo, bước lên võng ra đi nằm những thờ ra, thờ vô không biết liệu phương nào, mới than rằng : Bụng làm dạ chịu, chớ khá than van...

Chẳng ngờ may đâu hai thằng khiêng võng, một đứa tên là Bụng, một đứa tên Dạ, là hai đứa đã đồng tình ăn cắp con rùa vàng của vua nghe thầy nói làm vậy thì ngờ là thầy thông thiên đạt địa đã biết mình rồi, sợ thầy nói tới tên mình ra, vua chém đi cho nên để võng xuống, lại lạy thầy, xin thương xót đền mình, vì đã đại sinh lòng tham mới ăn cắp con rùa ấy mà dầu trên máng sồi. Xin thầy làm phúc, đừng có nói tên ra mà chúng tôi chết tội nghiệp.

Anh thầy nghe nói mới hờ hời được, đem bụng mừng thì mới nói : Thôi tao làm phúc tao không nói đâu mà hồng sợ. Tới nơi anh

ta bối xong, kiếm được rồi vua trọng thưởng, lại phong cho chức sắc về vinh quang.

Mà vốn thiệt là việc may đâu mà nên mà thôi chẳng phải là tại va có tài nghề chi đâu. Ở đời có nhiều người nhờ vận mạng mà thôi, chớ chẳng phải tài tình chi.

Truyện đời xưa

► 55.— THẰNG CHỒNG KHỜ

Có hai vợ chồng, vợ thì ít oi thiệt thà, chồng thì khùng khùng, đại đại, khờ không đi, không biết truyện gì hết. Vợ nó có mang. Tới ngày nằm bẹp. Sẵn nó nghe người ta nói: chớ để thì dữ lắm thường hay cắn. Nó mới nghĩ, nó dứt mình cha chả! vợ mình đẻ, có khi nó dữ lắm. Sức chớ mà còn làm vậy, huống chi người ta. Nên khi nó đem cơm cho vợ thì nó đứng xa xa, không dám léo lại gần, tay thì cầm một cái cây, bộ tướng dị kỳ.

Vợ nó thấy vậy thì tức cười. Nó in trí đã sẵn. Nó mới nói trong mình nó: Ấy họ nói thật, hễ đẻ thì hung, chưa gì nó đã nhân rằng muốn làm dữ. Ở muốn làm dữ thì tao cho làm dữ nhé. Nó vác cây lại đập vợ nó một cây. Con ấy, non da yếu gồi chạy không kịp, chệt tưởi tại giường cũ.

Truyện đời xưa

HUỲNH TỊNH CỦA (1834 — 1907)

Tiên sinh là người đồng thời với Trương-vĩnh-Ký, sinh ở tỉnh Bà-ri-a (Nam Việt), thường gọi là Paulus Của. Năm 1861, tiên sinh được bổ làm đốc phủ sứ. Cũng như Trương-vĩnh-Ký, tiên sinh hăng hái làm việc truyền bá chữ quốc ngữ. Là một trong những người đầu tiên khởi xướng phong trào báo chí ở nước ta, tiên sinh đã sáng lập tờ Gia định báo. Tác phẩm gồm có 2 cuốn Truyện giải buồn và 1 cuốn Đại Nam quốc âm tự vị. Cuốn sau này có thể coi như cuốn tự điển đầu tiên ở nước ta. Những Truyện giải buồn của tiên sinh là những chuyện cổ góp nhặt lại, thường có tính cách dạy luân lý và hoang đường.

► 56.— CHÍ KHÍ CAO

Thuở xưa vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho Hứa Do bèn đòi Hứa Do tới mà dạy rằng: trăm nghe người có tài đức lớn, trăm muốn truyền ngôi cho người, người phải nổi ngôi cho trăm mà làm vua thiên hạ. Hứa Do nghe nói tức cười, vội vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy có người Sào Phủ là người giữ trâu đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa Do đang lum khum rửa tai, hỏi Hứa Do làm sao mà rửa tai? Hứa Do lắc đầu nói: Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua. Sào Phủ nghe nói liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa Do hỏi làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống? Sào Phủ rằng: anh rửa tai xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm. Sào Phủ lại rằng: anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh hãy còn danh lợi.

Nghe mà rửa tai bằng giữ vẹn đừng nghe.

► 57.— CÙ DỤC

Có một người nuôi chim biết ca dạy đủ tiếng nói, đi đâu cũng không rời con chim. Một bữa qua đất Phong Châu, đem chim theo, lỡ đường thiếu tiền ăn, người ấy lấy làm lo buồn, con chim vùng nói rằng: sao không bán tôi đi, bán tôi được thì chẳng lo chi tiền ăn. Người nuôi chim nói rằng: ta không nỡ bán mấy. Con chim nói không can chi, chủ lấy tiền rồi đi cho chóng, qua phía bên tây khỏi thành hai mươi dặm, thấy chỗ cây cao thì đợi tôi. Người nuôi chim nghe đặng đem chim vào thành, và đi nói chuyện ai nấy đều theo mà coi. Xảy có người trong nội thấy sự lạ chạy về tâu vua, vua liền cho vời chủ chim hỏi mà mua, chủ chim thưa rằng: kẻ tiểu nơn nuôi chim mền tay, mền chân, đi ở không lìa nhau, dầu túng cũng không đành bán. Vua hỏi chim muốn ở lại hay muốn đi theo. Chim thưa rằng: muốn ở lại. Vua mừng, con chim lại nói trả chừng mười đồng mà thôi, chớ trả chi cho nhiều. Vua lại càng mừng hơn, hỏi cấp đủ mười đồng, chủ chim làm bộ giận dữ lấy tiền quây quả ra đi.

Vua nói chuyện chơi, con chim trình thưa bắt thiếp, vua dạy đem thịt cho chim ăn. Chim ăn rồi liền đòi đi tắm Vua dạy lấy chậu vàng múc nước mở cửa lồng cho nó ra tắm, chim tắm rồi, bay lên mái nhà đứng ríu lông, nói chuyện với vua dằng dòi ráo lông rồi, nó sẽ cánh ra nháy nhót, nói tôi đi nhé. Chưa kịp ngó nó đã bay mất, vua cùng nội thị ngửa mặt than tiếc, hỏi đi kiếm chủ chim thì cũng không thấy.

► 58. — ĐÔNG PHƯƠNG SỐC

Vua Hán vô dãi yền quân thần, nhưn vui nói qua sách tướng rằng : nhân trung ai dài một tấc thì hưởng thọ một trăm năm. Ông Đông phương Sốc châu một bên vùng cười rề, quan hữu tư tâu rằng ông ấy không cung kính. Ông Đông phương Sốc cắt mào chịu tội mà rằng : kẻ hạ thần không dám cười bệ hạ, thật tình cười ông Bành tổ mặt dài. Vua phán hỏi ông Đông phương Sốc tâu rằng : trong sách nói ông Bành tổ sống tới tám trăm tuổi, kính vưng lời bệ hạ dạy, thì mỗi trên ông Bành tổ phải thông tám tấc, suy ra thì mặt ông ấy phải dài hơn một trượng. Ông Võ đề nghe nói cũng tức cười.

► 59. — CHÓ BIẾT CỨU CHỦ

Có một người đi buôn bán bên đất Vu hồ, được tiền bạc nhiều mướn ghe mà về xứ sở. Xảy thấy Phường làm thịt chó khiêng một con chó đi trên đàng, người ấy chịu nhiều tiền chuộc đem xuống ghe nuôi dưỡng tử tế. Chẳng dè ghe mướn ấy là ghe ăn cướp, thầy bộ hành chở tiền bạc nhiều, chèo ngay vào chỗ hóc hiểm, vác gươm ra toan làm dữ. Người ấy lạy khóc xin cho toàn thân, quân ăn cướp liền lấy mền rủ gói anh ta lại, cột chặt bỏ xuống sông. Con chó thấy vậy kêu la nháy theo cán lấy gói, hụp lên hụp xuống dưới nước, linh đình trôi theo giòng nước một đôi xa xa, may tới chỗ cạn, chắn ngang lại đó. Con chó lội lên bờ kiểm chỗ có nhà người ta chạy tới chạy lui, kêu sủa mấy tiếng buồn bực. Có kẻ lấy làm lạ chạy theo nó tới chỗ cạn, con chó vùng lội xuống nước người chạy theo ngó ra thì thấy một

gói mền mền nằm trên mặt nước liền lội ra vớt lên bờ, mở dây ra thì người bộ hành hãy còn sống, tỉnh lại nói hết sự tình thuê ghe trở lại đất Vu hồ cho đặng thám ghe ăn cướp ! Người ấy bước chân xuống ghe liền mất con chó, lấy làm thương tiếc quá chừng. Tới cửa Vu hồ ba bốn ngày thuyền đậu chật sông mà không thầy ghe ăn cướp. Tỉnh cờ con chó ở đâu chạy tới, ngó thầy chủ liền la lên dường như kêu chủ đi, chủ theo nó chạy tới trước. Con chó nhảy lên ghe lạ cắn cứng ống chân người dưới ghe, đánh không nhả. Chủ nó lại gán la lên : té ra người nó cắn là đứa ăn cướp bữa trước, nó thay đổi lột đi qua ghe khác cho nên khó nhìn. Bắt ép tên ấy trối lại, xét trong mình nó, thì vàng bạc nó ăn cướp hãy còn.

Ấy là chó mà còn biết trả ơn, những người đen bạc không biết liêm sỉ cũng phải hổ cùng nó dường nào.

► 60. — LỘC ĐỜI

Có một người sang giàu hay làm điều thất đức, người vợ thường lấy điều quả báo mà ngăn can, cũng không thêm nghe. Ngày kia có thấy tướng tới nhà, ngồi chăm chỉ ngó sang người sang giàu mà rằng : tôi coi tướng ông còn ăn lương hai chục học, bột hai chục học mà hết lộc trời. Người sang giàu không tin, nói với vợ rằng, kể một ngày ăn chót năm hết hai học bột, tính ra lộc trời cũng còn dư hai mươi năm thì cũng khá, và lại làm lành cũng chết, làm dữ cũng chết. Người ấy không biết kiêng sợ, cứ việc làm điều ác đức như cũ, chẳng dè qua năm sau mắc bệnh tiêu khát ăn chừng nào đói chừng này : mỗi ngày ăn hơn mười bữa mà cũng còn đói, mãi năm ăn đủ số phải bỏ mình.

Chuyện giải buồn
in năm 1886

MỤC LỤC

Mấy lời nói đầu

Khái niệm về các lỗi hành văn

Những nguyên tắc chính dùng để giảng văn

Một bài văn bình giảng : Năng Mới

Chương trình quốc văn Đệ Lục

I.- PHẦN KIM VĂN

1.— Ngày khai trường	Antole France
2.— Buổi học đầu tiên.	Ernest Lavisse
3.— Ý Thu	Anatole France
4.— Thu cảm	Khái Hưng
5.— Trên bãi bờ	Bùi Hiển
6.— Buổi chiều mùa gặt	Thạch Lam
7.— Đêm ngày mùa	Hoàng Đạo
8.— Đường trường	Trần Cư
9.— Một bà mối	Khái Hưng
10.— Thách cưới	Khái Hưng
11.— Đám cưới nhà quê	Gustave Flaubert
12.— Người cho máu	G. Duhamel
13.— Nhân loại	Bersot
14.— Bên rặng tre già	Lê-vĩnh Hòa
15.— Một vụ kiện ly dị	Bùi Hiển
16.— Ra khơi	Trần Cư
17.— Một cuộc đua thuyền	Bình-nguyên-Lộc
18.— Bị kịch trên mặt bể	Pierre Loti
19.— Bay đêm	Vô danh
20.— Trong thư viện	Hoàng Đạo
21.— Con đường sáng	Hoàng Đạo
22.— Một kép hát	Lê văn
23.— Giữ thanh danh	Khái Hưng
24.— Nghề thầy thuốc	Lê văn
25.— Phất giải chim thi	Kim Lân
26.— Hà Tiên	Sơn Nam
27.— Đò sang ngang	Nguyễn-văn-Nhàn
28.— Âm nhạc thần tiên	Romain Rolland
29.— Trong phòng khách đợi	Vũ trọng Phụng
30.— Đẹp hậu-giang	Kiên Giang

31.— Hải-Cảng Cam-Ranh	Võ Liệu
32.— Đà Lạt	Đức Giang
33.— Vàm cỏ trắng thanh	Tây Hà
34.— Gánh nước đêm Ba mươi	(theo Lê Văn)
35.— Tết buồn	Lê Văn
36.— Mười ba chiến sĩ Yên-Thế	(theo Triều Đầu)
37.— Chuyển bay đầu tiên	(theo Toàn Phong)
38.— Tôi yêu	Bàng bá Lân
39.— Hai đứa bé mồ côi	(theo Lê văn Trương)
40.— Tết chiến trường	(theo Vũ công Phúc)
41.— Xuân về quê mẹ	(theo Vũ Nhân)

II — PHẦN CỔ VĂN

Một bài ca dao bình giảng : Thăng Bờm

Thề lục bát

Vài nhận xét về thơ Đường

BÍCH CÂU KỲ NGỘ

42.— Cảnh Bích Câu
43.— Tú Uyên gặp Tiên
44.— Tú Uyên than thở với tranh
45.— Nàng Tiên bỏ đi
46.— Cối Trăn và cối Trăn

GIA HUÂN CA

(Nguyễn-Trãi 1380-1442)

47.— Lúc còn con gái
48.— Lúc đi lấy chồng (I)
49.— Lúc đi lấy chồng (II)
50.— Lúc có con

BÀ HUYỆN THANH QUAN

51.— Thăng long thành hoài cổ
52.— Hoàng hôn
53.— Qua Đèo Ngang tức cảnh

TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

54.— Bụng làm dạ chịu
55.— Thăng chồng khờ

HUỲNH TỊNH CỦA

56.— Chí khí cao
57.— Cù dục
58.— Đông phương Sóc
59.— Chớ biết cứu chủ
60.— Lộc đời.

13.) VŨ-TRỌNG-PHỤNG.— Nhà tiểu thuyết tả chân xã-hội và phóng-sự rất được hoan-nghênh, mới mất vào khoảng 1940-1941. Những tiểu thuyết xã-hội cũng như phóng sự của ông đều có mục-dịch trình bày những mặt trái xấu xa của xã-hội để cải-tạo nó. Đã xuất-bản về loại tiểu thuyết: Giông tố, Số đỏ, Dứt tình, Lầy nhau vì tình v.v. Về loại phóng sự: Cạm bẫy người, Cơm thầy cơm cô, Kỹ-nghệ lấy tây v.v.

Trong phòng khách đợi 29

14.) LÊ VĂN TRƯỞNG.— Nhà văn nổi tiếng ở Bắc Việt cùng thời với các tác giả trong Tự lực văn đoàn trong khoảng thời gian từ 1930 đến 1940, cộng tác với tờ « Tiểu thuyết thứ bảy » của ông Vũ đình Long, một tờ tạp chí được hoan nghênh song song với tờ Phong hóa của Tự lực văn đoàn. Đã cho xuất bản rất nhiều tiểu thuyết. Ông được coi là nhà tiểu thuyết « rồi rào » nhất trong các nhà tiểu thuyết Việt nam, ít nhất cũng về lượng. Bắt đầu viết từ năm 1930, cho đến nay ông cũng hãy còn viết lai rai trên các báo ở Saigon. Số truyện ngắn và truyện dài xuất bản rất nhiều có đến 200 cuốn. Cốt truyện của các tác phẩm đều lấy trong xã hội trung lưu Việt nam. Các nhân vật chính đều là những người có những tình cảm, ý nghĩa mãnh liệt, hùng tráng, lạc quan, hy sinh cho những ý tưởng cao cả, luôn luôn xử sự rất khác thường trong những hoàn cảnh rất éo le, đặc biệt. Do đó Lê văn Trương thường được gọi đùa là « Con người hùng ». Về giá trị của các tác phẩm đó, có người cho là kém sâu sắc về phương diện triết lý và tâm lý. Ý kiến này cũng có phần đúng. Tuy nhiên, điều có thực là ông rất được giới bình dân, phụ nữ và thanh niên trung lưu hoan nghênh. Có điều cần xác nhận là các tác phẩm của ông có nhiều tác dụng về luân lý. Tác phẩm được chú ý nhất là cuốn « Một người » truyện một thanh niên có học, có đủ điều kiện để sống một cuộc đời sung sướng nhưng chỉ vì không chịu khuất phục ông chủ sở khi bị ông này làm nhục, đã từ bỏ hết, để sống một cuộc đời thiếu thốn, để giữ tư cách của « Một người ».

Hai đứa bé mồ côi 39

15.) Tất cả các tác giả khác như Lê Văn, Võ Liệu, Tây Hà v.v, đều là những tác giả đương thời, mới viết một số truyện ngắn trên các báo, chưa cho xuất bản các tác phẩm.

TÁC-GIẢ NGOẠI QUỐC

1.) BERSOT.— (Ernest) 1815-1880 : Giáo sư người Pháp viết về luân-lý. Nhiều ý-tưởng rất sâu sắc. Lời văn linh động và dễ yêu.

Nhân loại 13

2.) GEORGES DUHAMEL.— Vừa là văn sĩ vừa là thầy thuốc Pháp hiện giờ hãy còn sống.

Người cho máu 12

3.) FLAUBERT.— (Gustave) 1821-1880. Văn-sĩ nổi tiếng về thể kỷ XIX. Có khuynh hướng tả chân. Trong cuốn sách nổi tiếng nhất « Madame Bovary » ông đã mô tả đời sống và phong tục miền Normandie, kể chuyện một người đàn bà ở tỉnh nhỏ mà cứ muốn theo đời sống như các bà quý phái và trưởng giả. Các cuốn khác của ông như Salambô, Education sentimentale đều được coi là những tác phẩm được hoan-nghênh ở nước Pháp.

Đám cưới nhà quê 11

4.) FRANCE.— (Anatole) 1844-1914. Văn-sĩ tiểu thuyết gia phê-bình gia, thi-sĩ, trong loại nào ông cũng viết những cuốn sách có ý tưởng rất sâu sắc và lời văn nhịp nhàng và sáng sủa. Tác-phẩm chính của ông là cuốn Le livre de mon ami.

Ngày khai trường 1

Ý thu 3

5.) LAVISSE.— (Ernest) : Sử-gia và giáo sư : Đã viết sử nước Phổ, sử nước Pháp, kỷ niệm, diễn văn cho trẻ em...

Buổi học đầu tiên 2

6.) LOTI.— (Pierre) 1850-1923 : Văn-sĩ thủy-binh đã viết rất nhiều tiểu thuyết trong khi lang thang trên mặt bể. Cuốn tiểu thuyết được chú ý nhất là cuốn Pêcheurs d'Islande.

Bị kích trên mặt bể 18

7.) ROLLAND.— (Romain) Sinh năm 1886. Văn sĩ sử gia : về nghệ-thuật, rất-thích âm nhạc. Cuốn Jean Christophe kể chuyện đời một nhạc sĩ :

Âm nhạc thần tiên 28

8.) VÔ DANH.— Bay đêm 19

NHÀ XUẤT-BẢN BÔNG-LAU

34, ĐƯỜNG CÔ BẮC — SAIGON — ĐIỆN-THOẠI : 060

ĐÃ PHÁT HÀNH

- Việt - Văn Diễn - Giảng

Lớp Đệ Thất

- Việt - Văn Diễn - Giảng

Lớp Đệ Lục

của NGUYỄN-XUÂN-HIỆU
và TRẦN-MỘNG-CHU

SẴN XUẤT BẢN

- Việt - Văn Diễn - Giảng

Lớp Đệ Ngũ

- Việt - Văn Diễn - Giảng

Lớp Đệ Tứ

Thư từ và ngân phiếu xin đề cho : Ông Lê văn Thoan — 34 Cô Bắc — Saigon

KD số 941/HĐKDTƯ/PI/XB

ngày 6 tháng 5 năm 1963

Giá : 32đ